

HỮU THỌ

Chuyện
nhà,
Chuyện
nước

(Xuất bản lần thứ ba)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
NGUYỄN THỊ HƯỜNG
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ

Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: PHẠM NGUYỆT NGÀ
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THỊ HƯỜNG
BÍCH LIÊU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/4-23/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 416-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.
Nộp lưu chiếu: tháng 7 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6889-1.

Chuyện
nhà,
Chuyện
nước

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Hữu Thọ

Chuyện nhà, chuyện nước / Hữu Thọ. - Xuất bản
lần thứ 3. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 272tr. ; 21cm
ISBN 9786045767115

1. Báo chí 2. Xã hội 3. Ứng xử 4. Tản văn
5. Tiểu luận 6. Việt Nam
070.44930209597 - dc23

CTF0549p-CIP

HỮU THỌ

Chuyện
nhà,
Chuyện
nước

(Xuất bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà báo Hữu Thọ, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập báo *Nhân Dân*, nguyên Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương)..., là người đã hơn 50 năm gắn bó, tâm huyết với nghề báo và có những đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực báo chí.

Ông vốn là cây bút sắc sảo trong các thiên phóng sự điều tra thời kỳ đổi mới. Theo hồi ký của ông, từ ngày giữ các cương vị quản lý ít có thời gian tiếp xúc, ở lâu với cơ sở, ông chuyển sang viết tiểu phẩm báo chí, đến nay đã tập hợp, chọn lọc in thành 6 cuốn sách dày gần 2.000 trang, trở thành cái tên “*Người hay cãi*” thân thuộc với đồng nghiệp và bạn đọc.

Nhưng bên cạnh các luận văn (in trong tập *Theo bước chân đổi mới*), sách về nghiệp vụ báo chí và một số tiểu phẩm, hồi ký (in trong tập *Công việc người viết báo; Mất sáng, lòng trong, bút sắc; Đèn xanh, đèn đỏ; Chạy và Ô, dù, lọng*), ông còn có mảng sách mà tác giả gọi là tản văn, tiểu luận, theo kiểu “gặp đâu ghi đó”, “thấy gì bàn đó”, ngắn gọn và không câu nệ thể loại.

Tản văn của Hữu Thọ cũng có những phong cách riêng, thâm trầm, dí dỏm và cũng đều phản ánh tư duy, phong cách của tác giả xuyên suốt các thể loại.

Chuyện nhà, chuyện nước là tập tản văn, tiểu luận của tác giả viết trong khoảng thời gian 2001 - 2006, phản ánh những nét chấm phá về các vấn đề con người, làm người trong các mối ứng xử mới vào những năm đầu của thế kỷ XXI khi xã hội chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần đầu vào năm 2007; tái bản năm 2012. Năm 2021, cuốn sách được chúng tôi đưa vào tái bản trong seri các cuốn sách của nhà báo Hữu Thọ về chủ đề chống tham nhũng, tiêu cực trong xã hội.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CÁI DUYÊN

Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học, nhưng tôi cảm nhận trong ngôn ngữ của ta cũng như nhiều dân tộc khác, có những từ không thể dịch ra các từ nước ngoài bằng một từ tương ứng vì những nội hàm riêng. Ngay trong thời hiện đại, từ **Đổi mới** hoàn toàn có thể dịch sang tiếng nước ngoài bằng một từ, nhưng trong nhiều Từ điển Bách khoa trên thế giới người ta để nguyên từ **Đổi mới** bằng tiếng Việt, vì sợ lẫn với cải tổ, cải cách; rồi từ V.A.C thì có thể dịch ra tiếng nước ngoài dài dòng của khái niệm Vườn - Ao - Chuồng nhưng vẫn để nguyên V.A.C để có địa chỉ Việt Nam về sự sáng tạo của một nền kinh tế sinh thái trong từng gia đình. Đó là những từ hiện đại có nội dung riêng mới có, nhưng lại có từ vốn có trong truyền thống, biểu hiện không chỉ ngữ nghĩa mà còn chuyển tải một tâm hồn, một giá trị của dân tộc thì lại rất phong phú và rất khó dịch. Nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10),

thủ bàn đến một từ liên quan tới người phụ nữ Việt Nam.

Về vẻ đẹp dịu dàng, nét na, sắc sảo của người phụ nữ thì trên thế giới này có rất nhiều từ để miêu tả, để chuyển tải. Thuở sinh thời, anh Nguyễn Khắc Viện vốn được tôi khâm phục là một nhà văn hóa sâu sắc, hiểu kỹ văn hóa nước nhà và nhiều nước trên thế giới, vốn tiếng Pháp rất được kính nể, cho nên trong câu chuyện tâm sự, có lần tôi hỏi anh: “Từ *duyên* của Việt Nam thì anh *dịch* ra tiếng Pháp là gì?”. *Duyên* ở đây không phải là duyên nợ, duyên phận, duyên may của triết học tôn giáo mà là “*cái duyên*” của người con gái. Thậm chí già rồi mà vẫn còn *duyên*. Anh ngẫm nghĩ một lúc, đưa ra một số từ tiếng Pháp, rồi sau đó lại nói là chưa phải. Nó là “*đẹp*” - chưa phải. Nó là “*dịu dàng*” - chưa phải. Nó là “*lịch sự*” - chưa phải. Nó là “*nét na*” - chưa phải... Sau đó, anh nói: “Có lẽ phải *dịch* dài hơn mới đủ nghĩa”. Tất nhiên chữ *duyên* cũng phát triển theo chiều dài lịch sử nhưng *duyên* vẫn cứ là *duyên*.

Chúng tôi bàn với nhau để tạm quy ước rằng: đó là biểu hiện của cái đẹp bề ngoài là xinh xắn, ưa nhìn, có vẻ đẹp thâm kín chứ không hẳn là đẹp phô trương; nhưng nó lại có

nội dung bên trong của tính tình và tấm lòng qua sự trung thực, cách cư xử tế nhị, lịch sự, có văn hóa; do đó mà hấp dẫn lâu dài với người giao tiếp chứ không phải là sức quyến rũ mạnh mẽ nhất thời. *Duyên dáng* thì cũng chỉ là cái *dáng* của *duyên* mà thôi. Rồi chúng tôi nói bông đùa với nhau: “Những bà vợ hay ghen rất sợ ông chồng nào giao thiệp với người phụ nữ có duyên. Lại còn duyên thâm nữa mới chết chứ”. Cái gì “thâm” mà không “phô” thường có giá trị bền vững; càng tiếp xúc càng ngày càng. Cho nên cái từ *duyên* để chỉ một giá trị đậm đà sắc thái dân tộc, là một tiêu chí để chọn lựa sự ý hợp tâm đầu bền vững trong hạnh phúc gia đình. Cái duyên có phần trời cho, có phần do giữ gìn, rèn luyện, bảo ban nhau mà nên; không làm cái gì có tính chất phô trương, hợm sắc, hợm của, chơi trội, kém văn hóa mà trở thành *vô duyên*.

Thế mà tra *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập I, xuất bản lần đầu không thấy có từ *duyên* cũng như từ *đồng bào* để mà tra cứu. Vì đến nay, vẫn có người hỏi *duyên* là gì, để muốn biết cho đầy đủ. Tôi cũng chỉ nói mấy ý kiến riêng của mình để trao đổi mà thôi.

Báo *Sinh viên*, ngày 16/10/2001

MỘT CHÚT, MỘT CHÚT

Bây giờ, một tuần được nghỉ hai ngày. Thường thường, người ta có kế hoạch cho hai ngày đó. Nghỉ ngơi ở đâu, theo hình thức nào? Thăm bạn bè thì thăm ai? Làm việc nhà, giúp đỡ gia đình thì giúp việc gì? Đọc sách, viết bài thì sách gì, bài gì?... Thế là vừa nghỉ, vừa chơi, vừa làm việc có kế hoạch. Có bạn nói: “Đã nghỉ lại còn đặt kế hoạch, sao mà rắc rối, gò bó thế!”. Nhưng nghỉ ngơi có kế hoạch mới là nghỉ ngơi có hiệu quả chứ! Đối với nhiều người thì hai ngày nghỉ là nghỉ làm việc công, chứ có nghỉ ngơi hoàn toàn đâu. Đó là chưa kể có không ít người còn tranh thủ làm thêm để có thêm thu nhập. Và đối với nhiều người, thời gian nghỉ ngơi cũng là thời gian tự hoàn thiện theo một cách khác. Ngay một chuyến đi chơi, đi tham quan cũng là để tìm kiếm một sự hiểu biết thêm nào đó.

Mấy ngày nghỉ vừa rồi, ngoài thời gian nghỉ ngơi hoàn toàn, lao động việc nhà, tôi có kế hoạch đọc một cuốn sách và viết một vài

trang. Đó là công việc hoàn toàn tự nguyện, không ai bắt buộc, không ai kiểm tra việc mình làm. Nhưng hình như giữa “làm” và “chơi”, sức đẩy quán tính thường cứ nghiêng về phía chơi, vì đọc thì cũng phải suy ngẫm, mà viết lại càng phải suy ngẫm, đều là những loại lao động, có loại cực nhọc. Rồi chợt lóe lên trong đầu sự bỏ cuộc, khi thấy người hơi mệt một chút, khi suy nghĩ vấp phải vấn đề khó, muốn dừng lại; đã có lúc buông sách, buông bút. Nhưng tôi tự nhủ “Cố lên một chút”, thế là tôi lại ngồi vào bàn. Công việc hoàn thành, thấy người nhẹ nhõm, thanh thản, vì rất phấn khởi tự nghĩ: “Một chút nữa thì lỗ dỏ, nếu không cố gắng một chút, vượt qua một chút trì trệ, nản lòng”.

Đó là chuyện nhỏ nhặt trong thời kỳ hòa bình của một ngày rồi rã, nhưng lại gọi nhỏ “một chút” lớn hơn trong thời kỳ chiến tranh. Lúc đó, vào năm 1966, tôi hành quân đến binh trạm 12, đường 15 trên đường mòn Hồ Chí Minh, dừng chân ở Ka Tang - Khe Ve để công tác, trước khi đi tiếp. Trong đoàn, tôi là người “nhẹ cân” nhất và cũng “cứng tuổi” nhất. Bom đạn thì cũng đã quen, nhưng luồn rừng, leo dốc, vượt đèo thì lại ngại với thân hình còm nhom chỉ có 43kg của tôi. Cách ngầm Ka Tang

một cây số, tôi thấy mệt, một tí gì bám trên vai như thấy gánh nặng cả tạ, cả tấn đè xuống đùi, xuống chân. Chợt loé lên trong đầu ý nghĩ nghỉ lại lán thanh niên xung phong ven đường, mà lúc đó tôi đề nghị nghỉ thì cả đoàn sẽ nghỉ lại, vì chúng tôi chỉ là mấy anh nhà báo, không phải giữ gìn “quân phong, quân kỷ” ghê gớm lắm. Nhưng kế hoạch làm việc đã định ra ở binh trạm không thể bỏ lỡ. Hãy cố lên “một chút” cho kịp bạn bè, cho khỏi lỡ kế hoạch. Thế là tôi chống gậy leo dốc, người mệt phờ nhưng đã đến nơi đúng hẹn. Đúng hẹn cho nên mới được chứng kiến tinh thần dũng cảm, lòng thương đồng đội của chị Nguyễn Thị Kim Huế, Trần Thị Thành vượt bom đạn, hiểm nguy cứu đồng đội bị bom vùi đêm hôm đó, mà sau này một người trở thành anh hùng, được gặp Bác Hồ, được Bác cho giò phong lan, cho chụp ảnh cùng mà cả nước đều biết. Thế là, hôm đó nếu không cố gắng “một chút” thì lỡ một việc lớn của đời làm báo.

Một chút cố gắng vượt lên trên một chút trì trệ có thể làm được một chút việc có ý nghĩa, song có khi hoàn thành xong một việc chẳng có ý nghĩa gì lớn lao, nhưng điều quan trọng là một chút cố gắng đó là sự vượt qua sự trì trệ, làm cho mình lớn hơn bản thân mình

dù chỉ là một chút. Một chút dừng lại, sự tụt hậu, thậm chí rẽ ngang, ngã trái thì cuộc đời có khi bị co kéo bởi một chút nản chí, xao xuyến, một chút cảm dỗ. Nghe những lời tâm sự của một số bạn trẻ lao vào con đường nghiện ngập ở trại giáo dưỡng Ba Vì thấy cũng là bắt đầu “thử một chút” cho vui vẻ, cho biết sự đời trước sự rủ rờ của một vài đứa bạn xấu. Nghe một bạn trẻ ở trại Thanh Hóa vốn không phải con người hung hãn, nhưng chỉ một chút, một lát không kiềm chế được tính nóng, không tỉnh táo trước sự kích động, thế là nổi cơn lên, dùng dao búa vào những chuyện có thể bảo ban, góp ý, thậm chí có thể tranh cãi nhau, lâm vào vòng tội lỗi. “Một chút, một lát” chỉ một số lượng, khối lượng, khoảnh khắc rất nhỏ, rất ngắn. Trong cuộc đời, “một chút, một lát” chẳng đáng là bao. Nhưng tự chiêm nghiệm thấy cái thế vươn lên và cái đà xuống dốc, đôi khi bắt đầu từ một “chút cố gắng” kiên trì hoặc những “chút buông thả”, xiêu lòng.

Báo *Sinh viên*, ngày 30/10/2001

HOA VÀ CÂN?

Đài báo tin Hoà thượng Thích Thiện Siêu viên tịch tại Huế lúc 17 giờ ngày 03/10/2001, tức 17 tháng Tám năm Tân Ty. Vì ở xa, tôi chỉ có thể viết thư chia buồn. Nhưng tôi vẫn nhớ những lời tâm tình của Hoà thượng, có buổi qua chùa Từ Đàm đàm đạo trong chuyến đi công tác ở Huế, nhớ mãi giọng nói từ tốn và sâu sắc của một vị cao tăng mà tôi rất kính trọng.

Chợt nhớ năm 1993, Hoà thượng biếu tôi một cuốn sách, nhan đề *Vô ngã là niết bàn* với lời đề tặng thân thiết. Thú thật với vong linh Hoà thượng: sách cụ biếu tôi có đọc một hai chương, có gạch chân, đánh dấu chỗ cần suy ngẫm, nhưng chưa đọc hết, vì có quá nhiều việc phải làm, quá nhiều sách phải đọc. Cũng nhân ngày chủ nhật và cũng để nhớ Hoà thượng, tôi lục tủ sách lấy ra đọc kỹ.

Trong nhà, tôi thờ cúng tổ tiên và thờ cụ Hồ, không theo đạo nào. Tuy không theo đạo Phật, nhưng thích văn cảnh chùa, vì nơi đó có

không gian phù hợp với người hay ngẫm nghĩ sự đời. Cũng hay đọc sách các tôn giáo, để hiểu biết mặt triết học, đặc biệt là những lời giải, lời răn về đạo làm người. Hôm đó, tôi đọc sách của Hoà thượng cũng theo tinh thần đó, tôi thấy rõ tác giả đã phân tích nhiều vấn đề về triết lý nhân sinh rất sâu sắc và dễ hiểu, gần gũi cuộc sống bình thường. Đọc thì dễ hiểu nhưng suy nghĩ sâu xa đến đâu thì tùy từng người.

Chợt thấy câu: “Bạn như hoa, bạn như cân, không phải là bạn”, bắt tôi phải dừng đọc để suy nghĩ. Đọc lời giải thích đại ý của Hoà thượng, tôi cứ ngẫm nghĩ mãi để hiểu thêm.

Bạn như hoa là bạn đến làm quen vì lợi, vì danh, đến chơi nói toàn lời tán tụng đẹp như hoa, nhưng hoa nở rồi hoa lại tàn; hết lợi, hết quyền thì hết bạn, cho nên không phải là bạn tâm giao!

Bạn như cân là những người bạn tính toán thiệt hơn trong quan hệ, chơi với nhau cũng mặc cả, cân đo sòng phẳng, không có chuyện chia sẻ, giúp nhau vô tư, không thể là bạn khi hoạn nạn!...

Thật sâu xa lắm thay!

Báo *Sinh viên*, ngày 13/11/2001

MIẾU TIẾN SĨ

Đối với tôi, làng Sổ, Thái Bình như một quê hương thứ hai, vì mấy năm trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất rất ác liệt, đã có thời gian tôi ở đó cùng chiến đấu với bà con. Sống chết có nhau, nên tôi cũng hiểu phong tục của làng, cũng như đường ngang ngõ tắt trong làng để luôn sẵn sàng đánh giặc.

Ở đầu làng có một cái miếu nhỏ, nghe nói linh thiêng lắm. Bà con nói rằng: “Đó là miếu thờ một ông tiến sĩ, cho nên gọi là miếu tiến sĩ”. Tương truyền rằng, khi đỗ đạt, ông được vua cho phép vinh quy bái tổ. Khi ngựa xe qua đầu làng Sổ thì ông lâm bệnh. Quan hầu vào làng xin tá túc để ông dưỡng bệnh nhưng chức dịch không cho vì sợ lây thôi. Sau đó chẳng may ông qua đời ở một quán bên đường. Dân làng đến thắp hương cúng viếng, sau đó quyên góp lập miếu thờ ông. Nhưng từ đó lan truyền lời nguyền: “Cái làng này không trọng kẻ sĩ nên sau này con cháu học hành chẳng ra gì”. Bà con cứ tin như thế, nên cũng

chỉ cho con cháu học qua quýt dăm ba chữ để đọc thông cái văn tự, vì cho rằng có học thêm cũng chẳng ăn nhằm gì.

Chính vì thế khi Cách mạng Tháng Tám thành công, người học khá nhất làng cũng chỉ có bằng sơ học yếu lược; cán bộ thôn xã đều ít chữ. Tất nhiên, trước đây con nhà nghèo cũng không thể lấy tiền đâu mà đi học bậc trên cái trường làng. Nhưng ngay cả mấy cô cậu con nhà giàu cũng không được cha mẹ cho học lên cao vì ám ảnh chuyện xưa. Thế rồi cách mạng thành công, câu chuyện cũ coi như “mê tín dị đoan”, nhưng trong dạ nhiều người vẫn không yên. Lân la tâm sự với bà con, chúng tôi phải nói: “Cho dù chuyện cũ là có thật đi nữa thì cũng là tội mấy anh chúc dịch chứ vạ gì dân làng. Còn bà con mình thì quý trọng người có học chứ, nếu không sao lại dựng miếu thờ tạ!”. Không khí cách mạng đã cởi mở mọi điều cũ kỹ, bà con lại cho con đi học; bây giờ người nghèo cũng có thể cho con ăn học, chứ không chỉ mấy nhà giàu.

Mấy năm vừa rồi, tôi có dịp về thăm lại làng xưa, thấy trai gái đỗ bằng cử nhân “vô thiên lủng” như các cụ khoe. Có cụ bấm đốt ngón tay đếm có đến hơn hai chục. Hôm đó, đúng dịp gặp một cậu ở xóm Cầu đỗ phó tiến sĩ,

bây giờ gọi là tiến sĩ, giày áo chỉnh tề đến thăm chú bác, bà con, chúng tôi lại cùng nhau nhắc chuyện xưa, về cái “miếu tiến sĩ”. Tôi cũng không tiện hỏi, nhưng tôi nhớ cậu An ấy, là cháu ông mặc khố đánh giặc bên đầu cầu đá thì phải. Rỉ tai hỏi mấy cụ, được trả lời: “Đích thị”. Rồi một cụ nói: “Đúng là ông Trời không cấm cửa ai! Có chí thì nên!”. Một ông cụ khác nói ngay: “Cách mạng về, có cấm cửa ai!”.

Tôi chỉ vui vẻ cười theo, vì không phải nói thêm một câu gì nữa trong cái sự bàn luận hôm đó. Chỉ hỏi các cụ “Cái miếu tiến sĩ có còn không?” thì được trả lời là vẫn còn. Vì chuyện cũ coi như cho qua, những lời răn, lời khuyên “phải tôn trọng kẻ sĩ, tôn trọng người có học” thì vẫn còn chứ. Bây giờ làng mới có một ông tiến sĩ, chứ sau đây không khéo lại “vô thiên lủng”! Cái miếu tiến sĩ đầu làng trở thành một di tích trong truyền thống văn hóa làng Sô.

Báo *Sinh viên*, ngày 20/11/2001

CON NGƯỜI CỦA CÔNG CHÚNG

Gần đây tôi được đọc tâm sự của một “ngôi sao”, phàn nàn mình “bị mất tự do”, mọi “cử chỉ” của mình đều bị theo dõi, bình phẩm. Điều đó là có thật, nhưng biết làm thế nào được. Việc đó hoàn toàn khác với việc “moi móc đời tư” của cá nhân, để bôi nhọ như một điều cấm kỵ về nhân cách và vi phạm luật pháp.

Trong xã hội, có một số người được gọi là “nhân vật xã hội”. Đó là những người luôn luôn xuất hiện trước công chúng; việc làm của họ tác động tới đời sống của nhiều người, được công chúng yêu thích, thậm chí ngưỡng mộ. Nhiều hành vi và sinh hoạt của họ được bắt chước, noi theo. Ở nước ta, chưa ai thảo luận và kết luận xem những người nào được liệt vào “nhân vật xã hội”. Nhưng ở thế giới, người ta thường coi những nhà lãnh đạo, quản lý, những nhà khoa học, nhà giáo nổi tiếng, những “ngôi sao” nghệ thuật và thể thao là những “nhân vật xã hội”. Có những người

không nổi tiếng lắm, nhưng công việc của họ luôn luôn được trưng tên, trình diện trước công chúng như các nhà báo, những người dẫn chương trình truyền hình, ca nhạc... cũng đều được đặt vào diện “các nhân vật xã hội”. Đó là niềm vinh dự lớn lao mà xã hội dành cho họ với lòng quý mến, có những trường hợp kính trọng. Vì có biết bao người lao động trong xã hội này, có người có những cống hiến to lớn, nhưng không phải ai cũng được ký tên mình dưới các sản phẩm, được thường xuyên xuất hiện trước hàng vạn người, trở thành người quen thuộc với nhiều người.

Nhưng vinh dự nào cũng kèm theo trách nhiệm. Ăn mặc trong nhà, thậm chí trong buồng phải khác khi trình diện trước công chúng. Ăn nói trong nhà, với bạn bè cũng khác với khi xuất hiện trước đông đảo nhân dân, vì trước mặt mình có người bằng tuổi mình, có người hơn tuổi mình. Những “ngôi sao” nghệ thuật và thể thao ở nước nào cũng thường có ảnh hưởng tới lớp trẻ, không chỉ về tài năng mà còn cả lối sống, cách ứng xử của họ nữa. Vì vậy, xã hội quan tâm tới tư cách của họ là điều tất nhiên. Vì lẽ đó, khi quyết định kỷ luật, cấm thi đấu một thời gian đối với một ngôi sao lớn của bóng đá nước Anh,

về những hành vi “phi thể thao”, “phi văn hóa”, người ta đã đưa ra một lý do: “Làm ảnh hưởng tới nhân cách của thế hệ trẻ!”.

Đó đâu phải là chuyện gì bó buộc. Có rất nhiều nhà lãnh đạo, quản lý, nhiều “ngôi sao” nghệ thuật, thể thao không chỉ được công chúng mến mộ tài năng, mà còn được đánh giá là những người khiêm tốn, trung thực, dễ mến, hết lòng phục vụ khán giả, có cuộc sống riêng nêu gương tốt cho nhiều người. Và như vậy, tên tuổi và hình ảnh của họ mới bền vững trong lòng công chúng.

Báo *Sinh viên*, ngày 11/12/2001

NGƯỜI MẸ VÀ ĐỨA CON

Buổi sáng nào tôi cũng dậy sớm tập thể dục. Với tuổi của tôi, cách tập tốt nhất là đi bộ, vừa đi vừa thở, rồi cũng phải tranh thủ về sớm để nghe “Chào buổi sáng” của Đài Truyền hình. Ở khu tập thể phố Lê Thánh Tông nơi tôi ở, buổi sáng nào tôi cũng gặp một bà luống tuổi rao bán bánh mì. Để có bánh bán vào buổi sáng trước giờ đi làm của mọi người ở nhiều điểm, chắc bà phải dậy từ trước bốn giờ, cạo cạo chiếc xe đạp đi nhận bánh để kịp bán. Ở bà vừa có cái gì thật thà, phúc hậu, lại vừa có cái vẻ sắc sảo, có hiểu biết. Lâu la hỏi chuyện, tôi biết bà là bộ đội phục viên, mấy chục năm trong quân ngũ, được về nghỉ, đồng lương hưu quân đội cũng đủ sống. Một hôm, vì tò mò nên tôi hỏi: “Sao bà không nghỉ ở nhà cho khỏe, còn phải vất vả làm gì thế này!”. Bà cho biết là mãi việc quân nên lấy chồng muộn, sinh con muộn. Bố mẹ nghỉ việc rồi mà con còn nhỏ cho nên phải kiếm thêm tiền cho con ăn học. Muốn có hàng

bán, chồng phải dậy từ trước bốn giờ sáng đi lấy bánh, vợ phải đạp xe từ bốn rưỡi đến các điểm bán. Nghe chuyện bà, tôi rất cảm động về sự hy sinh của bà mẹ, nhưng không thể có lời khuyên gì hơn được nữa vì mỗi người một cảnh, nhưng ngày nào tôi cũng mua của bà một hai tấm bánh, ép cả nhà cùng ăn, mặc dù không phải ngày nào mọi người cũng thích ăn sáng bằng bánh mì. Tôi cứ lặng lẽ làm cái việc nhỏ nhoi đó, vì có lúc tôi biếu bà ít tiền nhưng bà nhất định không nhận.

Thế rồi bỗng đi đến hơn một năm, không thấy bà bán bánh mì đó đến bán ở khu tôi ở. Chắc là bà ốm đau gì đây, vì vào cái tuổi đó, lại làm việc khuya sớm, sức khỏe dễ bị suy sụp. Tôi cứ băn khoăn mãi, nhưng hỏi ai bây giờ về số phận của một người bán hàng rong trong một thành phố đô hội này? Một hôm tôi hỏi bà bán cháo sườn vì thấy hai bà có vẻ quen nhau, thì được trả lời: “Bà ấy bây giờ mát mặt rồi, thôi cái nghề vất vả này rồi!”. Thế là trong bụng tôi cũng mừng cho bà. Bỗng ngày giáp tết Tân Tỵ vừa rồi bà đến gõ cửa nhà tôi, lại dẫn theo một cậu thanh niên trông mặt mũi sáng sủa, tôi đoán chắc là đứa con của bà. Hai vợ chồng tôi mời bà vào trong nhà chơi; chúng tôi vui vẻ nói đùa: “Hơn năm nay

không gặp lại, cả nhà tôi nhớ bánh mì nóng giòn của bà quá!”. Bà nói: “Tôi biết ngày nào ông cũng mua cho tôi một hai chiếc, ngày mưa ế hàng ông lại mua tới bốn chiếc, tôi biết cái lòng của ông giúp tôi. Cho nên hôm nay tôi dẫn cháu đến để chào ông. Lúc đó tôi quá khó khăn. Cháu nó học năm cuối để thi đại học cho nên tốn kém. Tôi ít chữ, công tác thì lâu năm, phục vụ thì tận tụy nhưng không tiến lên được, đi đơn vị nào cũng chỉ làm chị nuôi, cho nên hai vợ chồng quyết chí cho con ăn học. Nó cũng ngoan lắm, hiểu được tấm lòng cha mẹ cho nên cố học, lúc rảnh rỗi lại đỡ dần việc nhà, ngày được nghỉ học lại dậy sớm thay bố lấy bánh cho mẹ đi bán. Mừng quá, cháu nó học bằng chị bằng em, lại thi đỗ và được đi Nhật học. Mới được một năm, đáng lẽ chưa về, nhưng nghe tin bố ốm, cháu dành tiền nhất định xin phép về thăm bố. Hôm nay, tôi dẫn nó đến thăm các thầy cô giáo, thăm ông bà, thăm những người đã giúp gia đình tôi. Chuyện mua bánh của ông, tôi đã kể cho cháu nó nghe cả!”.

Tôi nói với bà: “Đó là chuyện rất nhỏ, không đáng gì. Có chăng là một dịp để chúng tôi mừng cho bà, cho cháu!”. Thật ra đó là chuyện rất nhỏ trong muôn vạn

chuyện to tát, quyết liệt diễn ra hằng ngày trong xã hội ta, của những con người vượt qua số phận. Nhưng tôi cứ nhìn họ, một bà mẹ bình thường hết lòng hy sinh vì con, hết lòng chăm sóc cho con nên người, hướng dẫn cho con nhớ ơn những người đã giúp mình dù là nhỏ, một người con hiếu nổi lòng của cha mẹ, hết lòng học hành, giúp đỡ gia đình để đền ơn sinh thành, dưỡng dục, mà lòng thấy rất vui. Người ta cứ nói cao siêu về lòng yêu nước, yêu đồng bào nhưng phải chăng lòng yêu nước, thương nòi phải bắt đầu từ tình yêu quê hương, xứ sở, yêu thương bố mẹ, quý trọng thầy cô. Chẳng ai tin những người vỗ ngực là yêu nước, là trung thành với cách mạng mà bạc bẽo với người sinh ra mình, dạy dỗ mình. Tôi cứ quan sát những người chung quanh cái thời mình sống mà nghĩ đơn giản như thế.

*

* *

Trên đây là những gì tôi ghi lại câu chuyện kể của một người bạn. Tôi có thể bảo đảm ghi đủ ý câu chuyện nhưng không dám chắc mình đã nhập thần được hết lòng cảm

thông, sự kính trọng qua sắc thái khuôn mặt, qua giọng nói khi kể chuyện của anh bạn sáng chủ nhật hôm đó. Giá như anh là nhà báo, nhà văn thì hay biết bao!

Báo *Sinh viên*, ngày 25/12/2001

CHUYỆN NHÀ

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thường được một số tổ chức biên tập mời viết bài cho những bộ sách lớn về cuộc đời hoạt động của những đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta. Hôm được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia mời viết bài cho bộ sách về đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí suy nghĩ rất lâu. Thông thường đồng chí trao đổi ý với các đồng chí chung quanh, trước hết là những người giúp việc về ý tưởng của mình. Gặp tôi, đồng chí chủ động nói ngay:

- Mình thấy khó thật. Anh Tô là người học trò xuất sắc của Bác Hồ, là một nhà lãnh đạo nổi tiếng của Đảng và Nhà nước ta, là nhà văn hóa, nhà ngoại giao lớn của đất nước, rất nổi tiếng ở trong nước và thế giới. Đánh giá công lao của anh, đã có nhận định của Đảng, của Nhà nước trong Lễ trao tặng Huân chương Sao Vàng cho anh. Còn phân tích tỉ mỉ hơn cuộc đời hoạt động cách mạng của anh thì phải là các nhà viết sử, các nhà văn hóa, chứ đâu

phải cứ làm lãnh đạo là cái gì cũng biết. Còn nói đến những kỷ niệm về anh trong cuộc đời hoạt động thì lớp cán bộ chúng mình với lớp của anh đã tham gia thành lập Đảng thì có khoảng cách khá xa về thời gian hoạt động, làm sao mà có những kỷ niệm. Mà nói những kỷ niệm về anh Tô là phải nói đến những vấn đề lớn của đất nước, chứ làm sao mà nói chuyện lật vạt được!

- Anh khiêm tốn thế thôi, chứ thời kỳ anh làm Bí thư Tỉnh ủy, rồi vào Trung ương, công tác ở Trung ương chắc cũng có nhiều dịp gần gũi anh Tô, chắc cũng có nhiều chuyện đáng ghi nhớ, để viết. Những kỷ niệm thì không câu nệ nhỏ, to, có khi chuyện nhỏ mà có ý nghĩa lớn! Tôi trả lời anh.

- Đúng là như vậy, để mình nghĩ tiếp!...

Thời gian nộp bài cũng còn dài. Câu chuyện trao đổi cũng qua đi, nhưng chắc rằng anh cũng đang lục tìm trong ký ức, vì những kỷ niệm sâu sắc thường ghi nhớ sâu đậm trong bộ nhớ của mỗi người, tuy là những chuyện đã qua nhưng bao giờ cũng gợi mở những vấn đề hôm nay.

Thế rồi bài đó cũng hình thành. Anh kể rất sáng khoái những buổi anh Tô gặp anh và có lần chủ động đến thăm nhà anh khi anh về

Trung ương công tác chứng tỏ sự săn sóc của các đồng chí cán bộ lớp trước với cán bộ trẻ. Nhưng có một chuyện nhỏ, đúng là nhỏ, là chuyện anh Tô nói chuyện với chị Mạnh khi đến thăm nhà. Trước khi chia tay, anh Tô cầm tay chị Mạnh nói thân mật: “Chị bây giờ đã là phu nhân. Nhưng tôi khuyên chị đừng học làm phu nhân, mà cố làm người vợ cho tốt, người mẹ cho tốt”. Chị Mạnh thưa lại: “Cháu cảm ơn bác. Cháu không biết làm phu nhân đâu. Cháu là công nhân, được nghỉ hưu sớm. Bây giờ cháu cố chăm lo việc gia đình, giáo dục con cái để anh ấy yên tâm công tác”...

Thực ra, đó là chuyện nhỏ trong số những kỷ niệm về anh Tô trong những lần gặp anh Mạnh còn công tác ở Bắc Thái cũng như khi về Trung ương công tác.

Anh Mạnh nói: “Đó là chuyện trao đổi giữa anh Tô và nhà tôi, nhưng hai vợ chồng tôi đều nhớ rất sâu sắc!”. Khi câu chuyện đó viết ra, in vào sách, nhiều người đọc gặp tôi cũng cho đó là chuyện giản dị và sâu sắc, đúng là phong cách của anh Tô và cũng đúng là phong cách của gia đình anh Mạnh, và nhất là có ý nghĩa rất thời sự lúc này.

*

* *

Câu chuyện nhỏ này lại làm cho tôi nhớ những kỷ niệm về Bác Hồ. Vào những năm đầu Cách mạng Tháng Tám thành công, ô tô làm gì đã có nhiều, có lẽ mỗi tỉnh chỉ có một, hai chiếc; cán bộ thì mới vừa từ đấu tranh gian khổ lúc bí mật, tù đầy mà ra, nhưng Đảng ta đã là một đảng nắm chính quyền, cán bộ đã có chức, có quyền. Ngay từ năm 1946 - 1947, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn quan tâm giáo dục cán bộ; Người còn răn: “các cô”, “các cậu” vợ, con cán bộ không được ỷ thế chồng, chơi sang, đi xe nhà nước cho oai, đòi hỏi đủ thứ, thậm chí trở thành “ông tướng, bà tướng” làm hại uy tín của cán bộ. Rồi vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, một nửa nước đã có hòa bình, cán bộ kháng chiến từ chiến khu trở về thành phố, Bác Hồ lại nghĩ ngay tới “các cô”, “các cậu”, cho nên đã cử đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị “phụ trách” việc chăm nom, hướng dẫn “các cô”. Nghe anh Thanh kể lại, theo lệnh Bác Hồ, năm nào anh cũng phải họp với các chị là vợ các đồng chí Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng một lần, vừa để hỏi thăm sức khỏe gia đình, xem đời sống ai có khó khăn thì tìm cách giúp đỡ, động viên các chị

giúp đỡ các anh trong công tác, đặc biệt khuyên các chị giữ gìn phẩm chất, không đua đòi, cố gắng dạy bảo con cái cho ngoan ngoãn, học hành chăm chỉ, để làm gương cho cán bộ khác, không làm gì hại đến thanh danh của cán bộ cao cấp. Có buổi anh Thanh đã thẳng thắn góp ý một vài trường hợp khi nghe có dư luận không hay. Liên hệ với tình hình hiện nay, lại càng thấy Bác Hồ ta thật sáng suốt, nhìn trước mọi việc, và xử sự mọi việc thật chu đáo vì “chuyện nhà” của cán bộ nhiều khi ảnh hưởng tới “chuyện nước”.

*
* *

Và khi bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa IX), với tư cách Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi lại thấy đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhấn mạnh tới trách nhiệm của cán bộ, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương đối với vợ chồng, con cái, để trở thành gia đình gương mẫu.

Những chuyện nhỏ rời rạc, cách nhau bao nhiêu năm nhưng tôi cứ thấy như có gì gắn với nhau. Có hôm, trong một ngày cuối

năm 2002, tôi nói với anh, nhân một chuyện thời sự xảy ra trên thế giới:

- Làm sao mà, một rồi hai đứa con tham nhũng, hối lộ bị xét hỏi, vào tù, mà ông ta vẫn yên vị Tổng thống?

- Tất nhiên, chuyện con là của con, cha là cha, hai người đều là công dân. Lý thì như thế nhưng tình lại không hoàn toàn như thế vì uy tín vẫn bị sút mẻ. Ở nước người ta thì có thể thế, còn ở nước ta thì không như thế đâu, có “tê gia” thì mới “trị quốc” được!

Ngày 01/01/2002

TỪ “ÁO DÀI”

Tết đến, nhiều chị em ta thường mặc áo dài đi chơi, đến chúc Tết nhau. Cho nên cũng nhân dịp này mà lạm bàn về chiếc áo dài.

Trên thế giới, có một số danh từ chung chỉ vật gì, sự kiện gì có đặc tính nổi bật tiêu biểu cho một dân tộc được quan tâm nghiên cứu, thường người ta để nguyên từ đó bằng tiếng nước đó. Hình như không có quy ước thành văn nào, nhưng nhiều người làm từ điển, viết sách thường thỏa thuận ngầm với nhau như thế. Từ *áo dài* của người con gái Việt Nam là một trong những từ tiếng Việt ở trong trường hợp đó.

Áo dài khác áo cánh, áo bà ba hoặc các kiểu áo cộc khác. Nói cho khách quan thì trên thế giới không chỉ có phụ nữ Việt Nam mặc áo dài. Ít nhất, tôi cũng biết tới phụ nữ năm bảy nước thường mặc áo dài trong các ngày lễ, ngày hội; có những chiếc áo dài cũng rất nổi tiếng, tiêu biểu cho trang phục phụ nữ một số nước.

Cũng không phải từ áo dài Việt Nam không có từ nước ngoài tương ứng để chuyển dịch. Tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng của nhiều nước khác đều có những từ chỉ chiếc áo dài. Vậy vì sao, áo dài của người con gái Việt Nam lại được để nguyên tiếng Việt trong một số từ điển nước ngoài?

Nhiều nhà nghiên cứu nước ta cũng đã có những công trình nghiên cứu về lịch sử chiếc áo dài Việt Nam. Khi là chiếc áo tứ thân, khi là áo hai thân, hai thân rưỡi... Khi nó chùng xuống, khi nó cao lên. Khi nó cổ cao, khi nó có cổ thấp vừa phải, khi hở cổ. Khi vai bông, khi vai duỗi. Khi được may từ vải trơn, khi nó pha màu với nhiều hoa văn nổi và chìm... Nhưng rồi kiểu gì không thích hợp thì mất đi, thời gian chỉ còn giữ lại những gì hợp lý, phù hợp với quan điểm thẩm mỹ của dân tộc. Tôi không thuộc người am hiểu kỹ chuyện này cho nên không dám lạm bàn. Có những người ở trong nước và nước ngoài nghiên cứu những đặc điểm của chiếc áo dài Việt Nam có những nhận xét mà tôi đồng cảm, tâm đắc. Chẳng hạn một số người cho rằng: áo dài của người con gái Việt Nam có đặc điểm là *cái gì đẹp tuyệt vời, cái đẹp trời cho ở đường cong cơ thể người con gái thì nó giúp phô ra; còn cái gì cần che đậy thì nó che đi: ngay cả đường nét đáng*

cần phô ra thì cũng phô ra một cách kín đáo theo tính cách nhuần nhuyễn Việt Nam. Nó đủ dài tha thuốt cho con người đi giữa đời thường mà cứ như múa, như bay, nhưng lại không kiêu cách, phô diễn như người biểu diễn trên sân khấu. Chính vì lẽ đó, mà chiếc áo dài lại hợp với vóc dáng thon thả và với tâm hồn, tính cách duyên dáng, dịu dàng, nét na của người con gái Việt Nam. Thế là chiếc áo, vóc dáng, tâm hồn, tính cách người con gái hài hoà với nhau, chiếc áo không chỉ là chiếc áo! Đôi lần được thấy có những phụ nữ nước ngoài yêu quý người Việt Nam, thấy vẻ đẹp của người con gái Việt Nam đã mua chiếc áo dài để mặc, tôi rất quý tấm lòng của họ, những chiếc áo dài thon thả của người con gái Việt Nam đâu có thích hợp với cơ thể đầy đà của một số người!

Bây giờ nhiều người đang cải tiến chiếc áo dài, cũng như trong lịch sử của nó đã có nhiều lần được cải tiến. Nhưng có kiểu áo thành công, được chấp nhận và gắn luôn cả tên tuổi tác giả vào đó, lại có kiểu không thích hợp, thậm chí kịch cỡm cũng gắn cả tên tuổi tác giả vào nó. Cứ tìm cách phô ra những cái gì cần che giấu, hoặc trắng trợn hoặc “ầm ờ”, cứ tìm cách làm cho chiếc áo dài thêm cầu kỳ,

kiểu cách, điệu đà thì làm sao còn sự duyên dáng, nét na của người con gái Việt Nam mặc áo dài trong đời thường, nếu có chăng nó chỉ thích hợp trên các sàn diễn.

Báo *Sinh viên*, Nhâm Ngọ, 2002

DỤNG TƯỢNG

Ở nhiều nơi đang bàn chuyện dựng tượng. Ai sẽ là danh nhân được dựng tượng, tượng của nước ta khác gì tượng ở các nước và đắp tượng thế nào, đặt ở đâu đều là đại sự, không thể tùy tiện. Tôi thuộc loại người không am hiểu chuyện này lắm cho nên không thể ngồi chung chiếu để bàn luận, chỉ xin kể một chuyện nhỏ về một khía cạnh không nhỏ lắm chung quanh chuyện to tát này.

Nhớ lại, năm 1968, tôi có một chuyến công tác đến Hunggari. Trong chuyến làm việc đó tôi có dịp tiếp xúc với lão Giáo sư Phôcốt, một nhà điêu khắc nổi tiếng của nước bạn, có nhiều tượng đài được dựng không chỉ ở Hunggari, mà ở một số nước châu Âu. Giáo sư rất quý Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn đắp tượng Người, nhưng đến lúc đó chưa một lần được gặp Bác. Giáo sư nói rằng, ông đã nhờ bạn bè ở nhiều nước cho xem phim ảnh và các sách viết về Bác nhưng chưa nắm bắt được ý tưởng mà đối với

nhà điêu khắc, xác định rõ ràng ý tưởng trước khi bắt tay vào dựng bao giờ cũng là điều quan trọng đầu tiên. Giáo sư muốn mời tôi đến thăm “xưởng” của ông để xem các mẫu và tham gia ý kiến.

“Xưởng” điêu khắc của Giáo sư là một tòa nhà một tầng, mái rất cao, rộng hàng nghìn mét vuông. Giáo sư dẫn tôi đi xem có tới hơn mười mẫu tượng Bác Hồ thu nhỏ. Nhiều mẫu khá đẹp, nhưng xem ra Giáo sư vẫn chưa ưng ý mẫu nào. Xem xong, Giáo sư mời tôi uống trà ngoài hiên. Trong khi trò chuyện, Giáo sư trình bày ý tưởng của mình. Theo Giáo sư, trên thế giới này có hàng nghìn tượng danh nhân, mỗi tượng một vẻ, nhưng thực ra chỉ có vài “mô típ” cơ bản, rồi sau đó là các dòng tượng. Có “mô típ” danh nhân như là những triết gia, nhà văn hóa thể hiện dòng suy tư và những tư tưởng bao trùm không gian, vũ trụ, nhân quần. Có “mô típ” danh nhân nam chinh, bắc chiến, với hai vó ngựa chồm lên phía trước vươn tới chiến thắng. Có “mô típ” những danh nhân thuyết pháp, đang truyền bá tư tưởng của mình với công chúng... Dựng tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh thì không thể theo hẳn một “mô típ” kinh điển nào, vì cuộc đời của Cụ có cả trong các “mô típ” đó. Giáo sư

nói: “Tôi đã xem hình ảnh Cụ cưỡi ngựa đi chiến dịch, nhưng lại thông dong như một nhà thơ. Tôi đã xem những hình ảnh Cụ đến với công chúng nhưng không phải đến giảng dạy, răn bảo mà là đến với những người trong cùng một gia đình, đưa ra những lời khuyên. Tôi cũng đã thấy hình ảnh Cụ bóp trán nghĩ vẩn thơ, nhưng lại giống như Cụ đang nghĩ đến một việc gì trong đời người... Và đặc biệt là tôi không thể dựng tượng Cụ đứng một mình. Đấy ông xem, tôi đã thử mấy mẫu Cụ đứng một mình nhưng không được, thấy lạnh lẽo quá. Cụ phải đứng với bạn bè, với con cháu mới đúng là Cụ... Ông thấy thế nào?”.

Tôi thú thật với Giáo sư là tôi không am hiểu lĩnh vực này. Chỉ tỏ lòng quý trọng tấm lòng của Giáo sư, và thấy ý tưởng nghệ thuật của Giáo sư về Chủ tịch Hồ Chí Minh có phần trùng hợp với một người “ngoại đạo” là tôi.

Nhân chuyện nước ta đang bàn việc dựng tượng danh nhân, đem kể mẫu chuyện này cũng là để tham khảo về sự cẩn trọng của một nhà điêu khắc lớn trên thế giới khi dựng tượng danh nhân.

Báo *Sinh viên*, ngày 08/01/2002

MỠI NGƯỜI MỘT CẢNH

Không gì mừng đối với người viết khi được bạn đọc quan tâm, trao đổi ý kiến, tâm sự. Đó là tâm trạng của tôi khi nhận được thư của bạn sinh viên N. mà tôi phải giấu tên và giấu cả tên trường, vì có điều tế nhị đối với bạn đó. Đặc biệt không muốn đề cập công khai về mối quan hệ thầy trò, sinh viên với nhà trường cụ thể; chuyện đó chỉ có thể gặp riêng tâm sự.

Bạn N. cho rằng “xã hội đại học”, bây giờ tuy cùng một mái trường, một sân chơi nhưng phân biệt quá rõ “giàu - nghèo”, “quê - tỉnh”, làm cho người nghèo, người ở “quê” lấm lức tui tui. Có một số bạn đi học là để có dịp “tiêu tiền cho bố mẹ”, ở nhà sang, đi xe sang, suốt ngày gọi điện thoại di động, tiêu tiền như những nhà doanh nghiệp thành đạt, tìm nhau mà chơi vì chỗ chơi của họ thì những bạn sinh viên nghèo không thể bén mảng tới. Còn đối với không ít bạn, “cơm áo, gạo tiền” luôn luôn là mối lo thường trực,

hết lo tiền đóng góp cho nhà trường lại lo nhiều khoản cho cuộc sống cá nhân, nào tiền ăn mặc, tiền sách, học thêm ngoại ngữ, vì tính...

Bạn N. thân mến, Nhà nước ta và Đoàn Thanh niên luôn luôn quan tâm tới các bạn có cảnh ngộ khó khăn. “Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập”, “có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở bậc học cao”,... là tư tưởng chính sách của Đảng ta, đã trở thành Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng khi bước vào thế kỷ mới. Nhưng đúng là còn có việc thực thi các chính sách đó, và nếu có lo được thì chắc chắn cũng chỉ lo được ở mức tối thiểu, còn mỗi người một cảnh ngộ khác nhau làm sao mà có cuộc sống giống nhau. Bạn cũng đừng nên nghĩ rằng các bạn “con nhà giàu” nào cũng mãi chơi mà oan cho họ. Cũng đừng mặc cảm với các kiểu tiêu xài “vung tiền qua cửa sổ” vì có hay hóm gì! Chỉ biết chắc rằng: Trước mắt các bạn học, người được tôn trọng nhất là người học giỏi, có đầu óc sáng tạo, và có cuộc sống trung thực, thủy chung với bạn bè, kính trọng thầy cô. Có những đôi bạn thân trong trường rồi thân nhau suốt đời không kể giàu nghèo. Cứ ngầm

cái đòi học trò của tôi và các bạn cùng lứa với tôi thì cũng thấy như thế.

Bạn N. cũng tâm sự về cảnh ngộ của một số bạn, muốn gỡ cái mối bòng bong “cơm, áo, gạo, tiền”, đỡ gánh cho bố mẹ nên lao vào làm thêm, dạy thêm; do đó thời gian tự học đã hạn hẹp lại càng hạn hẹp. Theo tôi nghĩ: chuyện làm thêm, dạy thêm của các bạn sinh viên nghèo để có tiền mua sách, học thêm cũng là bình thường không những ở nước ta mà ngay ở các nước phát triển. Miễn là, làm thêm một cách chính đáng, bằng sức lực, tay nghề, trí tuệ của mình; không làm những điều phi pháp và thiếu nhân cách để kiếm tiền. Nhưng có điều là phải tính toán giữa việc làm thêm và việc học. Ở một số nước đã có những quy định cho sinh viên trong một năm học được lao động bao nhiêu giờ để kiếm thêm tiền. Nghĩa là họ cho rằng: việc làm thêm của sinh viên để có thêm thu nhập là việc làm hợp lý, hợp pháp, nhưng quy định thời gian để không ảnh hưởng tới việc học là việc quan trọng nhất của sinh viên. Vả lại, theo sự quan sát của chúng tôi khi tiếp xúc với một số bạn sinh viên Việt Nam đi du học tự túc ở Ôxtrâylia thấy không ít bạn có thời gian lao động thêm thường có những mặt trưởng thành sớm hơn

các bạn chỉ đóng cửa đọc sách, vì các bạn đó có điều kiện tiếp xúc với xã hội sớm hơn, nhiều hơn. Ở ta chưa có quy định về giờ lao động thêm trong một tuần của sinh viên, vì cũng chưa tính toán được. Cho nên, mỗi bạn cần tự biết, tự lo cho mình, xem làm thêm đến mức nào là phải. Đúng như bạn N. viết trong thư trao đổi ý kiến với tôi: bạn L. sau khi tốt nghiệp đã tâm sự: “Mình rất tiếc trong thời gian còn là sinh viên cứ lao đầu đi kiếm tiền, bây giờ hối hận vì thiếu hụt kiến thức!”.

Bạn N. thân mến, nếu những lời tâm sự của bạn chính là cảnh ngộ bạn thì tôi chúc bạn vượt qua khó khăn. Nếu nói tới cảnh ngộ từng người, từng nhà thì còn rất nhiều cảnh ngộ éo le gấp nhiều lần mà không ít bạn đã vượt qua, học thành tài. Có lần tôi đã tâm sự: mỗi lần vượt qua thử thách, con người lại thêm trưởng thành, tự hào đã làm được những việc lớn hơn bản thân mình, để tăng thêm tự tin, mà tự tin là một phẩm chất rất quan trọng của con người khi bước vào đời.

Báo *Sinh viên*, ngày 15/01/2002

NHỊP SỐNG TỐC ĐỘ VÀ TỆ NẠN ĐUA XE

Người ta thường nói: Chúng ta đang sống trong một thời kỳ có những bước phát triển nhanh chưa từng có, nhịp sống của xã hội hối hả, đòi hỏi tốc độ nhanh. Nhìn trong xã hội công nghiệp, người ta thấy mọi người làm việc khẩn trương, đi nhanh hơn và ăn cũng nhanh hơn. Thậm chí có người còn đề xướng nhịp sống tốc độ như là một đặc điểm của thời kỳ mới.

Điều đó có những lý do của nó. Khi mà kiến thức của loài người, như có nhà khoa học đã đề cập, tổng số kiến thức cứ 5 năm lại tăng gấp đôi. Với sự phát triển của tin học, tốc độ truyền bá thông tin tăng rất nhanh. Việc chạy đua với tốc độ càng nhanh càng tốt, để vươn lên nắm những tri thức mới của loài người là một nguyên nhân sự tồn tại và phát triển của mỗi người, mỗi cộng đồng và mỗi quốc gia. Học xong ở trường bước ra đời, lại tiếp tục học; những người có sức vươn lên luôn luôn cảm

thấy thiếu thời gian vì dù làm việc với nhịp độ nào cũng cảm thấy còn chậm.

Sống trong một xã hội vận hành trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, sự cạnh tranh sẽ ngày càng quyết liệt. Mặt hàng này hôm nay là mới, là tốt, là hợp thị hiếu, có khả năng tiêu thụ thì ngày mai có thể sẽ không còn những lợi thế đó. Cho nên áp dụng khoa học công nghệ mới, cải tiến quản lý, nắm bắt và đáp ứng thị hiếu tức thời của khách hàng là việc làm không ngơi nghỉ. Chậm chân là có thể thua cuộc, phá sản. Cho nên phải hối hả.

Trong cuộc thi đua đó, thị trường sức lao động ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao, năng lực trí thức khoa học công nghệ mới, có kỷ luật, có sức khỏe, luôn luôn cần cù và sáng tạo, đòi hỏi sự vươn lên gấp gáp của mỗi người để có thể ổn định việc làm, cống hiến cho đất nước ngày càng nhiều và có thu nhập ngày càng cao. Cũng là sự chạy đua tốc độ của mỗi người.

Còn nếu nói về lứa tuổi thì lớp trẻ vốn là lớp người dồi dào sức sống của cái mới, của tốc độ. Nhịp sống tốc độ là trái với cách sống rề rà, đứng đĩnh, ưa nhàn nhã... không thích hợp với xã hội mới. Nhịp sống có tốc độ làm

cho xã hội thêm sôi động, nhưng khi nói tới tốc độ bao giờ người ta cũng nói tới giới hạn của tốc độ để bảo đảm bước đi vững chắc và an toàn, từ sự học cho đến việc đi lại. Vươn lên nắm tri thức mới, kỹ thuật mới, phải khẩn trương, nhưng phải bảo đảm nắm cho sâu, cho chắc, có thể hành động hiệu quả chứ không thể làm lướt qua. Đi lại với nhịp độ nhanh nhưng phải đúng luật pháp và giữ đúng mức độ an toàn cho phép. Không thể vin cố nhịp sống tốc độ rồi dẫn đến làm bữa, làm ầu, sống cầu thả, đua xe tốc độ cao trên đường gây nguy hiểm cho mình và gây tai nạn cho nhiều người, là hành vi vượt ra ngoài kỷ cương xã hội dẫn tới phạm tội, là nỗi lo lắng của xã hội.

Báo *Sinh viên*, ngày 10/02/2002

SỐNG SÂU SẮC, SAY SƯA

Đối với thế hệ chúng tôi, khi bước chân vào cuộc đời hoạt động nghề nghiệp, luôn tâm niệm phải tìm mọi cách được xuống cơ sở, đi vào thực tiễn, vì thực tiễn là đầu nguồn của thông tin, là xuất phát của các yêu cầu và là nguồn cảm hứng sáng tạo, nghĩa là không phải ở đó chỉ là kho tàng tư liệu, đề tài, mà còn là nơi bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mình. Sinh thời, đồng chí Phạm Văn Đồng, thỉnh thoảng đồng chí cho chúng tôi gặp và hỏi han công việc. Có một lần, khi hỏi về hoạt động của chúng tôi, tôi cũng mạnh dạn thưa với đồng chí về quyết tâm đi xuống cơ sở, đi vào thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Nghe chúng tôi nói, đồng chí cười rất sảng khoái, rồi nói: “Đúng, đúng lắm. Nhưng tôi phải sửa lại một từ. Không phải “đi vào thực tiễn”, “đi xuống cơ sở” mà phải “sống trong thực tiễn”, “sống trong lòng đồng bào”. Ngừng một lát rồi đồng chí nói tiếp: “Phải sống sâu sắc và say sưa trong thực tiễn, với đồng bào!”.

Nói xong, đồng chí lại cười sảng khoái, như vui mừng vì vừa hoàn chỉnh một tư duy. Sau này, anh em chúng tôi cứ nhớ mãi buổi gặp mặt hôm đó, cứ nhắc nhau “sống” chứ không phải “đi”; bản thân chữ “đi”, chữ “đến” không có tội gì, nhưng đi và đến là đã thấy tách mình ra với thực tiễn, với cơ sở, với đồng bào. Rồi lại nhớ đến lời dặn của đồng chí mà chúng tôi hay nói là “5 chữ S” (sống sâu sắc, say sưa); nghĩa là phải sống tới chỗ hiểu sâu sắc bản chất sự việc và con người, sống mà say sưa, nhập thân, hứng thú, do đó mà đồng cảm.

Đúng là làm được như thế thì hiệu quả công việc rất tốt. Nhưng còn cho sự lớn lên của bản thân mình như thế nào? Giật mình khi đọc được suy nghĩ của một nhà văn hóa lớn người Đức, khi ông nói: “Bản lĩnh chỉ có thể sinh ra từ trong thực tiễn đấu tranh, còn trong nhung lụa chỉ sinh ra âm mưu”. Một con người có bản lĩnh! Đó quả là sự đánh giá cao về một con người không bị những cám dỗ, mua chuộc, ép buộc mình làm trái với những gì mình cho là tốt, là đẹp trong lý tưởng và trong nhân cách.

Báo *Sinh viên*, ngày 11/3/2002

LÁ PHIẾU ỦY QUYỀN

Nhân dân ta sắp đi bầu để bầu cử các đại biểu Quốc hội khóa XI, khóa đầu của thế kỷ thứ XXI. Trong cơ chế dân chủ có dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Dân chủ trực tiếp là cử tri trực tiếp quyết định nhiệm vụ và bầu ra các cơ quan lãnh đạo. Dân chủ đại diện là bầu ra những người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình trong các cơ quan quyền lực nhà nước, mà Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Bầu ra các đại biểu Quốc hội của nước ta theo phương pháp bầu cử trực tiếp, nghĩa là công dân trực tiếp thể hiện qua lá phiếu của mình chứ không qua một cấp đại diện cử tri nào, mà một số nước gọi là “đại cử tri” để các “đại cử tri” đó bầu ra đại biểu Quốc hội.

Chọn lựa để bầu ra người đại diện cho quyền làm chủ của mình là một việc rất hệ trọng của công dân. Năm tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội quy định trong *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội* là những tiêu chuẩn về chính trị,

đạo đức, năng lực, mối quan hệ với nhân dân... là những tiêu chuẩn cần có để những người đại biểu được bầu có thể đại diện trung thành và làm việc có hiệu quả, thể hiện ý chí và nguyện vọng của cử tri, bảo đảm phát triển đất nước theo định hướng vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho quyền lực của nhân dân. Nghĩa là nhân dân chọn mặt gửi vàng trao quyền của mình cho người đại diện của mình qua lá phiếu. Giữa người trao quyền và người nhận quyền bao giờ cũng có sự cam kết. Sự cam kết quan trọng nhất là người đại diện đó trong phạm vi trách nhiệm của mình trong việc xây dựng luật pháp, thực hiện quyền giám sát tối cao và quyết định những việc lớn của đất nước phải bảo đảm: Phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trước mắt, phải bảo đảm phát triển kinh tế cao và bền vững, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

Không đủ phẩm chất và năng lực để đảm nhiệm sự ủy thác, cam kết đó thì người dân có quyền rút sự ủy nhiệm của mình với đại biểu đó theo luật định.

Trong hoạt động xã hội, bao giờ người được trao quyền cũng phải chịu sự giám sát của người trao quyền, tức là nhân dân, để tránh lạm quyền, lạm quyền, hoặc vì một lý do nào đó không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được trao. Giám sát tối cao thật sự phải là quyền giám sát của nhân dân; nhưng việc đó không chỉ là lời tuyên bố, mà phải có cơ chế cụ thể, rõ ràng để cử tri giám sát người mình bầu ra, khi thì góp ý biểu dương, phê bình, khi cần thiết thì rút quyền ủy nhiệm. Làm được như thế thì tuy là thực hiện cơ chế dân chủ đại diện nhưng quyền lực vẫn thuộc về nhân dân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân”. Và người đại biểu được bầu phải luôn luôn có trách nhiệm trước nhân dân, với cử tri bầu ra mình.

Báo Sinh viên, ngày 06/5/2002

NHỚ BÁC

Công tác ở báo *Nhân Dân*, thỉnh thoảng tôi được anh Hoàng Tùng (Tổng biên tập) cử đi công tác theo Bác Hồ, nhất là khi Bác đi công tác vùng nông thôn. Đó là vinh dự trong cuộc đời viết báo của tôi. Sau này, khi được ghi chép hồi ký của anh Lê Văn Lương là đồng chí được Bộ Chính trị cử làm Trưởng ban bảo vệ sức khỏe của Bác, chúng tôi mới biết tình hình sức khỏe của Bác, chứ lúc đó chúng tôi không hề biết gì, vì đó là bí mật quốc gia¹. Nhưng quan sát những lần đi công tác năm đó chúng tôi đã thấy Bác rất yếu; đặc biệt là có buổi mít tinh, Bác ngồi sẵn trên Đoàn Chủ tịch rồi người ta mới kéo màn che ra, rất khác với tác phong linh hoạt, giản dị, gần gũi mọi người của Bác. Với linh tính nghề nghiệp, chúng tôi biết như vậy cho nên rất thương Bác và rất lo cho sức khỏe của Bác.

1. Một phần hồi ký của anh Lê Văn Lương đã đăng trên báo *Nhân Dân* với đầu đề: *Những ngày cuối cùng của Bác*.

Mồng một Tết Kỷ Dậu (tháng 02/1969), tôi được tòa soạn cử đi theo Bác trồng cây. Bác ra lời kêu gọi Tết trồng cây ngày 28/11/1959, cho nên Tết này là Tết trồng cây thứ 10. Chúng tôi đã có kinh nghiệm đi công tác theo Bác, nghĩa là phải ăn mặc giản dị và phải chuẩn bị mọi thức ăn, đồ uống khi cần thiết để khỏi phiền hà ai. Cho nên tôi mặc chiếc quần tây, nhưng khoác trên mình chiếc áo bông xanh, mặc dù là ngày Tết. Tết đó, Bác trồng cây trên đồi Đồng Váng, Vật Lại, Sơn Tây. Trời đầu năm đó ấm, sáng ra có chút nắng nhưng Bác đi đã phải có người dìu. Bác trồng cây xong cùng mọi người quần tụ dưới tán cây nói chuyện ấm cúng. Bác hỏi chuyện cụ Chu Công Tự về đời sống dân làng; hỏi chuyện chị Đỗ Thị Soạn trưởng thành từ phong trào “Trai, gái Đại Phong” lúc đó là Bí thư Đảng ủy xã Tòng Bạt; hỏi chuyện Chủ nhiệm Hợp tác xã Đồng Thịnh. Bác dặn dò: “Phải dân chủ với dân. Phải để dân phê bình cán bộ, đảng viên”, “Cán bộ không nên tổ chức liên hoan, chè chén làm thiệt hại của dân”. Bác dặn: “Cán bộ phải hết lòng phục vụ nhân dân, phải mở rộng dân chủ và chăm lo đời sống nhân dân, không được tham ô, lãng phí. Đảng ta trước đây chỉ có ít đồng chí nhưng nhờ biết dựa vào nhân dân,

hết lòng chăm lo đến đời sống nhân dân cho nên được nhân dân hết lòng ủng hộ. Chi bộ đoàn kết nhất trí, lại được nhân dân ủng hộ thì việc lớn mấy cũng làm được”. Bây giờ, ngồi viết lại những dòng này, những chữ trong ngoặc kép là chép ra từ bài tường thuật đăng trên báo *Nhân Dân*, ngày 18/02/1969. Cách đó gần nửa tháng, nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Bác Hồ cho công bố bài báo *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, như một *Di chúc* chính trị của Bác cùng với bản *Di chúc* lịch sử. Tôi cứ nghĩ, các việc đó đều có quan hệ với nhau trong một thời điểm, khi Người luôn luôn quan tâm tới việc “trồng người”, dặn dò cán bộ, đảng viên. Đó là “Tết trồng cây” cuối cùng của Bác Hồ. Trên đường về, các nhà quay phim lão thành Quang Huy và Hồng Nghi, những nhà báo đã nhiều lần được cầm máy đi công tác theo Bác hỏi tôi: “Ông Thọ thấy Tết trồng cây năm nay có gì mới?”. Hình như các bạn cũng linh tính điều gì đó! Tôi nói ý nghĩ của mình với các bạn đồng nghiệp: “Mình rất quan tâm lúc Bác nói chuyện, dặn dò cán bộ, đảng viên dưới tán cây rừng!”.

Sau đó hai tháng, tháng 4/1969, tôi lại được cử viết tường thuật Bác Hồ đi bầu cử

Hội đồng nhân dân quận Ba Đình, khóa V. Đơn vị Bác bầu cử là đơn vị số 4 ở Nhà thuyền Hồ Tây. Bác đi lại vẫn phải có người dìu. Bác đến xem danh sách, lý lịch các ứng cử viên; rồi xếp hàng đưa thẻ cử tri nhận phiếu. Một số đồng chí và bà con cử tri xin mời Bác lên nhận phiếu trước nhưng Bác không nghe, nói: “Cụ nào, bác nào, cô chú nào xếp hàng trước nhận phiếu trước. Bác xếp hàng sau, nhận sau”. Khi Bác vào phòng bỏ phiếu, nhà quay phim Ma Cường xông tới giờ máy lên ghi hình. Bác quay lại nói: “Các chú không được vào đây. Chỗ này là phòng kín để nhân dân ghi phiếu bầu, các chú phải tuân theo luật pháp”. Không phải là chúng tôi không biết luật pháp, nhưng Ma Cường, tôi cũng như nhiều bạn đồng nghiệp ngày hôm đó không muốn bỏ sót một cử chỉ nào của Bác. Đó là lần đi bầu cuối cùng của Bác. Những chữ trong ngoặc kép cũng là chép ra từ bài tường thuật trên trang nhất báo *Nhân Dân*; ghi lại như lời dặn của Bác với chúng tôi.

Bác Hồ là nhà báo cách mạng lớn nhất của nước ta. Bác bận trăm công nghìn việc nhưng vẫn viết 1.205 bài báo với 23 bút danh khác nhau cho báo *Nhân Dân*. Sáng nào Bác cũng xem báo đều đặn và khen những bài báo tốt,

phê bình những bài báo không tốt, cắt bài nêu gương người tốt việc tốt, cho kiểm tra, nếu đúng thì khen thưởng. Có một chuyện mà chúng tôi cứ nhớ mãi. Thông thường, cuối năm nào báo *Nhân Dân* cũng tập hợp những bài báo của Bác viết để trả nhuận bút cho Bác. Bác không dùng tiền nhuận bút để chi tiêu cho cá nhân, mà chia ra mấy phần để mua quà Tết cho các cháu thiếu nhi, tặng phẩm biếu các cụ cao tuổi. Một năm, báo làm nhuận bút chậm, thế là Bác gọi điện xuống nhắc: “Các chú quên trả nhuận bút cho Bác thì chắc rằng các chú đã quên trả nhuận bút của nhiều người!”. Bác là lãnh tụ của Đảng, của dân tộc, nhưng Bác luôn luôn muốn giữ ngôi bút nhà báo ngay khi giữ các trọng trách. Tôi cứ nghĩ mãi về những tác phẩm quan trọng của Bác Hồ khi Bác đã là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước. Loạt bài báo ký tên X. Y. Z vào đầu những năm kháng chiến lần thứ nhất, sau đó in thành tập *Sửa đổi lối làm việc* (tháng 10/1947) là sách gối đầu giường của cán bộ, đảng viên về đạo đức, phong cách cho đến ngày nay lại ký bút danh một nhà báo. *Tết trồng cây* là một phong trào lớn được phát động như một “mỹ tục” mới của dân tộc bảo vệ môi trường sống, cũng từ một bài của Bác ký

bút danh Trần Lực đăng trên báo *Nhân Dân*, ngày 28/11/1959. Bài báo *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* như một *Di chúc* chính trị của Bác đăng trên báo *Nhân Dân*, ngày 03/02/1969, trước khi Bác qua đời 7 tháng, cũng ký bút danh T.L... Với các nội dung quan trọng đó, Bác Hồ có thể nhân danh lãnh tụ để ra chỉ thị, viết lời hô hào, bài giảng, nhưng Bác lại dùng bút danh để viết báo cổ vũ đồng bào, khuyên răn cán bộ. Tôi thấy Bác Hồ đánh giá rất cao nghề báo, mà chúng tôi đã làm báo nhưng nhiều khi vẫn chưa hiểu hết vị trí quan trọng và trách nhiệm *nặng nề* của nghề này.

Trong cuộc đời làm báo của mình, có một số lần được theo Bác, nhưng thật ngẫu nhiên tôi được theo Bác trồng cây trong “Tết trồng cây” cuối cùng của Bác, theo Bác tường thuật buổi đi bầu cử làm nghĩa vụ công dân cuối cùng của Bác, và cũng là người được tòa soạn giao tường thuật Lễ tiễn biệt Bác. Đó không chỉ là kỷ niệm, mà còn để lại những bài học không thể nào quên!

Theo Bác đi công tác, thấy làm việc vất vả, có mấy lần được Bác thưởng cho chiếc kẹo, điều thuốc lá. Nhưng cũng có lần bị Bác phê bình. Nhớ một buổi đi công tác theo Bác thăm

đồng ruộng vụ đông xuân ở tỉnh Hà Đông. Thấy Bác bước chân xuống ruộng thăm bà con đang cấy, tôi rất lúng túng ở trên bờ cửi dây giày, vì lúc đó chưa có “giày lười”; ở trên bờ, càng luống cuống, cửi giày càng lâu. Xong việc, Bác nói: “Chú phóng viên này đi công tác mà không sẵn sàng. Đi với Bác là đi công tác chứ không phải đi chơi mà ăn diện”. Vào năm Bác mất, tôi sinh con thứ ba. Nhớ Bác, tôi đặt tên con là Nhân Nghĩa. Cũng là tiếp nối “đạo nhân nghĩa” của Nguyễn Trãi. Đặt tên con bao giờ cũng là một việc hệ trọng, thường thể hiện sự mong ước của bố mẹ với đứa bé và cuộc sống gia đình. Sinh cháu đầu lòng vào tháng 7/1962, giữa lúc miền Bắc mưa úng lớn, gần 20 nghìn hécta lúa bị ngập. Đêm đó tôi giở *Vân đài loại ngữ* của cụ Lê Quý Đôn ra đọc thấy cụ mô tả giống lúa Dự Hương vừa thơm ngon vừa chịu được úng ngập, cho nên đặt tên cháu là Dự Hương, ước mong nó vượt qua mọi phong ba bão táp mà lớn lên. Sinh con thứ hai năm 1965, đất nước còn rất nhiều khó khăn, lấy hai chữ Hoàng Miên - một giống bông tốt ở Tây Bắc, đặt tên cho con, mong có cơm no, áo ấm. Lần này, nhớ Bác, đặt tên con là Nhân Nghĩa, mong các con sống cho đúng đạo làm người, không chỉ có no ấm mà phải có tấm

lòng với nhau, với gia đình, với dân tộc, đất nước, để không chỉ ấm no mà còn hạnh phúc. Sau đó, trong hoạt động nghề nghiệp, để nhớ Bác, tôi lại ký thêm bút danh Nhân Nghĩa trong một số tiểu phẩm.

Báo *Sinh viên*, ngày 13/5/2002

“TRÊN TIỀN”

Các nhà ngôn ngữ học thường cho rằng, ngôn ngữ ngày càng phong phú, ngày càng có thêm từ mới, nghĩa mới do sự sáng tạo của nhân dân. Mà sự sáng tạo từ mới, nghĩa mới nào cũng bắt nguồn từ thực tế cuộc sống. Và mỗi dân tộc lại có cách sáng tạo riêng của mình.

Khi bắt nhập vào nền kinh tế thị trường, con người thường quan tâm tới lợi ích cá nhân, tính toán “lỗ lãi”; đồng tiền đang trở thành một thứ “thước đo” của nhiều giá trị. Và dân ta đã sáng tạo ra câu nói theo kiểu đồng dao về “đồng tiền”. “Tiền là tiên là Phật, là sức bật của cuộc đời, là tiếng cười của tuổi trẻ, là sức khỏe của ông già...”. Câu đó còn kéo theo một lô một lốc dài dài những thứ nó có thể “mua” được; chẳng thế mà đâu đó đã có người nói: “Cái gì cũng có giá!”.

Sự mua, bán bây giờ thường ngã giá bằng tiền, bằng kim loại quý, khi là tiền “đồng”, khi là “đô”, khi tính thành “chỉ”, thành “cây”, thành “cara”... Nhưng gần đây, trong ngôn ngữ

dân gian lại có từ *trên tiền*. Nếu nói rằng, một từ mới nào xuất hiện cũng góp phần miêu tả một hiện tượng xã hội mới nào đó, thì có cái gì định giá chính xác hơn cả tiền được gọi là “trên tiền”. Đây là một vấn đề rất phức tạp vượt ra ngoài phạm vi khoa học tài chính - tiền tệ. Tại diễn đàn kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X, tôi đã xin phép được nói lên sự hiểu biết của mình về cái từ mới đó. Nghĩa là người ta có thể bỏ ra một khoản rất nhiều tiền để mua cái “trên tiền”, nghĩa là mua chức tước, chạy tội lỗi. Mua được “chức tước” nào đó thì họ nghĩ rằng có thể làm ra nhiều hơn cả tiền bỏ ra mua vì đã bắt đầu có khái niệm quyền lực để ra sở hữu do các hành vi tiêu cực của một số quan chức, cho nên có thể gọi là “trên tiền”. Chạy được tội thì cũng là một khoản “thu” về lớn hơn cả số tiền bỏ ra “chạy” án tù, vì “*nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại*”, không tiền nào có thể tính nổi. Chắc là không chỉ có như vậy.

Đồng tiền nào cũng có mệnh giá của nó. Nhưng nếu họ làm được những việc như tôi đã nêu thì thật sự họ đã bỏ ra cái có giá để mua được cái vô giá, là lương tâm, danh dự, sự tin cậy của con người và phẩm giá của một số cán bộ công chức. Vì đã có một số người đại dột

đem “bán” cái vô giá của mình trong nhân cách để lấy cái có giá cầm trong lòng bàn tay. Đối với mỗi người, những thứ vô giá đó mới thực là “trên tiền”. Mang cái “trên tiền” mà đổi lấy tiền là sự đại dột vô cùng, không chỉ làm phá sản một doanh nghiệp mà còn làm bại hoại cả một đời người, làm ô danh một dòng họ.

Báo *Sinh viên*, ngày 20/5/2002

KHI LỚP TRẺ GIỎI

Năm 1993, nước ta đăng cai giải Cờ vua lứa tuổi dưới 16 khu vực châu Á, ở Hải Phòng. Đây là lần đầu tiên chúng ta đăng cai một giải thi đấu một môn thể thao quốc tế của khu vực. Cho nên chúng ta lo cho chu đáo để vừa lòng bạn bè, nhưng là nước chủ nhà chúng ta phải phấn đấu có giải để không phụ lòng những người yêu Cờ trong cả nước, vừa để chúng tỏ cho bạn bè năm châu về tiềm năng to lớn của dân tộc ta. Đó là nỗi lo chung của cả Ban Chấp hành Hội Cờ, của địa phương đăng cai mà lúc đó tôi là Chủ tịch Hội. Thế rồi, nhờ sự giúp đỡ của mọi người trong Ban tổ chức, của các vận động viên, của địa phương, mọi việc đều tới đích tốt đẹp. Cuộc thi được tổ chức rất thành công, để lại dấu ấn rất sâu sắc với vận động viên các nước dự giải. Vận động viên nước ta đoạt một số giải, lại có cả giải vàng hảnh hoai. Chúng tôi mừng lắm. Nhưng cũng bảo nhau: “Đây mới là vàng trẻ”, “vàng trẻ con”, chưa có gì ghê gớm lắm, chưa vội tự mãn.

Giải cho người lớn, giải chuyên nghiệp mới quan trọng. Con đường còn gian nan, còn rất dài ở phía trước.

Cuối cuộc thi, tôi gặp ông Ignatius Long, người Xingapo, Tổng trọng tài quốc tế, người được Tổ chức Cờ thế giới cử đến giám sát cuộc thi. Trong câu chuyện thân mật, tôi hỏi ông: “Làm sao có thể có những vận động viên giỏi ở lứa tuổi người lớn?”. Ông trả lời: “Nước ông đã có một lớp kỳ thủ trẻ giỏi. Theo kinh nghiệm lâu năm của tôi thì nước nào trẻ giỏi thì tương lai sẽ là quốc gia giỏi. Cốt tạo điều kiện cho các em có thầy giỏi và có dịp cọ xát với nhiều cao thủ của thế giới”. Ông kể cho tôi nghe một câu chuyện. Theo dõi giải này, ông thấy một bé gái, người Huế, đã có thứ hạng trong cuộc thi, tuy chưa đoạt giải cao nhất, nhưng có những tư duy rất sắc sảo, sáng tạo trong các nước đi, tương lai sẽ tiến rất xa. Ông ngỏ ý mời em đó sang Xingapo, vừa học tập thêm vừa tham gia huấn luyện cho các em nhỏ tuổi hơn ở các câu lạc bộ, có thu nhập gấp nhiều lần ở Việt Nam và điều kiện sống thì đáng hoàng hơn rất nhiều lần ở quê em. Và cũng sẽ mau chóng trở thành kiện tướng Cờ vì sẽ gặp nhiều thầy giỏi và có nhiều dịp cọ xát. Ông không

ngờ em đó trả lời: “Xin cảm ơn ông. Em muốn học tập để cùng các bạn trở thành kiện tướng Cờ ở quê hương Việt Nam của em, và thi đấu dưới màu cờ sắc áo Việt Nam trên các cuộc thi quốc tế!”. Sau khi kể chuyện đó với tôi, ông nói: “Nghe câu em đó trả lời, tôi nghĩ bụng: các ông có lớp trẻ tài năng, lại có ý chí vì Tổ quốc. Chắc rằng không lâu nữa, Việt Nam sẽ là một đất nước có nền Cờ ở bậc khá của thế giới...”. Câu chuyện đó, tôi đã viết trên báo vào dịp Tết Trung thu năm đó; bài báo đã được nhiều người viết thư hoan nghênh. Tuy nhiên, phải thú nhận rằng, khi viết bài đó, tôi cũng coi như để an ủi mình và động viên phong trào Cờ của nước ta, nhưng trong thâm tâm cũng không dám nghĩ tới những điều ông bạn đã nói. Vì lúc đó, đất nước còn khó khăn, chúng ta thiếu tiền, thiếu thầy..., nghĩa là thiếu đủ thứ cho việc rèn luyện kỳ thủ tài năng ở tầm cao thế giới.

Thế rồi, nhờ sự quan tâm của các cấp, của Hội Cờ, đặc biệt là sự phấn đấu không mệt mỏi và lòng tự tin của các huấn luyện viên, vận động viên, mọi việc đến sớm hơn tôi nghĩ. Em bé trong câu chuyện đó đã là nữ kiện tướng Cờ vua của nước ta và thế giới, quê ở Thừa Thiên - Huế,

đã nhiều lần thi tài có thứ hạng trên các sân chơi chuyên nghiệp quốc tế. Và phong trào Cờ của nước ta đã có những đại kiện tướng thế giới và cũng không thể gọi là “vô danh” trong các cuộc thi tài.

Báo *Sinh viên*, ngày 01/7/2002

PHÁ NGANG

Anh bạn vong niên của tôi có một đứa con trai. “Thời trẻ, anh tham gia hoạt động cách mạng từ sớm, học hành không đến nơi đến chốn, cho nên hai vợ chồng quyết chí nuôi con ăn học, ít nhất phải có một bằng đại học. Cháu học hành cũng khá, nhưng học tài thi phận, cho nên một năm, rồi hai năm thi đại học đều không đỗ. Đến năm thứ ba, cháu chán nản, điểm thi càng thấp. Anh chị buồn lắm”.

Lúc đó, chúng tôi cũng chưa hiểu được nhiều chuyện như ngày nay, nhưng cũng có lời khuyên để anh chị đỡ buồn: “Thế thì cho cháu đi học công nhân kỹ thuật, hoặc trung học chuyên nghiệp”. Hỏi ý kiến cháu thì cháu có vẻ chán đời, nói: “Đã không vào được đại học thì không đi học trung học chuyên nghiệp, đi học hẳn công nhân kỹ thuật”. Cũng may, cháu là người có chí, cho nên học hành vào loại khá, kết thúc khóa học là có việc làm ngay. Làm việc lại chăm chỉ, cháu vừa làm vừa học, thoát cái đã đỗ kỹ sư, mà không phải

chỉ một bằng đại học, lại những hai, một bằng kỹ thuật, một bằng kinh tế. Cứ túc tắc từ hiệu quả công việc mà tiến lên.

Vừa rồi cháu lại thăm vợ chồng tôi. Thì ra cháu đã được đề bạt Giám đốc một doanh nghiệp Nhà nước cũng vào loại “đứng được”. Cháu đến để hỏi tôi: “Cơ quan tổ chức gợi ý đề bạt cháu lên làm Phó Vụ trưởng một Vụ kỹ thuật của Bộ vì cháu vừa có kiến thức kỹ thuật, vừa có kiến thức quản lý, lại vừa có ngoại ngữ. Cháu có nên nhận lời không?”.

Tôi hỏi cháu: - Sao cháu lại đến hỏi chú?

- Bố cháu bảo: Bố đã yếu rồi, ít giao thiệp, không hiểu hết việc đời. Con nên đến hỏi chú. Chú đã góp ý đúng cho con một lần rồi, thì lần này chắc cũng đúng. Cứ theo chú mà làm!

Tôi buồn cười nói với anh bạn trẻ (vì bây giờ không thể gọi một giám đốc là cháu được): “Lần trước chú gợi ý với bố cháu không phải có hiểu biết gì nhiều đâu, chỉ vì bí quá. Nhưng thành đạt như hôm nay lại chính là cháu. Giả dụ cháu không có ý chí thì làm sao được như ngày nay. Cho nên bây giờ là tùy cháu. Trước đây bố cháu chép miệng cho cháu “phá ngang”, nhưng có rẽ ngang đâu mà “tiến lên” đấy chứ”.

Báo *Sinh viên*, ngày 12/8/2002

TIÊU DÙNG VÀ XÃ HỘI TIÊU DÙNG

Sống trên đời này, con người không chỉ lao động mà còn tiêu dùng. Ít nhất thì mọi người cũng phải đủ ăn, đủ mặc để đủ sống mà lao động. Cuộc sống mỗi ngày một tiến lên, nhu cầu tiêu dùng của con người ngày một nhiều và phong phú. Tiêu dùng cá nhân và gia đình lại trở thành một động lực quan trọng để mỗi người làm việc ngày một nhiều hơn, tốt hơn, có hiệu quả hơn. Người lao động cần cù, giỏi giang, sáng tạo phải ngày một giàu hơn, do đó nhu cầu tiêu dùng của họ cũng ngày một phong phú, đa dạng, sang trọng hơn. Ngay trong một quốc gia, có lúc phải “kích thích tiêu dùng” để kích thích lao động, kích thích sản xuất.

Như vậy, tiêu dùng là một nhu cầu thiết yếu và ngày càng tăng của con người. Nhưng có bạn viết thư hỏi tôi: “Vì sao có khái niệm xã hội tiêu dùng với nghĩa không tốt đẹp, và chỉ số tiêu dùng đến mức nào thì gọi là xã hội tiêu dùng?”. Đây là một câu hỏi rất lý thú. “Xã hội tiêu dùng”,

“xã hội tiêu thụ” (viết trong ngoặc kép) là một khái niệm được dùng để cảnh báo một xu thế của một số xã hội mà nhiều nhà nghiên cứu kinh tế - xã hội cho là một xã hội không lành mạnh; nhưng tiêu chí của nó như thế nào thì hình như chưa có câu trả lời thống nhất.

Theo tôi hiểu, xã hội nào cũng có tiêu thụ và tiêu dùng, nhưng khi gọi là “xã hội tiêu dùng”, “xã hội tiêu thụ”, thì có nghĩa ở đó tiêu dùng đang chi phối đời sống xã hội. Ở đó, tiêu dùng, chủ yếu là những hàng xa xỉ, đắt tiền, vượt quá mức làm ra. Người ta thường nói tới căn bệnh của một số nước đang phát triển chưa qua mức nghèo, nhưng có đủ các loại hàng xa xỉ (chưa kể các thứ độc hại) không thua kém, thậm chí còn cao hơn một số nước giàu. Ngay ở một số nước gọi là “con rồng nhỏ” cũng được một số nhà khoa học cảnh báo về tình trạng một lớp người, nhất là lớp trẻ chỉ quan tâm tới tiêu dùng, thay “mốt” hằng ngày, thậm chí còn học đòi các “ngôi sao” thế giới có thu nhập vài triệu đôla/năm, ít quan tâm tới nghiên cứu, lao động sáng tạo phát triển đất nước, chính đó là mối họa làm giảm động lực phát triển đất nước.

Ở đây không phải là tiêu dùng kích thích lao động, mà tiêu dùng kích thích tiêu dùng,

con người đua đòi tiêu dùng vượt quá khả năng làm ra; và để có tiền thỏa mãn các nhu cầu phi lý đó họ làm bất cứ việc gì, kể cả tội ác. Do đó tệ nạn xã hội phát triển, không những làm tê liệt ý chí mà còn hủy hoại cả sức lực, nhân cách con người và băng hoại xã hội.

Tôi không đưa ra những đánh giá về xã hội ta, chỉ góp phần bàn luận để các bạn đánh giá xã hội và con người mình. Người ta vẫn thường nói, một xã hội, một gia đình phát triển lành mạnh, vững chắc, xét về mặt thu chi là một xã hội, một gia đình tiêu dùng trong phạm vi thu nhập chính đáng và có một chút tích lũy để phòng những lúc rủi ro. Làm ít tiêu nhiều, còn gọi là “bóc ngắn, cắn dài” sẽ tiềm tàng những hiểm họa.

Báo *Sinh viên*, ngày 23/9/2002

XÂM LĂNG VĂN HÓA LÀ GÌ

Có bạn viết thư hỏi tôi: “Có khái niệm xâm lăng văn hóa hay không? Ai đưa ra khái niệm này?”. Tôi hiểu bản khoăn của một số bạn, cho rằng đó là khái niệm do một số người bịa ra để ngăn ngừa quá trình giao lưu văn hóa quốc tế. Trước khi trao đổi ý kiến về vấn đề hệ trọng này, có lẽ phải nói vòng vo một chút.

Trong quá trình giao lưu văn hóa, dân tộc ta luôn luôn tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để làm phong phú văn hóa truyền thống của mình, như tiếp nhận hệ mẫu chữ Latinh hình thành chữ quốc ngữ, tiếp nhận những loại hình nghệ thuật mới như kịch nói, ôpêra... Từ một xã hội nông nghiệp tiến lên xây dựng xã hội công nghiệp, chắc chắn sẽ có những giá trị mới, tập quán mới được bổ sung vào hệ giá trị, tập quán truyền thống dân tộc. Ngay sau ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “*Ta phải giữ cốt cách dân tộc, còn*

phương Đông hay phương Tây có cái gì hay, cái gì tốt thì phải học lấy để tạo ra nền văn hóa Việt Nam". Nghĩa là cùng với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải mở rộng giao lưu để học hỏi cái hay, cái tốt, cái tiến bộ của các nền văn minh thế giới. Học cái hay, cái mới của người ta để làm giàu bản sắc của mình, chứ không phải tha lồi cái xấu, cái rác rưởi, độc hại về, không phải đua đòi, sao chép trở thành "cái bóng" của người. Có giữ được bản sắc dân tộc mới có thể giao lưu với thế giới vì trên đời này không ai cần giao lưu với cái "bóng" của mình. Đó là quan điểm của Đảng ta ngày nay, cũng là truyền thống của sự phát triển văn hóa Việt Nam.

Hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu văn hóa thế giới là một tất yếu. Đóng cửa, khép kín là trì trệ. Nhưng trong quá trình hội nhập và giao lưu, với sức mạnh vật chất, ưu thế khoa học - công nghệ, nắm các phương tiện truyền thông đại chúng hùng hậu, có nước cho là chỉ có giá trị của nền văn hóa nước mình mới gọi là giá trị, sử dụng nhiều sức ép cùng với nghệ thuật quảng cáo để áp đặt các quan niệm giá trị của mình cho các dân tộc khác, mà có học giả gọi là "tính ngạo mạn văn hóa". Khái niệm "chủ nghĩa đế quốc

văn hóa” ra đời từ đó, vào cuối thế kỷ XX. Tôi cũng chưa biết ai là người nói ra đầu tiên khái niệm đó, nhưng đọc sách được biết rằng nhà văn hóa học James Pétras đã nói: *“Chủ nghĩa đế quốc văn hóa đóng vai trò quan trọng để tách rời nhân dân khỏi cội rễ văn hóa và truyền thống đoàn kết của họ”*. Sự xâm lăng ở đây không phải bằng súng đạn, mà chủ yếu bằng kỹ thuật truyền thông, quảng cáo và sức ép về kinh tế, quân sự tác động vào nhu cầu tìm sự mới lạ, trước hết trong giới trẻ. Đầu tiên, nói như Neyre, nhà văn hoá, nguyên Tổng thống Tanzania: *“Tội ác tệ hại nhất của chủ nghĩa thực dân về văn hóa là mưu toan làm cho chúng ta tin rằng chúng ta không có một nền văn hóa bản địa, hoặc nếu có thì cũng không có giá trị gì”*. Do đó làm cho một số người sùng ngoại, quên đi hoặc coi thường văn hóa dân tộc mình, trở thành “người nước ngoài trong nước mình” như có nhà văn hóa thế giới chua xót nói như vậy. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội ta, trước hết là hệ thống giá trị của nó. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, bao dung, cần cù và sáng tạo trong lao động, tế nhị trong ứng xử, giản dị

trong lối sống... Chắc chắn trong thời kỳ mới, những giá trị mới sẽ được bổ sung, nhưng “cốt cách dân tộc” như Bác Hồ đã nói phải luôn luôn giữ gìn.

Báo *Sinh viên*, ngày 04/11/2002

CÁC THẦY TÔI

Bố mẹ tôi đều là người lao động chân lấm tay bùn, chưa bao giờ được cấp sách tới trường nhưng vẫn luôn luôn dạy tôi phải kính trọng thầy cô; bản thân các cụ cũng luôn luôn kính trọng thầy, cô giáo dạy tôi. Phải chăng, cái đạo lý quý trọng thầy cô ở bố mẹ tôi không từ một mối quan hệ thầy - trò cụ thể nào trong đời các cụ mà bắt nguồn từ truyền thống dân tộc, từ đạo lý ứng xử của xã hội.

Thuở nhỏ, học tiểu học, có thầy tận tụy, dịu dàng rắn bảo học trò, có thầy nóng nảy hay mắng mỏ, thậm chí còn cầm roi quất vào tay, vào mông khi trò viết chữ xấu hoặc không thuộc bài (thời đó không ai nói gì về chuyện bạo lực này). Thú thật, không phải mọi thầy tôi đều yêu, nhưng nhớ lời bố mẹ, tôi không bao giờ dám hỗn xược với thầy cô. Không chỉ kính trọng thầy cô dạy lớp tôi, mà khi gặp các thầy, cô dạy các lớp khác trong trường, tôi đều lễ phép chào hỏi, nhường bước. Gần đây, ở Hà Nội, trong buổi gặp mặt

các bạn cùng học trường tiểu học Bồ Sông (Hà Nội) (nay là trường Trần Nhật Duật, thuở đầu năm 1940), nay đã ở lứa tuổi trên dưới 70, chúng tôi đều nhớ tới các thầy đã có công khai tâm, dạy những chữ, những nghĩa đầu tiên trong đời mình.

Lớn lên, học trung học ở trường Bưởi rồi trường Phan Thanh, chúng tôi đã vào tuổi trưởng thành, biết phân biệt đúng, sai, tốt, xấu. Chúng tôi cũng phân biệt thầy dạy giỏi, thầy dạy kém, thầy dạy tận tụy, thầy dạy cho hết giờ. Sự giao lưu tình thầy trò đậm nhạt khác nhau nhưng có những thầy không bao giờ chúng tôi quên như các thầy Hoàng Như Mai, Nguyễn Tường Phượng... không chỉ vì những bài giảng hay, được chuẩn bị tận tình, công phu mà còn vì nhân cách của các thầy như những tấm gương đã theo chúng tôi đi suốt cuộc đời.

Còn lên bậc đại học, thể hệ “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu” như chúng tôi, không được học nền nếp như các bạn khác, mà chủ yếu vừa làm vừa học trong các lớp hàm thụ ban đêm, nhưng các bài giảng của các thầy Hoàng Như Mai, Hoàng Xuân Nhị, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Trác... còn để lại cho tôi những ấn tượng sâu sắc cho tới bây giờ...

Trên bước đường trưởng thành, được giao một số trách nhiệm xã hội, phải xử lý nhiều việc phức tạp, nhưng có một việc mà tôi không bao giờ quên. Vào năm 64 tuổi, vào cái tuổi mà người ta muốn yên ổn, nhưng tôi lại phải có ý kiến về một việc mà tôi không muốn làm. Tuy rằng tôi không chủ trì nhưng theo trách nhiệm phải có ý kiến về một cuốn sách có liên quan tới người thầy mà tôi rất kính trọng cả về phẩm chất lẫn kiến thức. Tôi phải sắm một lễ mọn đến thăm thầy, thưa với thầy những ý kiến mà ngày mai tôi phải phát biểu. Tôi chắc thầy không đồng ý với tôi, nhưng thầy cũng không tranh luận lại. Điều tôi lo lắng đã không xảy ra, vì thầy không giận tôi; vì thầy hiểu rằng tuy có những ý kiến khác nhau kể cả khác với ý kiến thầy, vì bên cạnh tình thầy trò còn có cách tiếp cận chân lý khác nhau, nhưng tôi vẫn là đứa học trò luôn luôn kính trọng thầy. Vì vào tuổi này, khi gặp thầy, tôi vẫn xưng hô “thầy, con” như thuở còn học trung học, tôi còn dốt con, bây giờ đã là cán bộ nhà nước, tới chào thầy, không chỉ vì sự kính trọng thầy mà còn vì muốn nó sống tốt, sống có đạo lý, sống có nghĩa với thầy cô giáo dạy nó và dạy con nó.

Báo *Sinh viên*, ngày 18/11/2002

ĐÁNH THỨC LƯƠNG TÂM

Cuộc đấu tranh chống việc làm gian dối, nguy hiểm của một số người sản xuất, chế biến ham tiền, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, đang là nỗi day dứt của nhiều người tiêu dùng. Cuộc đấu tranh trên nhiều mặt. Khi là biện pháp hành chính, kiểm tra, xử phạt, khi là biện pháp kinh tế, xây dựng các mô hình sản xuất thực phẩm sạch, đưa ra thị trường các loại thực phẩm an toàn chiếm lĩnh lòng tin của người tiêu dùng, do đó có thu nhập cao. Nhưng nhiều người nói tới lương tâm người sản xuất, chế biến. Thế là có người, có một số tờ báo chế giễu: “Lại nói tới lương tâm. Hết cách quản lý rồi, cho nên phải động viên tới lương tâm!”. Làm như lương tâm trong thời buổi này không còn là một khái niệm có thật. Sao lại bị quan đến thế!

Lương tâm là một phạm trù đạo đức đã được nhiều nhà triết học qua các thời đại bàn tới. Theo ý nghĩa thông thường, lương tâm là ý thức trách nhiệm đạo đức của con người với

hành vi của mình trong quan hệ với người khác và xã hội. Người ta cần phải làm, hoặc không được làm vì sợ hãi trước sự trừng phạt của pháp luật. Nhưng ngược lại cần phải làm, hoặc không cần phải làm vì xấu hổ với người khác; có những việc không ai biết nhưng cũng tự xấu hổ với bản thân; đó là những cảm giác đầu tiên đánh thức lương tâm con người. Sự tự phán xử cách suy nghĩ và hành vi của mình là lương tâm, cho nên tuy không bị xử phạt, không bị chê trách mà “lương tâm vẫn cắn rứt” từ một hành vi sai lầm, xấu xa có khi theo suốt cả cuộc đời, không để cho họ yên thân, cho nên có người đã tự thú hành vi tội lỗi của mình cách đó mấy chục năm và không ai biết!

Trở lại chuyện lương tâm người sản xuất, chế biến thực phẩm đã nói ở trên, chúng ta vẫn tin rằng số đông trong họ có lương tâm. Số người vô lương tâm không nhiều, song có thể gây tác hại cho nhiều người, cho nên vẫn phải kiểm tra, xử phạt những người vô lương tâm, phạm pháp. Xử phạt những người phạm pháp có thể đánh thức lương tâm của một số người còn run rẩy trước các món hời để gây tai họa cho nhiều người.

Báo *Sinh viên*, tháng 12/2002

“ƯỚC CHÚA HAY NGHE”

Thuở nhỏ, học tiểu học, tôi đã đọc mẩu chuyện về cụ Đào Duy Từ, một nhà văn hóa Đất Việt, văn võ song toàn, có tài kinh bang tế thế. Lớn lên, nhất là từ ngày thống nhất đất nước, được đọc một số sách viết về cuộc đời của cụ. Vào công tác ở tỉnh Quảng Bình, được xem di tích Lũy Thầy còn lại ở Trường Dục, Nhật Lệ, là những công trình cụ có công chỉ huy xây đắp. Hỏi tại sao gọi là Lũy Thầy, được các cụ già kể lại: “ở trong này, từ Chúa cho tới quan, dân đều coi cụ Đào như bậc thầy, cho nên gọi là Lũy Thầy, chứ không gọi tên”. Cho nên tôi cũng chỉ dám gọi cụ Đào.

Cụ Đào người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia (nay là Vân Trai, Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa). Người cùng tỉnh với cả Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn. Cha là Đào Tá Hán, là kép hát nổi tiếng; nhưng cụ không theo nghề cha mà cố công theo đuổi việc học. Vốn thông minh lại cần mẫn, sự học tới độ

uyên thâm. Năm 21 tuổi tìm đến kinh kỳ dự thi mong giạt giải khôi nguyên, nhưng vì là dòng dõi con nhà ca xướng cho nên luật pháp lúc đó không cho dự thi. Không được đi thi, nghĩa là không có thời cơ đỗ đạt để cống hiến, tiến thủ. Ông uất ức rời bỏ quê hương đi vào Nam. *Thế là vì chút lý lịch mà Chúa Trịnh Tùng bỏ mất một người tài.*

Đường vào Nam lắm nỗi gian truân. Lang thang góc biển, chân trời, lạ người, lạ cảnh, ông phải đi xin ăn độ đường, đến Bình Định mới kiếm được việc làm ổn định, nhận chân chăn trâu cho phú ông họ Lê ở làng Tài Lương. Vừa chăn trâu, cắt cỏ cho nhà chủ vừa tranh thủ lúc rỗi rãi nương bóng cây râm mát nấu sủ, sôi kinh. Nhà chủ vốn hay mời các nho sĩ trong làng đến luận bàn văn chương. Đào dắt trâu đi qua, dừng chân lắng nghe bàn bạc, ông chủ mắng: “Kẻ hầu hạ, mặc quần cộc, biết gì chữ nghĩa!”. Đào bình tĩnh thưa và luận về chăn trâu hèn hạ, chăn trâu anh hùng; nho quân tử, nho tiểu nhân. Phú ông biết là người tài, từ đó cho phép ngồi vào ghế luận bàn, đãi làm gia sư, còn giới thiệu với quan khám lý Đức Hòa ở huyện Bồng Sơn, sau đó quan gả con gái cho và tiến cử lên Chúa. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho

vào diện kiến, sửa mũ áo chỉnh tề ra đón như đón người tài, đãi như thượng khách, chăm chú nghe bàn chuyện giữ gìn và mở mang cơ nghiệp. Chúa mừng gặp người uyên bác, phong chức Như úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, kiêm quản việc quân cơ, thường triệu Đào vào cung bàn chuyện quốc chính. Thế là nhờ sự tôn trọng người tài, trước hết của phú ông họ Lê nhận ra người tài ngay từ thân phận kẻ chăn trâu, cho đến Chúa Nguyễn trọng hiền sĩ thực tài không nệ bằng cấp, từ lòng kính trọng tới nghe lời bàn luận cho nên có được người tài từ tay Chúa Trịnh.

Xem ra, cụ Đào không phải chân khoa bảng, không có học hàm, học vị gì mà để lại sự nghiệp to lớn, công trình về quân sự có *Hổ trướng khu cơ* bàn việc quân và *Lũy Thầy*, công trình văn học có *Ngọc Long cương...* được người đời ca tụng, truyền giữ. Tài liệu lưu giữ ghi “*Bình thư yếu lược*” tại Thư viện khoa học xã hội Trung ương, có tác giả cho là có một số chương rút ra từ “*Hổ trướng khu cơ*” của cụ Đào. Xưa, thuở thiếu thời lận đận bị kỳ thị vì lý lịch con nhà ca xướng, vẽ mặt, đeo râu; đến thời làm quan lại nghĩ về nghiệp cũ cha ông của nhà hoạt động văn hóa, ông đã có công phát triển nghề hát bội Đàng Trong,

và có tài liệu nói là đã khởi thảo tuồng *Sơn Hậu* nổi tiếng.

Tôi có thói quen đọc sách, có điều gì tâm đắc thường ghi lại. Trong “phiếu” về cụ Đào có một *Di chúc* (hay Di ngôn?) khi cụ mất năm 63 tuổi (năm 1634). Câu đó ghi trong ngoặc kép: “*Ước tôi hay gián, Chúa hay nghe*”. Nhưng trên tờ phiếu lại quên ghi xuất xứ của tài liệu. Cũng là có lỗi với bạn đọc khi công bố, nhưng ghi trong ngoặc kép thì chắc chắn tôi chép ra từ nguyên văn một công trình nào đó, vì tôi thường ghi lại những gì tâm đắc để ngẫm mình, mà những lời vàng ngọc đó thường ghi nguyên văn.

Báo Nhân Dân, tháng 12/2002

NGHĨ VỀ MỌI NGƯỜI

Sống ở trên đời, ai cũng muốn cuộc sống của mình có ý nghĩa. Vì như người ta vẫn nói, vấn đề không chỉ là sống bao nhiêu lâu mà sống như thế nào? Nhưng ý nghĩa cuộc sống của con người là gì, luôn luôn là câu hỏi mà nhiều nhà triết học, đạo đức học của nhiều thời đại đưa ra nhiều lời giải.

Tại Đại hội Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ VIII, nói chuyện với đại diện lớp trẻ cả nước, khi đất nước bước vào thế kỷ XXI, Tổng Bí thư đã nói: “Ý nghĩa cuộc sống của mỗi người, nhất là lớp trẻ, không chỉ bó hẹp trong đời sống riêng tư mà phải vươn lên, gắn mình với xã hội, quan tâm tới mọi người, tới Tổ quốc, tới nhân dân, hướng tới lý tưởng và hoài bão lớn là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Mỗi con người, trước hết, tất nhiên, sống vì mình, nhưng lại phải nghĩ về mọi người, nghĩ về Tổ quốc trong đó có mình, vươn tới

lý tưởng cao đẹp, để cuộc sống trở nên có ý nghĩa với xã hội, với đất nước.

Chỉ nghĩ về mình, loay hoay chỉ vì sự giàu sang, danh vọng và hạnh phúc cho riêng mình đôi khi là đem lại đau khổ suốt đời. Vì những người chỉ nghĩ về mình thường là những người rất cô đơn. Nghĩ về mọi người thì bao giờ cũng phải bớt thời gian, tiền bạc của mình, tưởng rằng nghèo mà lại giàu có và hạnh phúc, đúng như có danh nhân đã từng nói: “Hạnh phúc chỉ dành riêng cho những kẻ nào làm cho nhiều người được hạnh phúc”, hoặc “Hạnh phúc chính là sự ban phát hạnh phúc”. Đó là hạnh phúc của con người khi nghĩ về mọi người.

Thời kỳ phấn đấu đưa đất nước đến năm 2010 thoát khỏi cảnh nghèo, đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh vững bước đi lên xã hội chủ nghĩa, như Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã đề ra là thời kỳ sống có ý nghĩa. Sau khi giành được độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, một thế hệ thanh niên xứng đáng ghi danh trong lịch sử, xứng đáng phát huy truyền thống của thế hệ thanh niên đã giành được độc lập dân tộc, thế hệ thanh niên

kháng chiến thành công, thống nhất đất nước. Trong nền hạnh phúc chung của dân tộc đó, có hạnh phúc và vinh dự của mỗi người. Và mỗi người đều tự hỏi xem mình đã làm được gì cho nền hạnh phúc chung của dân tộc?

Báo *Sinh viên*, ngày 06/01/2003

NÔNG THÔN HÓA ĐÔ THỊ (!)

Tôi vốn là người thành phố. Khi mới giải phóng, lực lượng tiếp quản năm 1954 có nhiều người cả đời chưa bước chân tới các thành phố. Rồi cư dân chuyển dịch, không chỉ dân thị xã này đến thành phố kia, mà có nhiều cư dân nông thôn vào thành phố. Việc chuyển dịch cư dân, từ nông thôn vào thành phố cũng là việc bình thường trong lịch sử, nhất là trong quá trình đô thị hóa. Những sự chuyển biến đột xuất thường diễn ra sau khi giải phóng và khi mở mang đô thị.

Lúc bấy giờ anh em chúng tôi rất lo, thường nói với nhau: “đô thị đang bị nông thôn hóa”. Vì số cư dân và cán bộ từ nông thôn vào đô thị ngày càng đông, mang theo nếp sống của nông thôn vào thành phố, từ cách cư xử, đi lại, trang hoàng một buổi lễ, cho tới nét vẽ kiến trúc các khu nhà ở, một nếp sống luộm thuộm của một nông thôn còn lạc hậu... Nhưng rồi lâu dần, những hiện tượng đó cũng mất dần đi, cho dù vốn là

người nông thôn nhưng sống ở đô thị, lúc đầu mang nếp sống ở nông thôn vào thành phố, sau rồi cũng phải thay đổi, thích nghi với đời sống đô thị. Ngay như gia đình tôi, vốn tự hào là người đô thị, nhưng xét đến đời ông tôi thì cũng là từ người nông dân vào làm việc và ở trong thành phố. Nhưng cụm từ “nông thôn hóa đô thị” vẫn cứ ám ảnh chúng tôi, và vẫn rơi rớt lại những hiện tượng luộm thuộm, tùy tiện, chậm rãi, trễ tràng,... cản trở nếp sống văn minh đô thị của một đô thị công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thế nhưng gần đây trên thế giới lại xuất hiện cụm từ “*nông thôn hóa đô thị*”. Thế nghĩa là gì? Theo Từ điển Bách khoa thì đó là quá trình thực hiện hòa nhập vào cảnh quan thành phố thành phần của hệ sinh thái nông thôn như những khu cây xanh, khu vực thoáng rộng, vườn thực vật, động vật, những khu du lịch nghỉ ngơi... nhằm giảm nhẹ những hậu quả xấu của quá trình đô thị hóa. Người ta còn gọi là *đô thị sinh thái*. Nghĩa là một cụm từ hoàn toàn có ý nghĩa tốt đẹp, của những đô thị tương lai, văn minh, hiện đại. Tuy nhiên, đó là cảnh quan thiên nhiên. Nhưng tôi vẫn nghĩ, khái niệm “nông thôn hóa đô thị” theo

nghĩa nếp sống, vẫn là vấn đề cần phải khắc phục, để đô thị có thêm hệ sinh thái nông thôn nhưng vẫn có nếp sống đô thị công nghiệp, hiện đại. Đó là đô thị văn minh theo nghĩa mới.

Báo *Sinh viên*, ngày 10/3/2003

BỮA CƠM GIA ĐÌNH

Có lần Giáo sư Từ Giấy nói với tôi: “Phải tìm mọi cách duy trì các bữa cơm gia đình. Không còn thường xuyên những bữa cơm gia đình thì có những dấu hiệu nguy cơ tan vỡ gia đình!”. Trước đây, cuộc sống đơn giản, lời nói của Giáo sư vẫn chỉ như lời nhắc nhở, vì chẳng ăn cơm với gia đình thì ăn với ai. Nhưng càng đi vào cuộc sống của xã hội công nghiệp và nền kinh tế thị trường, tôi càng thấy lời Giáo sư là những lời cảnh báo chí lý.

Cứ ngẫm mà xem.

Sáng ra, ai nấy ăn sáng vội vàng, người đi học, người đi làm, mỗi người ăn một kiểu, một giờ khác nhau, rất khó có bữa ăn chung buổi sáng. Mà có ăn chung thì cũng vội vội, vàng vàng vì thời gian cho bữa ăn sáng cũng chỉ 15 - 20 phút.

Buổi trưa thì người đi làm ăn ở các quán cơm gần cơ quan, xí nghiệp; vì thời gian cho bữa ăn trưa không thể dài; cho nên bữa ăn trưa cũng không thể tụ tập gia đình.

Có lẽ, chỉ còn bữa ăn tối là thời gian có thể người trong gia đình gặp nhau, vừa ăn vừa trò chuyện. Nhưng bữa ăn tối bây giờ cũng đang bị phá vỡ. Các bạn làm ở doanh nghiệp nói: bữa ăn tối thường phải ăn với khách hàng, bạn hàng và các cộng tác viên; cũng có thể coi là bữa ăn làm việc. Có bạn còn nói: “đến 80% các tối là phải “ăn cơm khách”, khi thì mình đi, khi thì bạn đi”. Có bạn còn nói: “bây giờ nghe đến mời ăn đã sợ phát run lên, vừa tốn tiền vừa mệt. Đó là chưa kể một số bạn còn rủ nhau đi “nhậu” sau giờ làm việc, khi chân nam đá chân chiêu mới quay về nhà, rúc vào chăn ngủ, hoặc bấm ti vi, không còn thời gian mà họp mặt và trò chuyện trong nhà chung quanh bữa cơm đầm ấm nữa”.

Có lẽ phải tính toán lại thời gian để luôn luôn có thời gian dành cho gia đình, bắt đầu từ duy trì bữa cơm gia đình buổi tối. Bớt “cơm khách”, bớt “nhậu” đi, để về ăn với gia đình, có thể đó mới là nếp sống hiện đại để củng cố gia đình.

Báo Sinh viên, ngày 24/3/2003

ĐIỀU KHÓ HIỂU

Một người nước ngoài có điều kiện công tác ở nước ta nhiều năm. Chị rất quý trọng đất nước và con người Việt Nam, rất tôn trọng và đánh giá cao công tác lãnh đạo, quản lý ở nước ta. Nhưng người thân thì thường nói thật; nói thật cả những điều chưa vừa lòng.

Chị rất thận trọng, không nói ra những điều “chưa vừa lòng” mà chỉ nói ra những điều “khó hiểu”.

Chị nói: Càng ngày chị càng thấy người dân càng hiểu rõ cần bảo vệ những động vật hoang dã, quý hiếm, nguồn tài sản tự nhiên quý giá không chỉ ở Việt Nam, mà với cả thế giới. Luật pháp với những điều cấm và chế tài đã rõ ràng. Thế nhưng chị khó hiểu là tại sao các cửa hàng đặc sản, bán thịt thú rừng quý hiếm vẫn ngang nhiên mở ra, lại còn công khai để biển quảng cáo, vì sao không bị đóng cửa, xử phạt?

Chị nói: Ngày càng thấy nhân dân Việt Nam hiểu rõ giá trị của rừng đối với môi trường

tự nhiên, đối với đời sống của nhân dân, trước hết là người dân sống ở miền núi. Đến nay, nhiều người không những hiểu lợi ích mà còn thuộc luật và hiểu luật. Thế nhưng khi cần một cây gỗ thì họ lại ngang nhiên vào rừng chặt cây. Đó là chưa kể những tên lâm tặc ngang nhiên phá rừng lấy gỗ, lại có trường hợp người được giao trách nhiệm bảo vệ rừng tiếp tay cho bọn phá rừng...?

Điều khó hiểu thứ nhất mà chị nêu ra thuộc về sự quản lý. Song, có lẽ chị chưa có điều kiện để biết trường hợp có một số người lãnh đạo, quản lý một số địa phương, nghĩa là những người có trách nhiệm nắm và thực thi luật pháp lại ngang nhiên đãi nhau những món thú rừng quý hiếm trong các nhà hàng, mà một khi họ đã đến đấy, thì “nhà hàng đặc sản” thú rừng yên tâm mở cửa đón khách rồi còn gì!

Điều khó hiểu thứ hai của chị liên quan tới ý thức công dân. Không phải chỉ có chuyện chặt cây, phá rừng của một số người ít học. Mà ngay những người học hành cũng khá, đang hoặc đã từng ngồi ở trường đại học hẳn hoi, đều biết rõ phải bảo vệ môi trường, phải chấp hành luật giao thông..., nhưng họ vẫn thản nhiên vứt rác ra đường,

đua xe đánh võng, không dừng xe trước đèn đỏ... Ý thức công dân trước hết phải thể hiện thành hành động, việc làm, chứ không phải chỉ ở chỗ thuộc bài, thuộc luật. Ý thức công dân là biểu hiện của con người văn minh, con người có văn hóa. Con người có học với con người văn hóa là một khoảng cách về nhân cách.

Báo *Sinh viên*, ngày 07/4/2003

“THỬ” VÀ “VUI” CHẾT NGƯỜI

Nhìn một số bạn trẻ mắc vào con đường nghiện ngập tôi thật sự đau lòng. Đau lòng hơn khi những thống kê nêu lên những bằng chứng “trẻ hóa tội phạm” và “trẻ hóa tệ nạn”. Nghĩa là độ tuổi của những người mắc tệ nạn xã hội và tội phạm ngày càng trẻ. Có tới 80% tội phạm phải đứng trước vành móng ngựa, hủy hoại cả cuộc đời, trong đó có một số bạn là sinh viên, đều bắt đầu từ khi mắc vào tệ nạn xã hội, chủ yếu là ma túy. Thật ra không phải chỉ là do nghiện ma túy; có khi chỉ vì do cờ bạc, cá độ, hoặc muốn có tiền ăn diện, chạy theo mốt, mà dẫn tới phạm tội, trộm, cướp, bị mất học, phải vào tù! Như thế, chẳng đau lắm sao?

Tôi đã nói về sự bắt đầu, mắc các tệ nạn, rồi dẫn tới phạm tội. Vậy bắt đầu mắc vào các tệ nạn như thế nào?

Bạn T. ở một trại thuộc tỉnh Tuyên Quang tâm sự: “Bắt đầu cũng là “thử” xem sao. Vì thấy mấy đứa bạn nói rằng “mê ly” lắm. Cũng

sợ vì cũng đã được biết, được dặn dò khi đọc một số sách, báo, nhưng rồi tặc lưỡi: “Thì cứ thử một lần thôi, chỉ một lần thôi!” Thế rồi mắc vào thật khó bỏ!”. Tôi nghĩ là bạn T. đã tâm sự thật, vì chính bạn đang có quyết tâm cai nghiện. Bạn không ngờ rằng “thử rồi thành thật” và đặc biệt là “số một bao giờ cũng bắt đầu của số nhiều, cho tới vô tận!”. Giá bạn T. có *quyết tâm* không thử thì đâu đến nỗi bây giờ phải *quyết tâm* vượt qua khó khăn rất nhiều lần để cai nghiện.

Bạn V. ở một trại thuộc Thanh Hóa, không phải là trong một trại cai nghiện, mà là trong một trại giam. Cũng vì cái tội muốn có tiền hút hít mà ăn cắp hai chiếc xe đạp, rồi bị đuổi học, lĩnh án tù. Cha mẹ cũng nghèo, tần tảo tiền đi thăm con; gặp con chỉ biết khóc, không còn mong con học hành tiến tới, mà chỉ mong con sạch tệ nạn, trở thành người lương thiện, mà không chắc có được. Vậy khởi đầu đến với tệ nạn của bạn V. là thế nào? Cũng là một lời tâm sự được công khai trên một tờ báo. Cũng là vui bạn bè. Bị kích tướng, cho là “hèn”, là “nhát”, thế là cũng thử một vài lần cho vui vẻ bạn bè. Ai ngờ mắc vào thật khó bỏ. Giận bạn, nhưng chính là giận mình không vượt qua sự cám dỗ.

Không giống những tội phạm chuyên nghiệp, khởi đầu của một số bạn khi mắc vào tệ nạn, hoặc phạm tội đôi khi rất đơn giản. Có khi là “thử”, là “vui” bạn bè, mà tuổi trẻ thường thích vui vẻ, thích thử nghiệm. Nhưng đó là những cuộc “thử”, cuộc “vui” chết người, khổ thân, khổ đời, tan tành sự nghiệp.

Báo *Sinh viên*, ngày 05/5/2003

NỖI ĐAU

Tối mùa thi đại học mới thấy các bạn học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và cha mẹ, chú bác, cô dì các bạn quan tâm tới việc học lên cao như thế nào. Hãy tạm gác sang một bên vấn đề cũng rất quan trọng là “Có nhất thiết con đường tiến thân của các bạn thanh niên là phải qua các trường đại học hay không?” vì trên diễn đàn này tôi đã có dịp trao đổi với các bạn. Và trong thực tiễn, nhiều bạn trẻ đã vươn lên thành đạt, có những thành đạt rất xuất sắc mà không phải qua các trường đại học. Tất nhiên, như thế không có nghĩa là tôi coi nhẹ ý chí học tập vươn lên có trình độ đại học và trên đại học của nhiều bạn trẻ. Vì nói cho cùng thì tỉ lệ số người đỗ đại học so với số dân của ta còn rất thấp không chỉ so với các nước phát triển, mà ngay cả với một số nước trong khu vực.

Nhưng hôm nay, tôi lại bàn chuyện khác, khi thấy không khí nô nức, sức lực và tiền của các bạn trẻ và cả gia đình lo cho các bạn

qua các cuộc thi tuyển rất khắt khe. Số người đạt được chỉ khoảng 20% số người dự thi, nghĩa là cứ năm bạn dự thi chỉ có một bạn trúng tuyển được bước vào ngưỡng cửa các trường đại học. Quả là gian nan, vất vả và tốn kém. Thế mà, theo báo cáo của Bộ Giáo dục - Đào tạo thì trong bốn năm qua có 2.707 sinh viên đã bị loại khỏi các trường đại học, bằng số sinh viên của tỉnh Cần Thơ nhập học năm 2002. Thật là đáng tiếc! So với sự gian nan, vất vả của những buổi ôn thi và sự lo lắng của cả gia đình các bạn, lại càng tiếc!

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc các bạn sinh viên phải dở dang nghiệp học. Cái lý do nghèo túng, gia đình gặp rủi ro cũng có, nhưng xem ra rất ít; vì các bạn có thể vượt qua và có bạn bè và xã hội giúp đỡ. Có lý do không cố gắng trong học tập, mải chơi, không ham học; khi ý chí con người xem ra đã bị tụt lùi so với buổi đầu hăm hở đến trường thi. Nghĩa là khả năng trong từng con người vẫn có, nhưng không được tận dụng. Thật là tiếc. Nhưng nỗi đau là ở chỗ do nếp sống buông thả, phạm kỷ luật nhà trường, thậm chí vi phạm pháp luật, không những các bạn ấy không được tiếp tục sự học mà còn để tiếng xấu ngoài đời. Đó là nỗi đau không chỉ của bạn đó, mà còn của cả bạn bè, và nhất là của

ông bố, bà mẹ, chú bác, cô dì, anh chị em...,
có khi cả họ, là những người luôn gửi gắm
niềm tin và mong chờ ở bạn. Đó là nỗi đau,
mong rằng bạn nào cũng nhận thấy để không
bao giờ xảy ra!

Báo Sinh viên, ngày 19/5/2003

NÊN NGƯỜI

Cha mẹ nuôi dạy con, thầy giáo dạy học trò, đều mong muốn con ngoan, trò giỏi. Nhưng cha mẹ nuôi con cũng chỉ đến khi dựng vợ gả chồng. Thầy cô dạy trò cũng chỉ đến khi hết lớp, hết khóa. Nhưng lại vẫn dõi theo con, dõi theo bước chân của trò để xem nó có “*nên người*” hay không? Nuôi và dạy thì cuối cùng cũng đều mong cho con trẻ “*nên người*”.

Sống ở trên đời trong những gia đình nghèo khó và trong một xã hội còn nhiều rủi ro, bệnh tật, tai nạn, cũng đã là một việc không đơn giản. Nhưng sống cho xứng đáng ở trên đời lại càng không phải là điều đơn giản chút nào. Cha mẹ, thầy cô đều mong con mình, học trò mình công thành, danh toại, ít nhất cũng là mong bọn trẻ có học thức, có công việc làm đủ sống, có gia đình hạnh phúc và có cuộc sống tử tế, tình nghĩa, thủy chung. Như vậy thì “*nên người*” không chỉ là đủ cơm ăn, áo mặc, không bệnh tật của cuộc sống vật chất; không chỉ được học

hành có chữ nghĩa, đồ bằng này, đạt cấp kia, mà còn là một con người có ích với xã hội, được bạn bè, đồng bào, đồng chí yêu thương và cao hơn là được mến phục. Vì trong cuộc đời “nhõn tiên”, có những ông đồ Thạc sĩ luật mà cố tình phạm luật; có ông là “anh hùng” trong trường hợp này lại là kẻ “tiểu nhân” thậm chí là tội phạm trong một môi trường khác; có ông phấn đấu suốt đời để có chút “danh” nhưng chỉ một chút sơ sẩy cho nên thân bại, danh liệt, để tiếng muôn đời...

Họ đều là những người được sống đầy đủ về vật chất. Họ đã được “giáo dục” trong nhà trường và cả trong cuộc chiến đấu ngoài đời, có lúc rất gian nan. Thế mà họ vẫn chưa, thậm chí không “nên người”. Làm sao trách bố mẹ họ được; vì bố mẹ họ đâu có dạy họ thế. Làm sao trách thầy cô họ được, vì thầy cô đâu có dạy họ làm liêu. Đó là nói những mặt cơ bản nhất về trách nhiệm cha mẹ, thầy cô; còn sự chiều chuộng quá mức để họ có thói quen “đòi gì được nấy”, “muốn gì được nấy” ngay từ nhỏ; nhất là việc nêu những tấm gương xấu làm đổ vỡ những bài giáo dục mỏng manh, là ở những trường hợp cụ thể. Có lẽ, chuyện “nên người” thì bố mẹ, thầy cô chỉ có thể đưa ra lời khuyên và sống tốt làm tấm gương cho con,

cho trò, đồng thời quan tâm, theo dõi giúp đỡ con cái, học trò trong cuộc sống hàng ngày. Còn sự phấn đấu của từng người vượt lên sự cám dỗ ngoài đời, vượt lên những khó khăn, thách thức để trước hết sống tốt và cống hiến tốt mới là điều quyết định.

Báo *Sinh viên*, ngày 02/6/2003

BỨC ẢNH ĐĂNG BÁO

Nhớ lại một sáng mùa xuân năm 1962, tôi cùng một số đồng chí trong Ban biên tập báo tỉnh Hà Đông vừa ngồi uống nước vừa bàn chuyện tuyên truyền cho “Tết trồng cây”, làm thế nào để mỗi năm có cách làm mới. Câu chuyện đang rôm rả thì thấy đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đi từ Văn phòng xuống, hỏi:

- Cậu nào chụp bức ảnh này đây?

Chúng tôi không biết chuyện gì, vội đỡ lấy tờ báo trên tay đồng chí Bí thư. Thì ra đó là bức ảnh đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tham gia sản xuất đầu năm ở một huyện miền núi. Bức ảnh chụp khá đạt trong tư thế của người đang lao động cật lực, chứ không như một số bức ảnh diễn cảnh các đồng chí lãnh đạo “đi xem” dân sản xuất. Đồng chí Tổng biên tập báo địa phương chắc rằng đồng chí Bí thư biểu dương, cho nên nói ngay:

- Thưa anh bức ảnh này của phóng viên “người nhà” chụp ngày sản xuất đầu năm. Đúng

là tư thế anh đang cùng bà con phát bụi làm nương!

- Phát bụi đâu. Các cậu chụp mình chặt cây đấy chứ!

Mọi người nhìn lại thấy đúng là tấm ảnh đồng chí Bí thư đang chặt cây. Cái cây cũng to lẫn vào bụi rậm, bị đốn hạ. Chặt cây phải dùng dao mạnh, cho nên tư thế trông rất sinh động.

Đến lúc này chúng tôi vẫn chưa biết chuyện gì, nhưng cũng đã thấy gờn gợn. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thấy có khách ở Trung ương về là tôi, cho nên ngồi xuống cùng uống chè. Đồng chí nói: “Bác Hồ vừa gọi điện cho tôi, hỏi: “đồng chí đã xem báo tỉnh tuần này chưa?”. Thú thật lúc đó tôi cũng chưa xem, vội lật đặt vở tờ báo để trên bàn. Bác lại hỏi: “Chú đã có tờ báo trong tay chưa?”. Tôi nói: “Thưa Bác, đã có!”. Bác nói từ tốn nhưng nghiêm khắc: “Bác đang phát động Tết trồng cây, mà báo chí lại giới thiệu ảnh Bí thư Tỉnh ủy chặt cây, một người làm, một người phá thì làm sao thành công được! Phải nhớ rằng: một hành động, cử chỉ của người lãnh đạo là nhân dân đều “trông vào”, làm tốt thì người ta noi theo, mà làm xấu thì người ta hùa theo! Chú cần rút kinh nghiệm””.

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy rất buồn, cứ bần
khoăn, vì sao mình lại đi chặt cây trong ngày
hôm đó. Còn những người làm báo chúng tôi
thì nhớ đời một bài học về thông tin.

Báo *Sinh viên*, ngày 16/6/2003

BẢN LĨNH NGƯỜI TRẺ

Sau khi đỗ đại học, chị tìm được một học bổng du học ở châu Âu. Ở nước ngoài mấy năm, cũng có được bằng Thạc sĩ ở một trường đại học nổi tiếng ở một nước phát triển. Bạn bè cùng học, có nhiều bạn người nước ngoài.

Và họ gặp nhau ở một thành phố lớn nước ta, khi mấy người bạn châu Âu tới Việt Nam du lịch theo sự quảng bá của ngành du lịch, cũng có dịp thăm lại người bạn gái để xem sau khi học ở nước ngoài về, bạn họ sống và làm việc như thế nào trong chế độ mới.

Họ gặp nhau vào “Ngày lễ tình yêu” (Valentine). Tất nhiên, sống ở trời Âu - Mỹ cho nên họ nhớ, vì cái phong tục này sinh ra từ một linh mục ở châu Âu quan tâm đến tình yêu đôi lứa. Họ mua một bông hoa, chỉ một bông tặng nhau, và nói lời chúc tụng hạnh phúc. Nhưng rồi họ thấy trên đường phố người đi lại tấp nập; hoa ôm trong tay từng bó, họ ngạc nhiên lắm, hỏi bạn Việt Nam:

“Họ làm gì thế?”. Người bạn trả lời: “Họ mừng nhau nhân Ngày tình yêu”. Họ lại càng ngạc nhiên khi thấy trên ti vi dành hẳn một chương trình và trên nhiều báo dành nhiều chuyên đề lớn cho “Ngày tình yêu”.

Họ nói với người bạn Việt Nam: “Nước cậu thoải mái thật. Ở nước chúng mình, có tổ chức rầm rộ thế này đâu!”.

Thời mở cửa, mọi cái mới đều dễ gây hiếu kỳ và tốn nhiều bút mực, dễ “rầm rộ” cũng là lẽ thường. Chỉ mượn bông hoa hồng và ngày Valentine để nghĩ đến nhiều chuyện khác trong tâm những người trẻ quan tâm, học theo và bắt chước thiên hạ...

Một triết gia cổ đã nói, hiền tài là người ý thức được hai chữ mức độ. Đó cũng chính là thước đo bản lĩnh của những người trẻ.

Báo *Sinh viên*, ngày 22/10/2003

HẠNH PHÚC VÀ SỰ HY SINH

Một đất nước đã trải gần 12 thế kỷ bị sống đời nô lệ, với biết bao cuộc vùng dậy đầm máu không thành; một dân tộc đã trải qua hơn mười cuộc chiến tranh chống xâm lược mà cuộc chiến đấu nào lúc đầu kẻ thù cũng mạnh hơn mình; một dân tộc với chủ nghĩa yêu nước sâu sắc như thế rất hiểu và thấm sâu vào huyết quản khái niệm hy sinh. Điều đó trở thành chuẩn giá trị quan trọng nhất của dân tộc ta đối với mỗi người, bất kể người đó là ai.

Ngày nay đất nước đã có hoà bình, ít nhất đã mấy chục năm. Nhiều bạn trẻ sinh ra và trưởng thành khi không biết và lẽ dĩ nhiên không có dịp tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cho nên mới có bạn viết thư hỏi tôi: “Khái niệm hy sinh bây giờ có còn hay không?”. Đây là một câu hỏi rất lý thú.

Khái niệm hy sinh được hiểu là “*chết vì mục đích hoặc lý tưởng cao cả*”, theo định nghĩa của Bách khoa toàn thư. Hy sinh ở đây

là hy sinh vì nghĩa cả, vì đại hiếu, vì Tổ quốc, vì nhân dân. Còn theo nghĩa thông thường thì trong từ điển phổ thông có nghĩa là “*nhận về phần mình một cách tự nguyện sự mất mát, thua thiệt nào đó, vì một cái gì cao đẹp*”. Nghĩa là hy sinh là một đức tính lớn của con người, không chỉ trong thời chiến mà cả trong thời bình.

Cứ xem các bạn sinh viên trong phong trào tình nguyện đã dành những ngày nghỉ hè để lao động, truyền bá kiến thức, giúp đỡ nhân dân các vùng khó khăn, vùng xa, vùng sâu; có bạn chia tay các đô thị nhiều tiện nghi chấp nhận cuộc sống khó khăn để công tác ở vùng xa xôi, hẻo lánh vì cuộc sống của đồng bào, đó chẳng phải là sự hy sinh đó sao?

Còn biết bao hành động, cử chỉ đẹp đẽ khác trong cuộc đời như tấm gương một bạn trẻ tình nguyện cống bạn tàn tật đến trường mấy năm liền; chuyện người anh trong cảnh nhà nghèo tình nguyện lao động vất vả để nhường cho em đến trường đại học... những chuyện “nhỏ” đó chẳng là sự hy sinh theo đúng nghĩa đời thường đó sao. Có những bạn trẻ sẵn sàng hy sinh tính mạng mình để cứu vớt bạn bè trong vùng lũ lụt... là những tấm gương lớn về đức hy sinh.

Đọc, nghe kể hoặc xem hình ảnh về những tấm gương hy sinh cao cả đó, thật sự đã khơi gợi ở tôi không chỉ lòng thương cảm, mà là sự kính phục, kích thích những hành động vươn tới những gì tốt đẹp trong ứng xử giữa cá nhân với cộng đồng, làm cho tâm hồn, tình cảm của mình bớt nhỏ nhen, muốn vươn tới những gì cao đẹp của cuộc đời vì Tổ quốc, vì nhân dân.

Có nhà hiền triết đã nói: *“Chỉ những kẻ ích kỷ mới không biết hy sinh”, “những người vị kỷ là những người không có hạnh phúc”* và *“hy sinh quên mình là con đường dẫn tới vinh quang bền vững”* (Diderot).

Và con đường đi tìm hạnh phúc của mỗi người là con đường biết hy sinh vì nhiều người, vì đất nước giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh, chứ không phải chỉ nghĩ riêng cho cuộc sống của mình.

Báo *Sinh viên*, ngày 12/11/2003

CẬU ẤM, CÔ CHIÊU NGÀY NAY

Xưa kia, người ta hay gọi “cậu ấm, cô chiêu” để chỉ những cậu, những cô con các quan lại thời phong kiến. Các cậu ấm, cô chiêu thường được trọng vọng vì con nhà giàu có và quyền thế. Không phải cậu ấm, cô chiêu nào cũng hư hỏng; có cậu học hành giỏi giang, sống khiêm tốn, cư xử đúng mực, được mọi người kính trọng, không ít cô cậu nổi nghiệp cha ông, thành danh trong cuộc đời. Nhưng không ít cậu ấm, cô chiêu ỷ thế tiền của gia đình, ỷ thế quyền lực cha ông, học hành dỏ dang, chơi bời ngang tàng, phung phí, làm ăn phi pháp, người đời gọi cái tên cho có vẻ kính trọng thứ bậc, nhưng trong bụng thì khinh bỉ. Có một số cậu tung tiền thuê tay chân vây bọc, một thứ khuyến ứng, khuyến phê hoạt động ngang ngược như một loại xã hội đen, vi phạm luật pháp, ức hiếp dân lành.

Ngày nay, người ta không gọi là “cậu ấm, cô chiêu” mà gọi là “quý tử”, con các “đại gia”. Vì các cô cậu này không phải tất cả đều là con

quan chức ỷ thế quyền lực, mà còn là con một số doanh nhân làm ăn phát đạt ỷ thế lắm tiền nhiều của, coi khinh mọi người, khinh nhờn luật pháp. Mấy cô cậu “đua xe ô tô tốc độ” trái pháp luật ở một thành phố nọ là con cái đại gia ỷ thế, phô của, coi trời bằng vung, luật pháp đã xử đúng luật nhưng dư luận vẫn cho là nhẹ vì lòng không ưa. Một số cậu uống rượu say đâm xe lao vào phòng mạch của tư nhân dẫn tới tử vong ở một thị xã nọ, cũng là con cái “đại gia”, có một cậu là con viên chức, còn mấy cậu là con một số doanh nhân giàu có. Dư luận nhân dân rất bất bình, coi họ là những cậu ấm, cô chiêu thời nay. Cậu ấm, cô chiêu thời nay xem ra có vẻ lộng hành hơn cả những cậu ấm, cô chiêu thời xưa.

Chuyện kể rằng: Có một cậu ấm, con một viên chức, nghiện ma túy. Gia đình giấu như bùng vì sợ hại tới thanh danh. Ngày nào cậu ta cũng đòi tiền đi “phê”. Cung phụng mãi, sốt ruột, gia đình không cho nữa. Cậu ta đứng giữa sân nói bô bô: “Ăn của đứt lót đây “két”, không cho ông, ông sẽ nói cho cả xóm, cả phố biết”.

Chuyện lại kể rằng: Có một cô chiêu, con một chủ hãng kinh doanh lớn, có thú vui ăn diện, chơi bởi, bỏ tiền triệu ra “bo” bồ. Ăn mặc

mỗi ngày một mốt. Xe đời mới nào xuất xưởng đều thấy cô đi trên đường. Tiền tiêu như nước. Gia đình không đủ cung phụng. Cô ta chua ngoa đứng trên gác cao nói to: “Suốt ngày buôn lậu, lãi lời tiền chật tú, chật hòm. Không cho tôi, tôi nói cho cả phố này biết!”.

Phố xá trách: “Không biết dạy con. Chiều chuộng cho lắm vào để con cái trả nghĩa!”. Có người nói: “Cũng là quả báo. Bố mẹ hư hỏng thì làm sao dạy được con!”. Ý kiến có khác nhau, nhưng cả hai nhận xét về những bậc bố mẹ của cô, cậu đều đúng.

Còn đối với con cái “đại gia” thì khi gặp hoạn nạn không có mấy bạn đến thăm. Vì nói cho cùng thì những con cái “đại gia” thường ỷ thế quyền lực, tiền nong của cha ông, làm gì có bạn, chỉ có bọn tay sai theo đóm ăn tàn; những bọn đó sao gọi là bạn, “phù thịnh chứ không phù suy” là lẽ sống thường tình của chúng! Cũng là cuộc đời đau khổ chứ có sung sướng nổi gì!

Báo *Sinh viên*, ngày 10/12/2003

CÂY QUẤT NGÀY TẾT

Tết đến nhà nào cũng chơi hoa, chơi cây. Hoa có nhiều loại, nhưng hoa ngày Tết thường là hoa đào, hoa mai, hoa trà, hoa cúc... Cây thì có lẽ không có nhiều thứ, chủ yếu là cây quất. Cũng có người chơi cây cảnh, cây thế, các loại địa lan; nhưng mua những loại cây này không ít tiền và chăm sóc nó cũng không dễ, cho nên cũng chỉ có một ít người chơi. Chủ yếu là mua cây quất về để trong phòng khách. Nhà giàu thì mua cây quất đại để kín một góc nhà; nhà nghèo thì chơi quất lỏi, để trên chiếc đôn, chiếc ghế đẩu. Cây to hay cây nhỏ, thì quả nào quả đó cũng phải vàng au, rực rỡ.

Cũng chưa thấy ai nói quất là cây bản địa, hay cây ngoại nhập, nhưng từ lâu lắm rồi đã có quất trong ngày Tết. Các làng hoa đời Lý, đời Trần ở ven đô đều có đất trồng quất. Nhưng trồng cho ra cây quất ngày Tết thật không đơn giản. Quả phải chín đều, vàng mọng đúng vào dịp Tết. Vì thế phải có kỹ

thuật riêng. Trồng quất là phải có cách chăm quất, lại còn đào quất cuối mùa xuân trên nền đất phù sa để ép cây ra hoa trái vụ, kịp ra quả chín vào dịp Tết. Có nhà chơi quất, ra giêng, hạ quất xuống vườn, nhưng trồng và chăm bón như các loại cây khác thì vẫn ra hoa, kết trái, nhưng quả to, quả nhỏ, quả xanh, quả chín lố đổ; để ngoài vườn thì còn được, chứ để trong nhà ngày Tết thì không ra làm sao. Người nghèo, mua đại một cây quất về, cốt sai quả, chín đều một màu là được. Còn người có tiền, khó tính, lại chọn cây có lá, có chồi lộc, có quả, có hoa có nụ, hình cây đầy đặn như cây rôm ngày mùa. Còn bây giờ, không biết ai “sáng tạo” ra kiểu cây quất dáng cây thông Nôen của phương Tây(!). Cây quất chín vàng đều, óng ả, hình mũ nấm của dáng quất truyền thống trông đã thấy sự thịnh vượng và sự đầy đặn ủa vào nhà đầu năm. Trước đây, chỉ một vùng đất Nghi Tàm là có quất Tết; bây giờ đã chuyển giao kỹ thuật khá rộng vì đất Nghi Tàm nhiều nơi đã thành phố, cho nên có thêm quất Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định.... Nhưng người tinh ý, sành chơi thì nhận ra ngay, chỉ mua quất Nghi Tàm, quả vừa xinh xinh, vỏ mỏng và bóng láng, chín mọng một màu vàng sẫm vào dịp Tết nguyên đán.

Cây quất quen thuộc lâu đời với con người như thế, nhưng xem ra rất ít vào văn thơ. Chỉ thấy các cụ vịnh đào, vịnh trà, vịnh mai, vịnh lan, vịnh cúc, vịnh trúc. Thơ vịnh không chỉ mô tả mà còn để dốc bầu tâm sự, nhân cái cảnh, cái vật mà nói lên ý tưởng của mình. Hình như cây quất ít giúp cho các cụ liên hệ một ý tưởng nào đó trong cuộc đời; cho nên vẫn chơi quất, nhưng ít thấy có thơ vịnh quất.

Lâu nay tôi vẫn nghĩ như thế. Đọc thì cũng chưa thể nói là nhiều, nhưng cũng không thể coi là ít. Chắc chắn là không đọc hết, nhưng những bài thơ Tết hay nhất của các tác giả nổi tiếng đều có dịp đọc, qua các sách tuyển của các danh nhân, học giả. Ví như nhà thơ lớn Nguyễn Khuyến cũng được đọc nhiều, đọc cả thơ nôm, thơ dịch từ thơ chữ Hán. Thơ cụ cũng tả mùa hè, mùa xuân, nhưng tả mùa thu thì tuyệt vời. Tả mùa thu thì cụ có nhiều bài, nhưng ba bài: thu vịnh, thu điếu, thu ẩm là tuyệt tác. Bỗng một ngày, tình cờ đọc tập thơ Nguyễn Khuyến thấy có bài thơ chữ Hán “Người yêu quất” do Nguyễn Văn Tú dịch. Thấy lạ, cho nên đọc ngay và ngâm nghĩ. Cụ viết:

*“Yêu cúc cùng yêu sen
Mỗi người ưa mỗi mặt*

Ta tính vốn yêu chung

Đến già chỉ yêu quất”.

Ngoài ba bài thu nổi tiếng, cụ Tam Nguyên đã từng có thơ vịnh các loại hoa cúc, hoa mai, hoa thủy tiên, mỗi cây mỗi vẻ; vịnh mỗi cây gửi gắm một tâm sự. Còn vì sao “đến già chỉ yêu quất” thì cụ Tam Nguyên đã nói hẳn cái lý đó trong thơ:

“Yêu vì cay không tê

Yêu vì chua không gắt

Yêu vì ngọt khác đường

Yêu vì đắng khác mật”.

Cũng tưởng cây quất như mùa xuân, qua rồi cái rét mùa đông, chưa tới cái nóng gay gắt mùa hạ nhưng khi miêu tả cây quất, thì lại là tâm sự của cụ:

“Chẳng đưa hương ngọt ngào

Chẳng chen nơi sầm uất

Vườn nhà từng sống quen

Hơi đông khó bắt nạt”.

Nghĩa là khi đã ngấm trải sự đời nhiều nỗi truân chuyên, cụ chợt yêu cái “mức độ” của vị quất, yêu bản lĩnh cây quất dù hơi lạnh giá mùa đông cũng “khó bắt nạt”.

Đọc bài *Người yêu quất* của cụ Tam Nguyên tôi thích ngay, không chỉ vì đã nhiều tuổi rồi, dễ đồng cảm với tâm sự và

tấm lòng kiên cường nhưng mức độ của cụ. Vì tuổi trẻ của tôi cũng như của nhiều người, thường có sự bông bột, cực đoan, hiếu thắng, đôi khi phạm lỗi với bạn bè; đến khi nhiều tuổi mới thấy thấm thía cái sự “vừa phải”, vừa phải mà vẫn trung trinh. Mà còn vì, như có tác giả đã nêu lên một nét trong văn hóa Việt Nam: “Văn hóa Việt Nam là văn hóa khiêm tốn, mộc mạc, không có cái gì cực đoan”, “chuộng cái bình thường, vừa phải, gần gũi, quen thuộc, tránh mọi cực đoan”¹. Vì vậy, cây quất đâu chỉ hợp với thời gian và những người ở ẩn, mà nó vẫn là lòng yêu thích của mọi thế hệ những người hành động khi mỗi độ xuân về.

Báo *Thanh niên*, Giáp Thân, 2004

1. Theo Phan Ngọc trong sách *Bản sắc văn hóa Việt Nam* và Hoàng Tùng trong sách *Từ tư tưởng truyền thống của dân tộc đến tư tưởng Hồ Chí Minh*.

MÙA XUÂN VÀ CON NGƯỜI

Mùa xuân người ta thường nghĩ tới nhiều chuyện quá khứ, tương lai; nhưng chuyện muôn đời trước hết vẫn là chuyện về cuộc sống con người.

Bản chất chế độ ta, tính nhân bản sâu sắc của chế độ ta là vì con người. Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định phải xây dựng “một xã hội trong đó tất cả mọi người đều có cuộc sống dồi dào về vật chất và phong phú về tinh thần”. Mục tiêu đó thể hiện lòng ham muốn, ham muốn tốt bậc của Bác Hồ là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” và lời dặn của Người trong *Di chúc*: “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Xuất phát từ nước nghèo và kém phát triển, để tránh tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước xung quanh, nước ta phải có tốc độ phát triển nhanh liên tục, bền vững và luôn luôn nhắm mục tiêu sâu xa là vì con người

và hướng về con người, như bản chất của chế độ ta.

Trong nhiều thế kỷ, loài người luôn bị ám ảnh bởi mục tiêu thoát khỏi đói nghèo, và chìa khoá để thoát khỏi tình trạng đó là đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Nhưng rồi cũng nhận ra, đặc biệt vào những thập niên cuối của thế kỷ XX về động lực của con người cho phát triển và phát triển vì con người. Tổng kết về các nguồn lực phát triển của mỗi quốc gia, các tổ chức quốc tế thường nêu lên bốn nguồn là: tài nguyên, điều kiện tự nhiên, vốn và con người. Đến những thập niên cuối thế kỷ, nhìn lại sự phát triển của thế giới, đặc biệt là từ các quốc gia đang phát triển, các tổ chức quốc tế đã khẳng định tiềm năng con người là nguồn lực chủ yếu; có báo cáo đã định lượng nguồn lực con người ít nhất chiếm hơn 60% nguồn lực phát triển của mỗi quốc gia. Chính vì lẽ đó mà bên cạnh chỉ số GDP (tổng sản phẩm trong nước), các tổ chức của Liên hợp quốc đã nêu lên chỉ số HDI (chỉ số phát triển con người); bên cạnh chỉ số GDP còn được đánh giá qua chỉ số về sức khỏe đo bằng tuổi thọ bình quân và chỉ số về giáo dục, đo bằng tỷ lệ biết chữ của người lớn và tỷ lệ trẻ em được đến trường học thể hiện sự quan tâm về

thu nhập, về sức khỏe và tri thức của con người. Đó là nhận thức mới của thế giới. Bước vào thế kỷ thứ XXI, Hội nghị thiên niên kỷ tháng 9/2000 có mặt 149 nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu của 180 nước trên thế giới, trong đó có nước ta, xác định những “mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ” đã nêu lên lộ trình của ít nhất tám mục tiêu liên quan tới sự phát triển con người. Nhưng xem ra người ta vẫn chưa thoả mãn với những gì nêu lên làm căn cứ để xếp hạng HDI, vì sức khỏe của nhân dân đâu chỉ có căn cứ tiêu chí tuổi thọ, về giáo dục đâu chỉ căn cứ trên tỷ lệ người biết chữ và tỷ lệ trẻ em cấp sách đến trường và còn nhiều vấn đề khác liên quan tới chất lượng cuộc sống con người. Tất cả còn ở trong các cuộc thảo luận, để bổ sung, hoàn chỉnh các chỉ số định hướng về phát triển con người, là vấn đề mà thế giới đang rất quan tâm.

*

* *

Bây giờ quay trở lại chuyện của nước ta.

Khi thiết kế chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ đổi mới, chúng ta rất quan tâm đến chỉ số GDP, vì đất nước

còn nghèo, kém phát triển, lâm vào khủng hoảng kinh tế. Lúc đó, có thể ít người biết đến hoặc quan tâm tới chỉ số HDI, nhưng vì mục tiêu phát triển phù hợp với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa, cho nên chúng ta luôn luôn quan tâm tới các vấn đề xã hội, còn nhấn mạnh: phát triển kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi, nêu lên một số chỉ tiêu về văn hoá, xã hội trong kế hoạch phát triển đất nước trong từng năm và 5 năm. Và theo đánh giá của các tổ chức thế giới, chỉ số phát triển HDI ở nước ta đã tăng tương đối nhanh và liên tục. Theo bảng điểm của tổ chức UNDP Liên hợp quốc thì 5 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, chỉ số HDI của nước ta tăng 0,021 điểm, đến thời kỳ 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII tăng 0,043 và thời kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII tăng 0,042. Tỷ lệ đói nghèo đã giảm, được coi là một trong những nước đang phát triển xoá đói giảm nghèo có hiệu quả nhất. Tuổi thọ của người Việt Nam tăng từ 65,2 tuổi năm 1995 lên 68,6 tuổi khi bước vào thế kỷ thứ XXI. Một nước còn nghèo và rất nghèo mà quy mô giáo dục tăng nhanh: Giáo dục mầm non năm học 2002 - 2003 so với năm học 1986 - 1987 đã tăng 46,1% số trường,

97% số lớp, 47,2% số giáo viên và 18,3% số trẻ; với sự so sánh tương ứng giáo dục phổ thông tăng 87% số trường, 53,5% số lớp; đã có 15 tỉnh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, cả nước có 344 trường phổ thông dân tộc nội trú... Chỉ số GDP tính theo sức mua tương đương năm 1995 là 1.276 USD đã tăng lên 2.100 USD trong năm 2003, từ thứ 8 khu vực, thứ 41 châu Á, thứ 147 thế giới, đã vươn lên thứ 7 khu vực, thứ 36 châu Á và thứ 130 thế giới. Chỉ số HDI của Việt Nam năm 1995 xếp thứ 7 trong khu vực, thứ 32 châu Á và thứ 122 trong số 175 nước trên thế giới, thì đã vươn lên thứ 6 khu vực, thứ 28 châu Á và thứ 109 thế giới. Nghĩa là chỉ số và xếp hạng về chỉ tiêu phát triển con người tăng cao hơn tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người gần ba chục bậc. Điều đó chứng tỏ sự phát triển kinh tế của nước ta trong thời kỳ đổi mới đã trong chừng mực nhất định gắn với vấn đề xã hội, như định hướng phát triển của Đảng và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, những chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước cũng có những định hướng mới. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng nêu chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2010 “đưa nước ta ra

khởi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”; “phấn đấu đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi năm 2000”, đồng thời “nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người của nước ta”, bảo đảm “chất lượng đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được cải thiện”. Nghĩa là, trong chiến lược phát triển, Đảng ta đã định hướng rõ rệt, tiếp cận chỉ số phát triển con người theo tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời nêu thêm những chỉ tiêu phát triển của một xã hội có bản chất hướng về con người.

*

* *

Chỉ số về phát triển con người, theo đánh giá của tổ chức Liên hợp quốc những năm đổi mới ở nước ta đã nâng lên rõ rệt. Đó là sự tiến bộ theo định hướng phát triển cần khẳng định. Nhưng như trên đã nói, bản thân chỉ số HDI mà Liên hợp quốc đưa ra cũng chưa chứa đựng đầy đủ những nội dung quan trọng liên

quan tới sự phát triển con người. Chẳng hạn, vấn đề sức khỏe không chỉ có chỉ tiêu tuổi thọ, mà còn chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là người già, phụ nữ, trẻ em; vấn đề giáo dục đâu chỉ có số người cấp sách đến trường và xoá mù chữ, mà quan trọng nhất là chất lượng giáo dục, cơ hội được tiếp nhận giáo dục của các tầng lớp nhân dân. Rồi vấn đề quan tâm đến con người là phải quan tâm đến mọi người, cho nên không chỉ có xoá đói giảm nghèo, mà còn cơ hội phát triển kinh tế, điều kiện chăm sóc sức khỏe, học lên cao của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, của chị em phụ nữ, của đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt là sự ổn định chính trị - xã hội, xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, môi trường tự nhiên phong phú... như văn kiện Đại hội Đảng đã khẳng định.

Nếu nhìn từ những quan điểm cơ bản đó, thể hiện trong văn kiện của Đảng và Nhà nước ta thì còn nhiều vấn đề xã hội phải giải quyết như nạn thất nghiệp, khoảng cách giàu nghèo quá xa, chất lượng giáo dục thấp, tệ nạn xã hội và văn hoá đồi trụy chưa bị đẩy lùi, môi trường tự nhiên suy thoái..., nạn tham nhũng, quan liêu chưa được ngăn chặn. Nghĩa là bên cạnh những việc làm được, vẫn còn nhiều vấn đề

văn hóa, xã hội bức xúc liên quan tới sự phát triển xã hội, tới chất lượng sống của con người phải giải quyết.

Ở một xuất phát điểm thấp, chúng ta phải phấn đấu tăng nhanh liên tục nhịp độ tăng trưởng kinh tế; đây là một mục tiêu phấn đấu rất quan trọng, để một quốc gia chậm phát triển, tạo ra điều kiện cơ bản phát triển con người, thực hiện toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Nhưng vấn đề cần quan tâm là phát triển đồng bộ kinh tế - văn hoá - xã hội để con người được sống trong sự giàu có và hạnh phúc. Con người, bên cạnh thu nhập, trong cuộc sống của mỗi người còn quan tâm tới khía cạnh được tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục tốt hơn, có chỗ ở tốt hơn, việc làm có ý nghĩa hơn, được hưởng thụ văn hoá lành mạnh, phong phú hơn, tham gia đầy đủ và tích cực hơn vào các hoạt động đối với cộng đồng trong một xã hội dân chủ và kỷ cương, với tư cách người làm chủ xã hội để có thể không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống. Tại hành lang kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XI, khi trao đổi ý kiến với các đại biểu Quốc hội về phương hướng phát triển năm 2004 và các năm tới của nhiệm kỳ Đại hội IX, đồng chí Tổng Bí thư

cũng nhấn mạnh nội dung rất cơ bản của sự phát triển nhanh chóng, hiệu quả, có chất lượng và bền vững, hướng tới con người. Vì đó là bản chất của xã hội ta, cũng là định hướng bản chất của phát triển ở nước ta hướng tới mùa xuân của con người - phát huy cao hơn nữa nguồn lực con người để phát triển và phát triển vì chất lượng cuộc sống con người.

Báo *Nhân Dân*, Tết Giáp Thân, 2004

CHIẾN TRƯỜNG XƯA VÀ LỚP TRẺ HÔM NAY

Thế là 36 năm sau, tôi mới có dịp quay trở lại chiến trường xưa.

Nhớ ngày phải khiêng cáng ra hậu phương chữa bệnh rồi hòa bình, thống nhất đất nước, tôi đã thề hứa: nhất định sau này phải quay lại nơi đây, đưa cả vợ con đến đây để chứng kiến những ngày chồng, cha họ chiến đấu gian khổ và nghe kể những kỳ tích của những chiến sĩ bảo vệ con đường cũng như tấm lòng của người dân vùng rừng núi này với cuộc kháng chiến. Lúc đó, tôi cũng chỉ là nhà báo thôi nhưng cũng đội mũ tai bèo, sống và chiến đấu với chiến sĩ, như người chiến sĩ thực thụ.

Cũng tưởng sau ngày hòa bình, thống nhất đất nước, công việc sẽ thư thả hơn; nào ngờ công việc lại bận tấp bực, cho đến mấy chục năm sau mới có dịp thăm lại nơi này.

Đi trên đường Hồ Chí Minh êm ro, nào Đồng Lê, Quy Đạt, Minh Cầm, Khe Núng, Khe Ve, Ca Tang...; tất cả đều là những kỷ niệm

xương máu một thời. Cả một vùng miền tây Quảng Bình tuy còn nhiều khó khăn nhưng cuộc sống đồng bào huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa đã khá hơn. Con đường mới mở, to đẹp, đường hoàng, bà con ùa ra xem đường, xem ô tô mà vui như đi hội.

Đường nhựa phẳng lỳ, rừng cây xanh lá. Tôi cố tìm chiếc hang trú bom ở Ca Tang, cố tìm cây số 21 trên đường 12A, nơi bom chôn vùi hàng chục đồng chí mình thì không thể tìm ra; hỏi thăm để viếng mộ anh hùng Nguyễn Viết Xuân như ngày nào đã viếng thì được biết gia đình đã chuyển về quê ở Ngũ Kiên, Vĩnh Phúc.

Đứng ở ngã ba Khe Ve nối Đông - Tây đường Hồ Chí Minh, đến Ca Tang, Khe Núng, nhớ tới chiếc khăn dù thêu dòng chữ “Ai về Khe Núng, Ca Tang, xe ta vẫn chạy, dò ngang vẫn chèo!”. “Về chèo”, “vẫn chèo” là ghê gớm lắm, vì đây là túi bom ác liệt nhất trên quãng đường này mà tôi đã từng sống vào những năm ác liệt nhất.

Đồng chí cán bộ giao thông dẫn tôi đi lúc đó còn đang đi học, cũng không biết chuyện gì vào năm tháng ấy. Thấp thoáng mấy em học sinh phổ thông theo thầy, theo lớp lên tham quan, cũng chắc không biết gì. Nghĩa là

những người dẫn đường, cùng đi cũng không ai biết gì, chỉ thấy tấm bia con ghi lại mấy chữ về cảnh ác liệt những năm 1966 - 1968 ở đây. Tôi chợt nghĩ: phải chăng nên phục hồi lại 500m hoặc một cây số đường ở đây nguyên trạng xơ xác, bị cây xói như trong thời gian chiến tranh, cả những cây cầu cho xe tăng qua vào tiền tuyến bằng gỗ cây rừng... để các bạn trẻ đến tham quan một di tích ngoài trời. Nếu không, các bạn trẻ đi trên đường mới thẳng ro, biết đâu có bạn lại hiểu lầm rằng: “Ông cha họ ngày xưa đi vào Nam chiến đấu thế này mà lại bảo là gian khổ, xương máu!”.

Báo *Sinh viên*, ngày 14/3/2004

LỜI CHÚC CỦA HAI BÀ MẸ

Ông bố, bà mẹ nào cũng mong cho con cái nên người, thành đạt. Trong những ngày đầu năm, ông bố, bà mẹ thường dành thời gian nghĩ về con cái trong nhà và lời chúc của ông bà trong ngày đầu năm.

Một bà mẹ chúc con “cầu được, ước thấy”; đây là lời chúc cao nhất trong ngày Tết, mượn tấm lòng tốt của ông Bụt, ông Tiên trong truyện cổ dành cho những đứa trẻ ngoan; cũng mong trong cuộc đời đứa con thân yêu có ý chí, có kiến thức thực hiện hoài bão, ước mơ tốt đẹp của mình. Một bà mẹ khác lại quan tâm giáo dục con cái từ thuở còn thơ với châm ngôn: “Không phải cái gì muốn cũng có ngay”; và trong cuộc sống, không phải đứa con đòi gì cũng cho mà chỉ đáp ứng những gì hợp lý. Xem ra lời cầu chúc và sự giáo dục của hai bà mẹ đối với đứa con thân yêu của mình có vẻ trái ngược, nhưng lại giống nhau.

Ai cũng mong cho đứa con của mình có ước mơ, hoài bão lớn. Đó có thể là ước mơ trở thành

người lao động lành nghề, nhà khoa học, văn hóa sáng tạo, nhà doanh nghiệp thành đạt, và có thể trở thành nhà lãnh đạo, quản lý tài năng. Đất trời rộng mở, không cấm của ai. Trong bài nói tại Đại hội sinh viên lần thứ VII, Tổng Bí thư đã đề cập sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đang mở ra những thời cơ mới cho các bạn trẻ lập thân, lập nghiệp, cống hiến nhiều hơn cho Tổ quốc.

Ai cũng mong cho con cái đạt tới những đỉnh vinh quang. Nhưng trải nghiệm cuộc đời, bà mẹ biết rằng: đường đời không chỉ có hoa thơm cỏ lạ, cuộc sống không chỉ có thành đạt mà còn vấp ngã. Dạy con “không phải cái gì muốn cũng có thể được” là đã nhấn mạnh những ước muốn hợp lý không trái luật pháp, không trái tình người. Dạy con “không phải cái gì muốn cũng có thể được ngay” là muốn con phải rèn luyện cho đủ sức mà vươn tới; và mỗi lần vấp ngã không nản lòng mà đứng dậy tiếp tục phấn đấu để thành đạt.

Bạn trẻ mang trong lòng lời chúc, lời răn của cả hai bà mẹ, vì cả hai đều là mẹ của mình, đều muốn nâng bước cho đưa con nên người!

Báo Sinh viên, ngày 17/3/2004

PHO TƯỢNG PHẬT “XUẤT KHẨU”

Tôi rất thích đồ cổ, nhưng trong nhà không có đồ cổ. Vì lẽ rất đơn giản là không có tiền để mua, và không dám xâm phạm vào các cửa quý quốc gia, mặc dù trong những năm tháng trước đây tôi có thể xin được.

Tôi không theo đạo nào và không phải nhà nghiên cứu về tôn giáo nhưng rất thích văn cảnh chùa và ngắm các tượng Phật. Trong các tượng Phật trong chùa, tôi rất thích tượng Phật Di Lặc. Theo các nhà nghiên cứu thì đó là ông Phật “vô lo”, thể hiện sự ấm no và vui sướng trong cái bụng to và nụ cười. Riêng tôi lại thích theo kiểu khác. Thấy các tượng Phật khác thì nghiêm nghị, không lộ cả niềm vui, mà ông thì cười thoải mái; các vị khác thì quần áo chỉnh tề còn ông thì áo quần xốc xếch. Xem ra ông tu đã thành phật mà vẫn giữ nếp sống đời thường. Thấy tôi thích Phật Di Lặc, một nhà thơ đã tặng tôi một bức tượng nhỏ bằng đồng, tôi giữ mãi làm kỷ niệm. Chẳng biết có phải đồ cổ không, nhưng thấy mẫu đồng cũ kỹ,

xanh mốc; nhưng tôi chẳng để ý về giá trị của bức tượng, chỉ thích thì giữ lại. Vả lại của bạn cho, cũng là một kỷ niệm phải giữ.

Thế rồi thấy tôi thích Phật Di Lặc, lại hay ra vẻ hiểu biết, phân tích về ông, cho nên một anh bạn công tác ở ngành thủ công mỹ nghệ biếu tôi một tượng Phật Di Lặc để bán ra thị trường và xuất khẩu. Tượng Phật bằng gỗ, to hơn rất nhiều pho tượng tôi có, lại đánh vécní bóng loáng. Vẫn chân đất, nụ cười quen thuộc, nhưng lại thấy một tay cầm một thỏi bạc, một tay cầm cái hốt. Ước muốn no đủ và hạnh phúc được thể hiện thành vàng bạc (qua đỉnh bạc) và địa vị (qua cái hốt của các vị quan lại trong triều đình phong kiến). Tôi thắc mắc, thì anh bạn nói: làm như thế thì mới bán được trong thời buổi kinh tế thị trường. Một số người thì thích pho tượng “xuất khẩu”, tôi thì thích pho tượng nhỏ mà anh bạn nhà thơ đã biếu, vì ước muốn no đủ, hạnh phúc thì tiền bạc và địa vị đâu đã đủ. Nhưng biết làm thế nào được! Vì đến tượng Đức Phật bây giờ cũng bị dung tục hóa, thực dụng hóa cho phù hợp với thời buổi này mà một số người chỉ coi trọng đồng tiền và địa vị. Nhưng chắc gì có tiền, có địa vị mà “vô lo”, mà cười thoải mái được!

Báo *Sinh viên*, ngày 21/4/2004

CÂY TÁO ĐÃ BẠN

Hình như, đã lâu tôi mới có dịp về thăm anh. Anh hoạt động trước tôi lại lớn tuổi hơn, nhưng vì công tác ở lĩnh vực có quan hệ với nhau cho nên quen nhau khá thân. Anh đã về hưu, còn tôi thì vẫn tiếp tục công tác. Cũng vì công việc quá bận rộn cho nên không có dịp về thăm anh, cho đến cuối năm đó, nhân dịp có đợt về công tác qua vùng quê anh, tôi mới nhờ anh lái xe rẽ vào để thăm anh bạn.

Vào cuối tháng chạp, tiết trời rét, lại lác rác mưa phùn, xe đỗ trên đường cái mới rải đá dăm, còn phải xuống dốc trơn để tới nhà anh ở một ngõ sâu hun hút. Đứng ở cổng cất tiếng gọi, anh ra gặp tôi mừng rỡ, dẫn tôi vào nhà tâm sự. Đây là căn nhà cũ ở quê, ba gian tường xây, lợp ngói, cũng vào loại nhà khá giả, trông ra khu vườn khá rộng, um tùm cây cối.

Nói chuyện vui với nhau, rồi anh lại buồn buồn. Anh nói rằng, từ độ về hưu đến nay ít bạn bè đến thăm. Ở vườn trước nhà, anh đã

chuẩn bị từ trước, trồng hai cây táo lai Gia Lộc, hẹn rằng: đến giáp tết, hái quả một cây đem ra chợ bán để thêm đồng ra đồng vào, còn một cây thì nhất định không bán, chỉ để biếu bạn đến chơi, ra về mỗi bạn mang về một túi gọi là quà quê. “Cây táo đãi bạn” không có bạn để đãi, nhưng đã có lời hẹn ước, nhất quyết anh không đem bán. Táo rụng đầy vườn, lại phải cất công nhặt vớt bỏ để khỏi chua đất. Buồn nhất là khi nhặt táo rụng, không phải vì tiếc mấy đồng tiền, mà vì nhớ bạn.

Tôi thông cảm với anh vì đã chứng kiến cái cảnh “tấp nập ra vào” khi anh đang tại chức. Anh ở thị xã nhưng cuối tuần thường về quê cách thị xã gần 20 cây số; dù ở quê, nhà ở ngõ sâu nhưng vẫn tấp nập người tới thăm, người trên tỉnh, trên huyện về, cả nhà đều vui; nồi chè xanh phải nổi lửa liên tục để tiếp khách. Từ chỗ đông vui như thế đến chỗ vắng vẻ hôm nay, làm cho anh không chỉ nhớ bạn mà ngẫm nghĩ sự đời, và để hiểu ra điều gì đó.

Tôi nói với anh: “Khi mình đương chức, người tới thăm mình có thể là bạn bè, cũng có thể là người đến quan hệ công tác, cũng có khi chẳng vì quan hệ công tác gì, nhưng đến thăm để kết giao, khi có việc thì nhờ vả chút đỉnh. Có phải ai đến nhà mình cũng đều là bạn bè cả đâu.

Cũng như tôi bây giờ đang làm việc, vào ngày nghỉ, ngày Tết, nhiều người cũng đến nhà chơi, và ngay từ bây giờ tôi cũng phải nghỉ sớm ra chuyện sau này, để khi đó đỡ hăng hụt!”. Nói thế, nhưng tôi cũng phải động viên: “Vả lại, bạn bè đang công tác có nhiều công việc tất bật ngày đêm, không có nhiều dịp tiện đường mà ghé thăm anh, cũng như trường hợp của tôi. Cho nên cũng cần thông cảm!”.

Nói như thế cũng là để cùng nhau hiểu thêm cuộc sống, nhưng thật ra cũng chưa nói hết. Không phải bạn về hưu nào của tôi cũng vắng vẻ bạn bè như anh, có thể thiếu vắng bạn bè thuở công tác với những lý do như tôi vừa nói, nhưng lại có thêm những bạn mới ở xã, ở phường, nhà cửa vẫn tấp nập. Còn nhớ khi còn công tác, tôi cũng đã nghe mấy người nói về anh: “Cha đó chỉ thấy công việc, mặt vênh váo, hay ra lệnh, không đến chơi nhà ai, mất hết bạn bè”. Còn bây giờ về nhà, lại không muốn làm quen với bạn mới, cho nên mới sống cô độc như vậy. Vả lại, sau khi nghỉ hưu, thì lấy việc vui với đàn cháu, con, chăm sóc vườn tược, chăm nom việc nhà lại có thêm niềm vui mới đời thường, như nhiều bạn tôi đã đến thăm. Đã mấy năm rồi mà anh chưa hoà nhập với cuộc sống mới.

Đúng vào dịp táo chín, chia tay ra về, anh lại ra cây bứt quả bỏ vào túi đưa cho tôi mang về làm quà cho các cháu. Anh hái quả ở “cây táo đái bạn”, và xem ra còn nhiều quả lắm, chắc cũng không thể biếu bạn cho hết!

HỌC CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Đảng ta xác định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho các hoạt động cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta. Nhưng hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung gì và thực hiện như thế nào? Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu lên những nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Các sách giới thiệu tư tưởng Hồ Chí Minh dày mấy trăm trang; còn tác phẩm của Mác và Lênin được dịch in ra mấy chục quyển sách dày. Có những cán bộ tìm cách giới thiệu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh khá sâu sắc và hấp dẫn; bên cạnh các đồng chí hoạt động lâu năm đã có nhiều bạn trẻ có

công học tập, sưu tầm, giới thiệu tư tưởng của Người.

Đối với Bác Hồ, Các Mác, Lênin và những “Vị cách mạng đàn anh khác” đều là “người hiền” ở thế giới bên kia mà trong *Di chúc* Người nói khi từ biệt thế giới này Người sẽ “đi gặp”. Nhưng ai cũng thấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có những nội dung sâu sắc không phải đọc, học một lần đã thấu hiểu. Và lại các triết lý đó không phải là những triết lý kinh viện mà là triết lý khơi dậy sức sáng tạo, triết lý hành động, và chỉ hiểu được một cách sâu sắc trong cuộc sống.

Hơn một năm trước ngày Bác Hồ từ biệt chúng ta và công bố bản *Di chúc* lịch sử, tháng 6/1968, Bác Hồ có buổi làm việc với cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng. Có lẽ vì làm việc với cán bộ Tuyên huấn cho nên Bác mở đầu: “Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên: Bác nói gì, các chú cũng cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa”¹. Bác hỏi: “Các chú có làm cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.661.

mọi người hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là thế nào không?”. Đây không phải là lần đầu tiên Người nêu lên vấn đề này. Ngày 19/7/1951, sau Đại hội lần thứ II của Đảng, trên báo *Nhân Dân*, Người đã viết: “Có một số đồng chí không chịu nghiên cứu *kinh nghiệm* thực tế của cách mạng Việt Nam. Họ không hiểu rằng: Chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh. Vì vậy, họ chỉ học thuộc ít câu của Mác - Lênin, để lèo người ta”¹. Thật sự đây là vấn đề rất khó, ngay cả đối với cán bộ có trách nhiệm làm việc này cho nên Người nói rõ thêm: “Theo Bác, hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin tức là cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ. Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác”².

Bác Hồ lại hỏi: Các chú có biết nhân dân ta sống với nhau như thế nào không? Một đồng chí trả lời: Thưa Bác, nhân dân ta có câu “tối lửa tắt đèn có nhau”. Bác nói: “Đúng là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.120.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.668.

như vậy! Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn... Mấy chục năm nay, nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa”¹. Hiểu và làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin là hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; là giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với nhau, thật sự là những điều hết sức mới mẻ. Nghĩa là phải xuất phát từ nhiệm vụ cách mạng của dân tộc, đạo lý dân tộc mà hiểu và làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bác Hồ nhấn mạnh, hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin phải thông qua hành động cụ thể, chứ không phải qua lời nói. Và phải là những người có nhân cách xứng đáng mới có thể truyền thụ được những tư tưởng cao cả. Có lần nói chuyện với cán bộ, Bác Hồ nhắc nhở: “Muốn giữ gìn sự trong sáng chủ nghĩa Mác - Lênin thì trước hết tự mình phải trong sáng”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.668-669.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.468.

Trên đây là Bác Hồ nói về học tập chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay học tập, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện *Di chúc* của Người cũng nên hiểu và làm theo cách dạy của Người.

Báo *Nhân Dân*, ngày 01/8/2004

“NÓI THÌ PHẢI LÀM”

Ngay từ năm 1927, trên trang nhất cuốn *Đường cách mệnh*, cuốn sách nhập môn của những người cách mạng mà theo một số hồi ký của các đồng chí lão thành, là bài giảng của Bác Hồ cho lớp huấn luyện lớp thanh niên hoạt động cách mạng đầu tiên của nước ta, có một mục là “Tư cách người cách mạng”. Trong 23 điều của tư cách người cách mạng thì ở điều thứ 10, ghi rõ: “*Nói thì phải làm*”.

“Nói đi đôi với làm” là một nội dung đạo đức truyền thống của dân tộc, là một tiêu chuẩn để trở thành người trung thực, một người đáng tin cậy. Kế thừa truyền thống đạo đức của dân tộc, Bác Hồ đã nêu lên thành một nội dung của tư cách người cách mạng, để người cách mạng trở thành người tin cậy của đồng chí và đồng bào.

“Nói đi đôi với làm” đối lập với “nói mà không làm” của những người hay hứa suông, hoặc “nói một đằng làm một nẻo” của những kẻ cơ hội, không đáng tin cậy.

*

* *

Cán bộ, đảng viên từ nhân dân mà ra, nhưng lại có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Muốn hướng dẫn nhân dân thì phải có tài, có đức, được nhân dân tin yêu, mến phục. Bác Hồ cũng đã dạy: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹. Người cán bộ, đảng viên chỉ có nói được, làm được mới được nhân dân tin yêu và đi theo. Do đó, “nói đi đôi với làm”, không chỉ là một nội dung của đạo đức thông thường, mà đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải *làm gương trong thực tiễn “nói đi đôi với làm” để làm tròn trách nhiệm của mình.*

Bác Hồ dạy cán bộ, đảng viên “nói thì phải làm”, đồng thời trong cuộc sống của Người luôn luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng và hoạt động thực tiễn, giữa nói và làm.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.16.

Người khuyên cán bộ phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thì cuộc đời của Người, vị lãnh tụ của Đảng và dân tộc là tấm gương sáng về đức tính đó.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp rất gian khổ, Người hô hào nhân dân lập hũ gạo nuôi quân, thì chính trong các bữa ăn của vị Chủ tịch nước, người nghiêm túc thực hiện nhịn ăn mỗi tuần một bữa để dành gạo nuôi quân.

Người hô hào nhân dân thực hiện “Tết trồng cây” để lấy gỗ làm nhà và cải thiện môi trường, thì hàng năm, cho đến Tết cuối cùng trước khi về thế giới bên kia, Người tham gia đều đặn 10 Tết trồng cây, không thiếu buổi nào.

Người hô hào nhân dân chống hạn, úng, thì chính Người trực tiếp tham gia cùng nhân dân tát nước chống hạn ở Hà Đông và chống lụt ở Hải Dương, v.v..

Trong dịp kỷ niệm 113 năm Ngày sinh của Người và phát động đợt nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí Tổng Bí thư đã phát biểu: “Là những người tiên phong, những người giữ vai trò lãnh đạo, cho nên lời nói, đặc biệt là việc làm của cán bộ, đảng viên, công chức luôn được nhân dân theo dõi, coi là

khuôn mẫu... Nếu cán bộ, đảng viên, công chức kêu gọi nhân dân cần, kiệm mà mình lười biếng, sống xa xỉ, lãng phí thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích”.

Tám gương nói đi đôi với làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho lời khuyên bảo, dạy dỗ của Người có sức mạnh rất lớn trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên; đó cũng là một đặc điểm nổi bật trong đạo đức Hồ Chí Minh.

*

* *

Nói đi đôi với làm nhưng là làm có hiệu quả, vì lợi ích của nhân dân, cũng là một nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính vì lẽ đó, Người không những khuyên bảo cán bộ nâng cao ý chí phấn đấu, mà còn phải ra sức học tập chính trị, văn hóa, kỹ thuật, nghề nghiệp. Người khuyên, học ở mọi nơi, mọi lúc, học ở mọi người, học suốt đời, “học để làm việc, làm người, làm cán bộ”. Vì có học thức thì việc làm mới có hiệu quả.

Muốn nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả thì cùng với tấm lòng trung thực, còn phải kết hợp giữa chủ trương, biện pháp đúng đắn và đầy đủ với ý chí phấn đấu, không chỉ

động ở lời nói, chủ trương. Do đó, người dạy “chủ trương 1, biện pháp 10, quyết tâm 20”, nghĩa là chủ trương đúng là rất quan trọng nhưng chưa đủ, phải có những biện pháp cụ thể và quyết tâm tổ chức thực hiện để nói và làm có hiệu quả. Vì từ lời nói tới việc làm bao giờ cũng phải trải qua những chặng đường gian nan, không có quyết tâm cao tổ chức thực hiện thì không thể biến chủ trương đúng thành hiện thực.

Tạp chí Xây dựng Đảng, số 5, 2004

TÂM SỰ MỘT TRÍ THỨC

Sau Đại hội lần thứ IX của Đảng, vì tuổi đã cao tôi không tham gia Ban Chấp hành Trung ương và thôi các trách nhiệm quản lý, thì bạn bè, người quen lại đến chơi khá đông, trong đó bất ngờ nhất là Luật sư Dương Văn Đàm. Tôi biết bác là một trí thức lớn, đỗ Tiến sĩ luật tại Pháp, nghe nói học cùng thời với các Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Mạnh Tường... Tôi cũng là người hay làm bạn với các bạn trí thức, chủ yếu là nhờ họ tham vấn cho những vấn đề mà người làm báo cần phải biết để viết bài cho đúng. Chúng tôi là lớp “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu”, tuy là học sinh Trường Bưởi nhưng thoát ly gia đình tham gia kháng chiến từ năm 14 tuổi, cho nên học hành dỏ dang, những gì có được đều qua học các lớp bồi dưỡng, hàm thụ và đọc sách, cho nên có nhiều lỗ hổng trong kiến thức. Nhưng suốt cuộc đời làm báo, được giao viết bài ở mảng nông nghiệp, kinh tế, cho nên làm quen với nhiều trí thức trong lĩnh vực này. Do đó, tuy biết bác Đàm

là một trí thức nổi tiếng nhưng cũng chỉ quen bác qua một vài hội nghị, hội thảo. Cũng thú thật là lúc đó, luật là lĩnh vực chưa được quan tâm; cho đến khi bác Đàm là Trưởng phòng Thương mại và Công nghiệp thì lĩnh vực quan hệ đối ngoại về kinh tế, xuất nhập khẩu cũng không phải là lĩnh vực tôi theo dõi. Nói dài dòng như thế để chứng tỏ tôi biết bác, nhưng chưa phải là người quen thân, cho nên việc đến thăm tôi là sự bất ngờ đối với tôi cũng như với cả gia đình tôi.

Đi vào nhà tôi, dù có ô tô thì cũng phải đỗ ở ngoài ngõ, đi bộ vào hơn 100m. Năm đó, bác đã 87 tuổi, đi lại phải chống gậy, cho nên mỗi lần bác đến thăm, tôi thường rất ái ngại; khi bác đến thì tôi không biết vì không được báo trước, nhưng khi bác ra về thì tôi phải dìu bác ra tới chỗ ô tô đỗ ở cổng. Còn nhớ, buổi đầu bác đến thăm tôi, hình như vào tháng 8/2001 thì phải, tôi ra mở cổng đỡ bác vào nhà. Ngồi trên ghế, nhấm nháp nước chè, bác nói ngay: “*Moa* biết *toa* từ lâu, vì luôn luôn được đọc bài của *toa* thấy có nhiều điều hợp ý nhau. Nhưng khi *toa* còn giữ trọng trách thì *moa* không đến; đến lại tưởng cầu cạnh chuyện gì. Cái tính *moa* là thế!”. Tôi hiểu, đó cũng là cái tính khí khái của nhiều bạn trí thức nổi tiếng có nhân cách.

Muốn gặp các bác ấy thì phải đến nhà chứ đừng bao giờ mong các bác, các anh đó tới chơi, như trường hợp các anh Lương Đình Cửa, Bùi Huy Đáp, Dương Hồng Hiên, Đào Thế Tuấn, Trần Văn Hà, Nguyễn Vy... là những trí thức tôi quen khá thân.

Bác Đàm thường đến bàn bạc những vấn đề tôi nêu lên trong các bài báo, có bài vừa đăng đầu tuần thì cuối tuần bác đã tới nhà tôi tham gia bình luận, có khen, có chê, có chỗ chưa vừa ý... Tôi cũng “lợi dụng” những cuộc gặp mặt để hỏi bác những vấn đề xã hội liên quan tới luật pháp, để viết cho trúng. Chẳng hạn như trường hợp một vụ nhận hối lộ, người đưa hối lộ một lúc đưa ba phong bì cho ba người, người lái xe đã nhận lỗi, người thư ký cũng nhận lỗi, nhưng ông “thủ trưởng” thì chối bay, chối biến, thế thì làm sao quy tội được ông “thủ trưởng” kia? Bác Đàm đã trả lời tôi: “Rất buồn, không làm được anh Thọ ơi. Nếu có 100 người làm chứng cũng không quy tội được nó, bởi vì luật pháp có trách nhiệm bảo vệ người yếu thế. Nhỡ có trường hợp 100 người chung sức để hại một người thì sao? Cho nên trọng “chứng” hơn trọng “cung” là thế!”. Tôi không nghĩ lời bác nói là hoàn toàn đúng với luật pháp hiện hành của ta, nhưng câu trả lời của bác làm

cho tôi thận trọng hơn khi viết bài, tuy nhiên trong lòng vẫn ám ức về những điều kiện để vạch mặt bọn tham nhũng.

Mọi chuyện cứ dần dần như thế, bắt đầu từ công việc rồi đến tâm tình, đời sống, riêng tư khi đã thân nhau. Còn nhớ, có lẽ là vào lần cuối cùng khi bác đến thăm tôi, năm 2003, bác kể lại cuộc đời theo cách mạng, theo kháng chiến, từ bỏ cuộc đời vinh hoa nơi đô hội để lên rừng núi ăn sắn, ăn măng theo kháng chiến, cho tới ngày nay. Bác nói: “Tôi là con quan Tổng đốc vào hàng Thượng thư, lại là người theo Thiên Chúa giáo. Nhưng Bác Hồ cho ở gần Bác, giúp việc Bác về luật pháp, có bữa được cùng ăn cơm với Bác. Chúng tôi theo kháng chiến vì lý tưởng bảo vệ nền độc lập dân tộc, cũng vì tấm lòng của Bác Hồ, một người hết lòng vì nước, vì dân, sống bao dung, khiêm tốn và tin cậy người giúp việc. Lý tưởng cảm hoá chúng tôi, tấm gương và tấm lòng của Bác Hồ cảm hoá lớp trí thức trẻ chúng tôi”. Ông nhớ cho rằng, người xưa đã nói: “Kẻ sĩ có thể chết vì người tri kỷ!”. Bác Đàm nói đến đó rồi không nói nữa, ngồi trầm ngâm bên chén nước cho đến lúc ra về.

... Tôi không có ý định, và cũng không có điều kiện để viết chân dung Luật sư

Dương Văn Đàm. Chỉ ghi lại mấy kỷ niệm trong những năm cuối cùng gặp bác, vì nó gợi ý cho tôi rất nhiều điều khi ngẫm nghĩ sự đời trong ngày đầu xuân, khi người ta hay nói tới “văn hoá chính trị” của người cầm quyền và cơ quan công quyền.

Báo *Khoa học và Đời sống*, Ất Dậu, 2005

ĐẦU NĂM BÀN CHỮ DÂN

Sáng mồng một Tết năm nào tôi cũng xuất hành đến chúc Tết các thầy giáo của tôi, những đồng chí gắn bó với nhau trong hai cuộc kháng chiến và những người đã giúp đỡ tôi trong công tác đang sống ở Hà Nội, thường là hết cả buổi sáng, rồi buổi chiều mới chúc Tết láng giềng trong khu phố.

Với anh Đỗ Mười, lúc đó là Tổng Bí thư nhưng không vì chức vụ đó mà vì anh là người đã từng là thủ trưởng của chúng tôi trong kháng chiến gian khổ ở Khu Tả ngạn, trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Hai gia đình lại thân nhau như người nhà, cho nên sáng mồng một Tết năm nào tôi cũng đến nhà riêng chúc sức khỏe anh và gia đình.

Thông thường thì sáng mồng một Tết anh thường ăn mặc chỉnh tề để tiếp khách thân, rồi sau đó cũng đi chúc Tết các nhà, cho nên đến nơi thường anh đã sẵn sàng quần áo chỉnh tề. Biết như vậy cho nên chúng tôi thường chúc Tết, hỏi thăm thăm ba câu chuyện, ăn mấy

miếng mứt đầu năm, rồi chia tay để khỏi làm phiền anh. Nhưng tính anh thường gặp chuyện, gặp người thì say sưa trao đổi, không dứt ra được.

Tết đầu năm 1996, theo thông lệ tôi đến thăm anh, trong không khí vui mừng vì đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đã 8 giờ sáng rồi mà chưa thấy anh ngồi ở phòng khách. Khi thấy chúng tôi đến, anh ở trên gác xuống, nhưng đầu năm lại cầm quyển sách dày. Tôi biết tính anh hay đọc sách, thường dậy sớm để đọc sách, nhưng mang sách xuống phòng khách để làm gì, tuy vậy tôi cũng không dám hỏi.

Tôi chúc Tết anh và gia đình, anh cảm ơn, nhưng anh lại chuyển sang câu chuyện khác. Anh kể rằng: Sáng hôm qua, ba mươi Tết anh đến thăm Quốc Tử Giám, thấy một số người đến xin chữ cụ Lê Xuân Hoà, một nhà thư pháp nổi tiếng, anh cũng rẽ vào xin chữ. Anh cũng định xếp hàng theo thứ tự, nhưng mọi người và cụ Lê Xuân Hoà nhận ra anh, cho nên nhường cho anh lên trước. Và lại mọi người cũng tò mò muốn xem Tổng Bí thư đến xin chữ như thế nào và cụ Lê Xuân Hoà cho Tổng Bí thư chữ gì để treo trong nhà đầu năm. Cũng theo thông lệ,

cụ Lê Xuân Hoà hỏi anh: “Thưa cụ, mong ước đầu năm của cụ là gì?”. Anh nói: “Tôi chỉ muốn dân giàu, nước mạnh!”. Thế là cụ Lê Xuân Hoà dỡ tay áo, chấm mực, vê bút rồi hạ tay viết. Viết xong cụ kính cẩn nói: “Xin kính cụ mấy chữ *“Quốc phú, dân cường”*, chúc ước vọng của cụ thành đạt”. Dỡ tờ giấy trên tay, anh thưa lại: “Tôi muốn dân giàu, nước mạnh”, sao cụ lại cho chữ “Nước giàu, dân mạnh”? Cụ Hoà lại nói: “Tôi theo ước vọng của người xin chữ nhưng lại cho chữ thánh hiền. Chữ này là chữ của Nguyễn Trãi”. Anh cảm ơn cụ, cầm tờ giấy trên tay nhưng lòng vẫn thấy thắc mắc. Thì ra đêm giao thừa, anh ngồi đọc sách, và sáng mồng một Tết thấy nhà báo là tôi đến, anh cầm cả quyển sách xuống gặp. Anh kể với tôi chuyện sáng Ba mươi Tết rồi nói: “Thọ ạ, đúng là chữ của Nguyễn Trãi”, nhưng cụ Nguyễn Trãi đặt *nước* lên trên, nhưng ta lại đặt *dân* lên trên, thế thì có gì khác nhau. “Nguyễn Trãi đúng hay ta đúng?”. Anh đưa cho tôi cuốn sách gạch chỉ chút mực đỏ.

Tôi làm nghề báo chuyên đi phỏng vấn, đầu năm lại bị phỏng vấn bất ngờ. Không trả lời được thì sẽ “súi” cả năm. Tôi buột miệng thưa với anh: “Thời Nguyễn Trãi dâng kế sách bình Ngô thì phải đặt *nước* lên trên, như trong

kháng chiến ta nêu khẩu hiệu: “Tất cả để chiến thắng!”. Còn bây giờ hoà bình, thống nhất rồi thì phải đặt *dân* lên trên. Nguyễn Trãi đúng và ta cũng đúng”. Tôi nhanh trí trả lời anh như vậy. Tưởng rằng trả lời thanh thoát, nhưng anh vẫn chưa chịu, nói: “Đây là “*Quốc phú*”, tức là nước giàu cơ mà! Mà Nguyễn Trãi viết sau khi đã chiến thắng xâm lược!”. Đến đây thì tôi lúng túng, khó mà trả lời gầy gọn, thẳng băng. Anh em lại ngồi bàn luận với nhau.

Đúng là đất nước đã có hoà bình, độc lập, thống nhất, đã thắng “hai đế quốc to” nhưng còn nghèo, quá nghèo. Mà trong thời buổi này, nước nghèo thì chắc rằng dân cũng nghèo. Trong thời buổi hiện nay, nước nghèo thì không thể mạnh được, đi ra nước ngoài giao dịch dễ bị coi khinh, bị bắt nạt, cho nên mới phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho đất nước “sánh vai cùng bè bạn năm châu” như lòng mong muốn của Bác Hồ.

Nhưng xét cho cùng thì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” (lúc này chưa có từ dân chủ) là một thể thống nhất. Nhưng đặt *dân* lên trên cũng là tư tưởng của Nguyễn Trãi, khi cụ dẫn lại câu nói của người xưa: “Chở thuyền cũng là dân,

lật thuyền cũng là dân”. “Cho dù có muốn nước giàu thì dân cũng phải mạnh, giàu”. Xem ra bàn luận tới đây tuy đã hiểu thêm ra, nhưng chưa thể hoàn toàn làm hài lòng anh. Nhưng dù sao thì khách đã tới, tôi cũng phải đứng dậy nhường chỗ.

Đến bây giờ, tôi vẫn nhớ mãi ngày đầu năm đó, bàn về chữ *dân* để thấy sức mạnh to lớn có ý nghĩa quyết định là ở dân.

Tạp chí Văn hoá Doanh nhân, tháng 01/2005

CÔNG VIỆC ĐẦU TIÊN VÀ TRƯỚC HẾT

Đầu năm, đặc biệt là những ngày đầu năm âm lịch bắt đầu từ Tết cổ truyền, theo phong tục, dân ta rất coi trọng những việc làm đầu tiên. Xuất hành, chọn hướng đi đúng cho cả năm thuận lợi, mau tới đích. Khai bút, chọn ngày mở đầu việc học hành và sáng tác, khai thông trí tuệ và sức sáng tạo. Hạ điền, ngày làm công việc nhà nông đầu tiên cần trọng cho mùa màng thuận lợi. Với tôi, thuở còn đi học, bố mẹ cũng chọn ngày khai bút. Khi bắt đầu vào nghề viết lách từ gần 50 năm nay, cũng tính ngày khai bút mở đầu một ngày lao động mới với đề tài tâm huyết cả năm.

Mở đầu năm Ất Dậu này, chúng ta vừa kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng và chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 115 Ngày sinh Bác Hồ. Cũng vừa kỷ niệm 35 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại nhớ trong những việc dặn lại của Bác, những điều Bác quan tâm “trước hết” và “đầu tiên”. Bác Hồ đã

viết *Di chúc* trong 5 năm, khởi đầu từ năm Người 75 tuổi cho tới bản sửa chữa cuối cùng năm thứ 5 cách gần bốn tháng trước lúc Người đi xa. Phải đến dịp kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Bác Hồ chúng tôi mới được biết các bản thảo và những sửa chữa, bổ sung trong từng năm của bản *Di chúc* lịch sử đó, để hiểu thêm những suy tư cuối cùng của Người trong 5 năm cuối đời. Khởi đầu, tháng 5/1975 và xuyên suốt trong các năm sau, Bác “Trước hết nói về Đảng”. Ba năm sau, trong bản viết tay, trước lúc đi xa một năm, Bác dặn thêm: “Đầu tiên là công việc với con người”.

Trong bản thảo bổ sung *Di chúc*, từ *con người* được Bác gạch chân bằng mực đỏ, chúng tôi điều Bác nhấn mạnh, muốn con cháu phải đặc biệt quan tâm. Đó cũng là suy nghĩ và mục tiêu hoạt động suốt đời của Bác. “Chữ người nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người” như Bác đã giải thích từ năm 1949.

Với công việc đầu tiên đó, Bác dặn Đảng, Chính phủ phải quan tâm tôn vinh các liệt sĩ, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, từ nơi ăn, chốn ở, dạy nghề cho những cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...

là những người đã dũng cảm hy sinh cho công cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Bác dặn phải bồi dưỡng các chiến sĩ trẻ sau khi thắng lợi, những người đã được rèn luyện trong chiến đấu, chọn những người ưu tú cho đi học, đào tạo trở thành những cán bộ, công nhân kỹ thuật giỏi, có tư tưởng tốt, lập trường vững vàng, để trở thành đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là những công việc “đền ơn đáp nghĩa”, phát huy truyền thống vẻ vang theo đạo lý dân tộc và truyền thống cách mạng.

Bác dặn lại kỹ càng, tỉ mỉ việc chăm sóc, bồi dưỡng từng giai cấp, tầng lớp, các giới đồng bào, đặc biệt với thanh niên là lớp người kế nghiệp. Với những người mắc tệ nạn, Bác dặn phải vừa giáo dục vừa dùng pháp luật cải tạo để giúp họ trở thành những người lao động lương thiện.

Những lời dặn đó in đậm chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, một người suốt đời cống hiến cho dân tộc, cho con người; trước lúc đi xa vẫn dặn dò phải luôn luôn nghĩ tới nhân dân, không thiếu một ai, kể cả những người lầm đường, phạm tội cũng cố gắng khơi dậy phần “chính”, phần “thiện”, đẩy lui phần “tà”,

phần “ác” để họ trở thành người lương thiện, có ích cho đời.

Trong hồi ký *Con đường theo Bác* của đồng chí Hoàng Quốc Việt, một người học trò của Người, đồng chí đã phân tích sâu sắc tư tưởng vì con người, vì nhân dân của Bác. Đồng chí viết: “Học Bác về lòng yêu nước, thương dân, Bác yêu từ mỗi con người để yêu cả loài người. Và khi yêu cả loài người, Bác không quên mỗi con người. Bác là ngọn cờ đại nghĩa và đoàn kết toàn dân tộc”.

Lời dạy dỗ của Bác Hồ về con người, về nhân dân, sẽ còn in sâu mãi mãi trong lòng mỗi cán bộ, đảng viên.

Người ta thường hiểu rằng: “đầu tiên” là xếp hàng đầu trong thứ tự các công việc; còn “trước hết” là công việc vượt lên trên các thứ tự xếp đặt. Muốn làm được “công việc đầu tiên” đó, phải quan tâm đến Đảng, đến xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, cho nên trong *Di chúc*, từ khởi thảo ban đầu, Bác đã “trước hết nói về Đảng”.

Là Đảng cầm quyền thì có trách nhiệm với toàn xã hội, cho nên Bác đã dặn: Đảng và Chính phủ phải có trách nhiệm không ngừng chăm lo đời sống mọi mặt của nhân dân. Ngay từ khi mới có chính quyền, Bác đã nói

về trách nhiệm mới của Đảng và Nhà nước: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi. Nếu dân đói, rét, đói, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”. Trước lúc đi xa, Người dặn lại: “Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Lời dặn đó là sự tiếp tục tư tưởng của Người về xây dựng hạnh phúc cho toàn dân, vì “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng nghĩa lý gì”.

Chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là mối quan tâm hàng đầu của Bác. Từ những bài huấn luyện cán bộ đầu tiên năm 1927, về Tư cách người cách mạng, cho tới bản *Di chúc* sau đó 50 năm, Bác đều nhắc tới truyền thống quý báu đoàn kết của Đảng, về thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên đấu tranh tự phê bình và phê bình, “mỗi đảng viên và cán bộ phải *thật sự* thấm nhuần đạo đức cách mạng, *thật sự* cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta *thật* trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ *thật trung thành* của

nhân dân”; đặc biệt phải ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu xa dân và tệ tham nhũng, lãng phí mà Bác gọi là giặc “nội xâm”. Công chức không phải là “quan phụ mẫu” mà là “công bộc” của dân; dân không phải là “thần dân” chỉ biết cúi đầu vâng mệnh mà là công dân. Những quan niệm hoàn toàn mới mẻ đó phải thấm nhuần trong bộ máy lãnh đạo của Đảng về bộ máy nhà nước. “Thật”, “thật sự”, nghĩa là không chỉ tuyên bố, nêu chủ trương, mà phải nói đi đôi với làm, hết lòng hết sức vì nước, vì dân. Chỉ có một Đảng như thế mới có thể thực hiện được những “công việc đầu tiên” đối với con người mà Bác Hồ đã dặn lại, mới có thể thực hiện được điều mong ước cuối cùng của Người là “Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Mở đầu xuân mới năm Ất Dậu - 2005, đọc lại và khai bút về những điều tâm đắc từ lời dặn dò của Bác Hồ trong *Di chúc*, suy ngẫm về những điều Bác dặn phải làm “đầu tiên” và “trước hết”. Đó là những lời dặn dò cho hôm nay và mai sau.

Báo *Nhân Dân*, Xuân Ất Dậu, 2005

“NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY”*

Sống ở trên đời, để lại dấu ấn của mình trong sự chuyển động của xã hội thì ai cũng muốn nhưng lại không dễ dàng. Gần 70 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đảng giao phó nhiều trọng trách, hoạt động trong nhiều vùng, ở nhiều địa phương, trong đó hơn một nửa đời hoạt động cách mạng gắn bó máu thịt với miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Nguyễn Văn Linh là “Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, “một người lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, nhân dân và quân đội ta, người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế”. Trong thời kỳ đổi mới, đồng chí đã “có những đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc thiết kế đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và

* Tham luận tại Hội thảo 90 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Linh, năm 2005.

Nhà nước”, và trong nhiệm kỳ Đại hội VI, với tư cách Tổng Bí thư, đồng chí đã “cùng tập thể lãnh đạo nhảy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng”.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất phong phú; đóng góp của đồng chí với cách mạng nước ta là to lớn; cuộc sống và chiến đấu của đồng chí đã nêu tấm gương sáng trên nhiều mặt. Chúng tôi là lớp hậu sinh, hoạt động cách mạng sau và khác chiến trường, cho nên chỉ viết lại những gì mà mình biết, tạo ra ấn tượng rất sâu sắc đối với chúng tôi, những người viết báo.

*

* *

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), bắt đầu chỉ đạo triển khai thực hiện công cuộc đổi mới được xác định từ Đại hội lần thứ VI

của Đảng. Sự đóng góp của đồng chí trong những năm giữ trách nhiệm người lãnh đạo cao nhất trên nhiều mặt nhưng trong giới báo chí và cả xã hội lúc đó và đến nay đều ghi nhớ như một sự kiện lịch sử của báo chí, của đấu tranh chống tiêu cực, của công tác xây dựng Đảng, chuyên mục *Những việc cần làm ngay* và câu *Im lặng đáng sợ* được đăng công khai trên báo *Nhân dân*, cơ quan Trung ương của Đảng. Chung quanh việc làm này, tôi có may mắn là một nhân chứng.

Lúc đó, tôi công tác ở báo *Nhân Dân*. Theo sự phân công, mỗi buổi tối, một đồng chí lãnh đạo báo thường trực, có trách nhiệm giải quyết mọi thông tin từ 18h00 cho tới 23h30 phút là thời gian cuối cùng kết thúc nguồn tin, vì báo lúc đó còn in theo phương pháp cũ, phải xếp chữ, đúc phong, đổ chì, cho nên không thể kéo dài hơn, để kịp giờ phát hành báo vào 5 giờ sáng. Tối và đêm ngày 24/5/1987 là phiên tôi trực Ban Biên tập. Vào khoảng 17h30 khi mọi người đã rời cơ quan về nhà, tòa soạn chỉ còn tôi và các đồng chí trong Ban Thư ký trực buổi đó thì đồng chí Viên, thường trực cơ quan ở cổng 71 phố Hàng Trống đưa vào một phong thư, nói là của một người đứng tuổi, đi ô tô Lada màu sữa đến đưa một phong bì

gửi Ban Biên tập. Phong bì không đóng dấu hỏa tốc nhưng của Văn phòng Trung ương Đảng cho nên tôi phải mở ngay. Trong phong bì có thư và một bài báo viết tay (bản gốc còn lưu trữ tại báo). Bức thư ký tên Nguyễn Văn Linh, nói rõ “gửi một bài báo, nếu Ban Biên tập thấy được thì đăng”. Bài báo có đầu đề *Những việc cần làm ngay*, ký tên N.V.L. Tôi vội đi qua sân, chạy ra chỗ thường trực hỏi đồng chí Viên thì đồng chí mô tả một người cao cao, xương xương, nói giọng miền Bắc, đi theo có một đồng chí nói giọng Nam Bộ, đi xe Lada màu sữa. Vì tôi được Ban Biên tập phân công là đặc phái viên của báo bên cạnh Tổng Bí thư, có dịp làm việc với đồng chí, cho nên tôi nghĩ là chính đồng chí Tổng Bí thư đưa bài tới báo, vì trong Bộ Chính trị lúc đó chỉ có đồng chí không đi xe Vonga theo tiêu chuẩn, mà đi xe Lada, theo tiêu chuẩn cho Thứ trưởng, Phó ban của Đảng. Người nói tiếng Nam Bộ, có thể là đồng chí bác sĩ hoặc đồng chí bảo vệ, người Nam Bộ thường đi với đồng chí. Lúc đó chỉ đoán vậy thôi, nhưng sau đó thì được biết đúng như vậy. Như vậy là một việc rất quan trọng. Cho nên dù thường trực, được ủy quyền giải quyết công việc sau giờ làm việc, nhưng tôi cũng tranh thủ ý kiến

đồng chí Phó Tổng biên tập Hồ Dưỡng được bố trí ở trong cơ quan. Và chúng tôi quyết định đăng ngay số báo ngày hôm sau (ngày 25/5/1987), trên trang nhất, đóng khung, cũng là ngày mở đầu chuyên mục *Những việc cần làm ngay* trên báo *Nhân Dân*.

Lúc đó, Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ hai, khóa VI ra đời được hơn một tháng. “Bốn giảm” trong đó giảm tăng giá là một mục tiêu quan trọng để giữ tình hình ổn định trong quá trình thực thi chính sách đổi mới, nhưng tình hình đang diễn biến xấu. Giá cả tăng có nhiều nguyên nhân, trong đó có “nguyên nhân bất chính” như bài báo đã nêu. Bài báo yêu cầu “các cơ quan tuyên truyền (báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình...) phải phản ánh và lên án, phải chỉ đích danh những cá nhân, những cơ quan, những tổ chức... làm các việc trái với chủ trương Nghị quyết Trung ương...”, “các cơ quan pháp luật phải lôi các vụ, việc làm sai trái lớn để nghiêm trị và kết quả thế nào phải đưa rõ lên các cơ quan ngôn luận cho nhân dân biết”. Nhắc lại hoàn cảnh ra đời, từ bài đầu tiên trên chuyên mục *Những việc cần làm ngay* để hiểu thêm ý định của tác giả, cho rằng muốn thực hiện được các Nghị quyết của Đảng thì phải làm nhiều việc, trong đó có việc chống

tiêu cực, vì có những tổ chức, cá nhân vì lợi ích cá nhân, cục bộ, cố ý không làm theo Nghị quyết của Đảng. Lúc bấy giờ đang là thời kỳ mở đầu triển khai công cuộc đổi mới theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, cho nên vì tiêu cực, vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà không thực hiện các Nghị quyết của Đảng, có thể dẫn tới công cuộc đổi mới không triển khai được, động tới lợi ích quốc gia, đường lối của Đảng.

Khởi đầu thì như thế, nhưng tiếp tục đọc những bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong chuyên mục *Những việc cần làm ngay* trên báo *Nhân Dân* thấy rõ tinh thần tích cực chống tiêu cực thẳng thắn và cụ thể của tác giả. Hai tháng sau khi đăng chuyên mục *Những việc cần làm ngay*, ngày 25/7/1987, tôi đã viết bài trên báo *Nhân Dân*, nói rõ là “Những việc cần làm ngay” đã trở thành phong trào quần chúng; hằng ngày báo Đảng nhận được mấy trăm thư và bài của bạn đọc hưởng ứng “Những việc cần làm ngay”. Mấy chục tỉnh, thành phố và ngành đã có chỉ thị hưởng ứng với tinh thần N.V.L tức là “*nói và làm vì vấn đề mà tác giả N.V.L nêu lên đã động tới sự bức xúc của xã hội, vì tiêu cực đang phát triển, len lỏi vào nơi tôn nghiêm, cán bộ được chọn lựa cẩn thận*”. “Nó phá hoại

kinh tế. Nó làm trật tự xã hội đảo lộn, làm xói mòn các giá trị đạo đức... Cuối cùng nó phá hoại niềm tin mà ai đó đã nói rất đúng: mất niềm tin là mất tất cả, lớn hơn cả mất cắp và mất cướp. Chống tiêu cực là một nhiệm vụ cấp bách và quan trọng”.

Công cuộc chống tiêu cực được các ngành, các giới, nhất là báo chí triển khai mạnh mẽ. Nhiều thư từ tố cáo của công dân gửi đi nhưng không có hồi âm. Cho nên khái niệm *Im lặng đáng sợ* như một biểu hiện của bệnh vô cảm, vô trách nhiệm, phớt lờ ý kiến của nhân dân mà đồng chí N.V.L (tức Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh) nêu lên đến nay mọi người còn nhớ, vì nó vẫn là căn bệnh kéo dài đến nay, là khái niệm xuất hiện ngay trong bài viết thứ hai, của N.V.L đăng ngày 26/5/1987 trong chuyên mục “Những việc cần làm ngay” trên báo *Nhân Dân*.

Đây là cuộc đấu tranh do chính Tổng Bí thư ra tay phát động và được hưởng ứng rộng rãi. Cuộc vận động này được đông đảo đồng chí và đồng bào hoan nghênh, nhưng cũng có một số người băn khoăn, lo lắng. Sau này, tôi được biết, có đồng chí viết thư, có đồng chí trực tiếp góp ý với đồng chí. Đồng chí cũng biết như vậy, cho nên ngay từ bài thứ hai,

đồng chí đã trình bày “Từ chuẩn bị Đại hội VI, Đảng và Nhà nước phát động phong trào nói thẳng, nói thật. Ai làm tốt thì khen, ai làm không tốt thì phê bình để sửa chữa, trừng phạt nếu cần”. Nghĩa là đồng chí N.V.L nói rõ là mình làm theo Nghị quyết Đại hội Đảng. Đọc lại Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng, Báo cáo chính trị tại Đại hội đã yêu cầu phải “dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác”, “cần đưa công khai lên báo, đài hoặc qua các cuộc sinh hoạt của tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân với Đảng”. Mặc dù đồng chí đã công khai trình bày công việc “Những việc cần làm ngay” là để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, nhưng bên cạnh số đông ủng hộ, vẫn có một số người lo lắng, băn khoăn, vì đã có bài động chạm tới hành vi của một số cán bộ cao cấp. Cho nên, một lần nữa đồng chí lại phải công khai tỏ thái độ. Trong bài đăng báo *Nhân Dân*, ngày 10/7/1987 trong chuyên mục quen thuộc đó, đồng chí trình bày thẳng thắn nói có đồng chí “khuyến tôi nên thôi”, vì “có bao nhiêu việc

cần làm sao phải hăng hái chống tiêu cực như vậy”, nhưng tôi “vẫn cứ viết vì thấy cần quá”, “cần đưa các nhân tố mới lên lần dần tiêu cực, nhưng đồng thời phải *quyết liệt chống tiêu cực* thì nhân tố mới mới thực sự có chỗ đứng, giống như có nhổ sạch cỏ dại, diệt sâu rầy thì lúa mới mọc lên vậy”. Lúc đó, đọc những dòng này trong bài viết đăng báo ngày 10/7/1987 của N.V.L *chúng tôi càng hiểu rằng cuộc đấu tranh chống tiêu cực thật không đơn giản, ngay Tổng Bí thư ra tay mà còn bị cản trở, “khuyên nên thôi”*. Đó là lý do mà báo *Nhân Dân* phải đăng *Xã luận* ngày 13/7/1987 “Thiết thực hưởng ứng Những việc cần làm ngay”. Và với tư cách phóng viên, tôi viết bài “Những việc cần làm ngay” với sự nghiệp đổi mới và cuộc đấu tranh chống tiêu cực ngày 25/7/1987, để góp thêm tiếng nói ủng hộ tinh thần đấu tranh chống tiêu cực của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Trong những ngày công tác được gần gũi đồng chí, đêm ngủ ở Mộc Hóa (Đồng Tháp Mười), tôi thưa với đồng chí: “Với vị trí của mình, đồng chí có thể chỉ thị làm việc này, việc khác, có thể viết bài ký rõ tên để hiệu lực cao hơn, vì sao đồng chí chọn viết báo và ký bút danh?”. Đồng chí cười rồi nói: “Tôi có thể cùng

Bộ Chính trị chỉ thị việc này, việc khác, nhưng tác dụng của tờ báo lại khác, tạo ra dư luận xã hội lại có sức mạnh riêng. Còn ký tên tắt để mọi người tham khảo, thấy đúng thì làm không bị lệ thuộc vào địa vị người viết”. Nghe thế tôi càng hiểu đồng chí rất quan tâm tới báo chí, đánh giá cao vai trò của báo chí. Trong thời kỳ đổi mới, xác định báo của ai đã có những thay đổi rất quan trọng, khẳng định báo chí “là cơ quan ngôn luận của các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội; là diễn đàn của nhân dân”. Lâu nay nhiều người vẫn hiểu, việc khẳng định báo chí còn là “*diễn đàn của nhân dân*”, một sự đổi mới quan trọng, bắt đầu từ *Luật báo chí* năm 1989 và Chỉ thị số 08 của Ban Bí thư, nhưng thưa rằng, điều đó đã được khẳng định công khai trên báo *Nhân dân* trong chuyên mục “Những việc cần làm ngay” của đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 24/5/1987, trước đó 5 năm, chỉ rõ báo chí là “*diễn đàn của mọi tầng lớp nhân dân*”, cũng là xuất phát từ quan điểm “lấy dân làm gốc” trong Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng, mở đầu thời kỳ đổi mới toàn diện.

Trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tác giả N.V.L đã chỉ rõ, cơ quan thông tin đại chúng “là công cụ để thực hiện chủ trương

dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, được giao nhiệm vụ “tiếp tục phát hiện, theo dõi để giúp đỡ pháp luật và các cơ quan có trách nhiệm điều tra xử lý nhanh chóng, chính xác, triệt để mọi vụ việc”. Đồng chí nhắc nhở mọi người coi trọng công luận - nghĩa là không “bỏ ngoài tai” ý kiến của quần chúng. Tuy rất coi trọng báo chí và người viết báo trong đấu tranh chống tiêu cực nhưng đồng chí vẫn nhắc nhở những người cầm bút phải có “*tấm lòng trong sáng*”, “*tấm lòng cương trực*” và yêu cầu phải có “*động cơ trong sáng, tấm lòng chân thành và ý thức trách nhiệm cao*”. “*Nghiêm minh và công bằng*” là lời dặn của tác giả N.V.L - tức nguyên Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đối với người viết báo đấu tranh chống tiêu cực.

Bài cuối cùng của chuyên mục “Những việc cần làm ngay” đăng ngày 28/9/1990 trên báo *Nhân Dân*, nghĩa là chuyên mục này đứng trên báo *Nhân Dân* ba năm, bốn tháng, bốn ngày. Tuy không đều đặn từng ngày, từng tuần nhưng mọi người vẫn coi đó là một chuyên mục rất có giá trị của báo vì biết là đồng chí rất bận, không thể viết thường xuyên. Chúng tôi có lần hỏi: “Vì sao anh không viết tiếp?”, trong thâm tâm cũng lại lo

anh bị ai đó cản trở. Anh trả lời: “Mình bận quá. Vả lại mình viết để “môi” cho các nhà báo viết tiếp, phải đấu tranh kiên quyết, liên tục vì cuộc đấu tranh này rất quyết liệt và phức tạp”.

Vâng, chúng tôi sẽ tiếp tục viết, viết để đấu tranh chống tiêu cực, để góp phần “*làm cho xã hội đã tốt đẹp, càng tốt đẹp hơn*”, như trong một bài viết của đồng chí trong chuyên mục quen thuộc đó.

MÙA XUÂN NGHĨ VỀ LỚP TRẺ

... Mọi người đều quan tâm tới lớp trẻ vì đó là tương lai của đất nước. Nhưng đánh giá cuộc sống lý tưởng của thế hệ trẻ hôm nay luôn luôn là vấn đề gây tranh cãi đến đau đầu. Mặc dù đã có kết luận, nêu rõ mặt mạnh, mặt yếu, nhưng khẳng định lòng tin vào lớp trẻ, các cuộc tranh cãi xem ra chưa có hồi kết. Vì cuộc sống rất phong phú, phức tạp, nhất là từ ngày đổi mới tới nay có rất nhiều sự kiện dẫn đến những đánh giá khác nhau. Một mặt rất mừng thấy lớp trẻ giỏi giang, năng động, quyết tâm học tập, lao động sáng tạo; phong trào tình nguyện sôi nổi tìm đến các “địa chỉ đỏ”, uống nước nhớ nguồn, đến các vùng khó khăn, giúp đỡ người cơ nhỡ. Mặt khác, lại thấy rất lo khi chứng kiến các biểu hiện của tư tưởng thực dụng, ăn chơi xa lãng, “trẻ hóa” tội phạm, “trẻ hóa” những người nghiện ma túy, nhiễm HIV... Cho nên, để có được sự nhận định giống nhau thật khó.

Và năm 2005 vừa qua, có hai sự kiện làm tăng thêm sự suy nghĩ dần vật đó.

Còn nhớ, tháng 5/2005, xuất hiện một “bài văn lạ”, khi một bạn học sinh lớp 11 của một trường trung học nổi tiếng ở Thủ đô không làm bài thi yêu cầu bình luận bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”, một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn nổi tiếng Nguyễn Đình Chiểu - một bài văn đã làm rung động tâm hồn nhiều thế hệ người Việt, lại cho rằng “em không thích”, “em đang sống trong hoà bình”. Bài văn lạ đó gây xôn xao dư luận xã hội, có một số ít người ủng hộ nhưng số đông không đồng tình và lo lắng. Phân tích nguyên nhân thì mỗi người một lý lẽ, người thì đổ tại học sinh học tủ, không thuộc bài nên viết liều, viết bậy, người thì cho là thầy giáo dạy văn không đủ sức truyền cảm để học sinh thích thú, say mê tác phẩm nổi tiếng đó. Cũng có thể có cả hai nguyên nhân đó. Nhưng nhiều người quan tâm câu trả lời của học sinh đó, cho rằng “em đang sống trong hoà bình” phải chăng vì “sống trong hoà bình” cho nên không thể thông cảm với những tình cảm tốt đẹp, những hành động anh hùng của thời kháng chiến chống xâm lược? Phải chăng khoảng cách thời gian, khoảng cách chiến tranh và hoà bình đã

làm cho thế hệ ngày nay không rung động trước những trang sử hào hùng của thế hệ cha ông? Nếu quả là số đông như vậy thì là sự kiện rất đáng quan tâm.

Thế rồi, trong dịp cuối tháng 7, đầu tháng 8/2005, cũng chỉ cách đó hai, ba tháng, cũng ngẫu nhiên xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng nhật ký của các liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm, cũng người Hà Nội. Thời gian viết nhật ký đó tới nay đã gần 40 năm, đủ một thế hệ lớp người mới trưởng thành, cũng là khoảng cách giữa chiến tranh và hoà bình. Nhưng các cuốn nhật ký đó được công bố đã vượt thời gian và trở thành một hiện tượng xã hội. Không chỉ lớp người già, lớp cựu chiến binh, mà lớp trẻ đua nhau đọc, tìm hiểu, thảo luận sôi nổi trên “Diễn đàn tuổi 20”. Sức hấp dẫn của hai cuốn nhật ký đó là lý tưởng cao đẹp của các chiến sĩ trẻ trong cuộc chiến đấu gian khổ vì độc lập và thống nhất Tổ quốc, được miêu tả chân thật. Ngày nay, không ai muốn xảy ra chiến tranh để thử thách lớp người mới. Nhưng sự hấp dẫn của hai cuốn nhật ký chiến tranh đó với lớp trẻ sống trong hoà bình ngày nay là cuộc sống với lý tưởng cao đẹp mà bạn trẻ vươn tới ước vọng của dân tộc, của con người. Và chúng ta

hiếu thêm, cuộc sống với lý tưởng cao đẹp với Tổ quốc luôn luôn hấp dẫn mọi người, nhất là thế hệ trẻ. Thế kỷ trước là giành độc lập, thống nhất của Tổ quốc; ngày nay là bảo vệ, xây dựng, phục hưng đất nước.

Nhưng cuộc đời dạy ta luôn luôn phải thận trọng. Không vì “bài văn lạ” mà hiểu lầm cả một thế hệ trẻ hôm nay quay lưng với lịch sử, với quá khứ anh hùng của cha ông. Cũng không vì phong trào sôi nổi “Tuổi hai mươi” mà nghĩ rằng cả lớp trẻ bây giờ đều sôi sục bầu máu nóng vì đất nước.

Chỉ biết chắc rằng, ngọn lửa trong lòng lớp trẻ luôn luôn sôi động. Làm sao mà khơi dậy ngọn lửa đó bùng cháy lên nhiệt tình, vượt qua khó khăn, vươn tới đỉnh cao trí tuệ, lao động sáng tạo để phục hưng đất nước.

Nhật ký năm 2005

TIẾNG GÀ GÁY

Ất Dậu - năm con gà, 2005.

60 năm trước, Ất Dậu - 1945, gọi nhớ những kỷ niệm sâu sắc của dân tộc: năm có hai triệu người chết đói, đau thương tới tột cùng và năm dấy lên cao trào cách mạng với triệu triệu đồng bào vùng lên và Cách mạng Tháng Tám thành công mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh.

Nhiều người sẽ nói tới những đặc tính của con gà trong ngày đầu năm này nhưng chắc không ai quên “Tiếng gà gáy sáng trong năm Dậu” như một biểu hiện của dân tộc ta vùng lên, đứng vững và phát triển trước những thử thách khốc liệt. Và tôi chợt nhớ một kỷ niệm về “Tiếng gà gáy” ở một ý nghĩa khác.

Sau Đại hội lần thứ IX của Đảng bước vào thiên niên kỷ mới, đồng chí Tổng Bí thư đến dự cuộc họp về công tác tư tưởng - văn hóa triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội ở thành phố Hồ Chí Minh và có bài phát biểu quan trọng. Đây là bài phát biểu công khai

của đồng chí Tổng Bí thư về một lĩnh vực công tác rất quan trọng sau Đại hội. Trong bài phát biểu đó, đồng chí Tổng Bí thư nêu lên những tư tưởng chủ yếu của Đại hội mở đầu thế kỷ mới. Đó là thấm nhuần và tìm mọi cách củng cố khối đại đoàn kết, huy động mọi nguồn lực tinh thần, vật chất của các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, coi đó là sức mạnh chủ yếu để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhấn mạnh phong cách *Nói đi đôi với làm...* Đó là sự tiếp tục thực hiện tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở đầu thế kỷ mới, để giữ vững độc lập và thống nhất Tổ quốc, phấn đấu 10 năm sau đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển, 20 năm sau trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Sau đó, tôi nhận được lá thư của cụ Đặng Trần Ca ở xóm 10, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đề ngày viết: 02/9/2002. Trong thư, cụ tỏ ý tâm đắc với những tư tưởng của Đại hội, bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư, nhấn mạnh “nói đi

đôi với làm”, và viết: “Con ễnh ương kêu ra rả suốt đêm mà người ta chán tai, còn con gà trống cất tiếng gáy mà thiên hạ xao động”. Ý cụ muốn nói là “gáy” ít như con gà nhưng là tiếng gáy đích đáng, còn kêu ra rả như con ễnh ương nhưng chẳng mấy ai quan tâm, thậm chí còn bức mình. Thực ra, đó là câu Mạnh Tử trả lời khi học trò hỏi: “Lời nói cần ít hay nhiều?”. Chữ cụ viết nắn nót, rất đẹp mà lại nhớ điển tích nước ngoài, cho nên tôi đoán là một nhà giáo đã nghỉ hưu ở thôn quê, mang tích xưa để nói chuyện đời nay, tâm đắc một điều mà cũng là ý nguyện của nhiều người, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy ngay từ những ngày mới thành lập Đảng về tư cách cán bộ: “Nói thì phải làm”.

Ngẫm lại, trong một ngày con gà trống không chỉ có gáy sáng mà thỉnh thoảng cũng gáy nhưng chắc chắn là gáy ít hơn con ễnh ương kêu. Dù không chỉ gáy một lần, nhưng tiếng gà gáy sáng là tiếng gáy tiêu biểu nhất, được nhiều người nhớ nhất, vì nó báo hiệu bình minh. Cho nên nói ít nhưng phải là nói đích đáng, nói báo hiệu mở đầu *ngày mới*, là tiếng nói quan trọng nhất.

Rồi bên cạnh “tiếng gà gáy sáng”, còn có “gà tức nhau tiếng gáy”. Một con gáy lên thì cả

đàn gà chung quanh đều cất tiếng. Lúc đó, để tâm lắng nghe, thấy tiếng gà gáy khác hẳn tiếng gà bình thường, kể cả tiếng gà gáy sáng. Mỗi con gáy một kiểu nhưng con nào cũng muốn phô giọng mình cho cao hơn, cho hay hơn. Lúc đó là sự cạnh tranh rất hào hứng giữa các con gà, con nào cũng không chịu thua kém bạn bè chung quanh, cố vươn lên với khả năng cao nhất và độc đáo của mình, thành một dàn đồng ca nhiều âm sắc.

Vào thời buổi cạnh tranh rất gay gắt trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phần đấu không chịu tụt hậu xa hơn các nước chung quanh, không thỏa mãn với những gì đã đạt được mà quyết vươn lên “sánh vai cùng bè bạn năm châu” như lòng mong muốn của Bác Hồ thì năm Dậu này, mong ước cùng với tiếng gà gáy báo hiệu Bình minh của thời kỳ mới, lại là “Con gà tức nhau tiếng gáy” đã đua tranh vươn lên, không chịu thua kém ai, nhưng lại không hẹp hòi, ích kỷ.

Báo *An ninh thế giới*, Xuân Ất Dậu, 2005

ANH LINH VỚI CƠ SỞ

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, Tòa soạn báo *Nhân Dân* cử tôi lúc đó là Phó Tổng biên tập báo, là đặc phái viên bám sát hoạt động của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Trong cuộc đời làm báo Đảng, thỉnh thoảng tôi được cử viết tường thuật một số chuyến đi công tác của Bác Hồ, của đồng chí Trường Chinh, nhưng chưa bao giờ được cử là đặc phái viên chuyên bám sát hoạt động của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đây là thời gian tôi có điều kiện tiếp xúc thường xuyên để làm việc với đồng chí Nguyễn Văn Linh theo nhiệm vụ được giao. Cũng phải nói rằng, trên cơ sở chức trách được giao, tôi không được phép dự mọi hoạt động của đồng chí, vì có những cuộc làm việc rất quan trọng và bí mật, tôi chưa được phép tiếp cận. Chủ yếu là bám sát các hoạt động của đồng chí Tổng Bí thư khi đồng chí làm việc với địa phương, cơ sở, tiếp xúc với các giới để có thể thông tin công khai cho đồng chí,

đồng bào cùng biết. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ giúp tôi hiểu được phần nào tư tưởng, phong cách của đồng chí Tổng Bí thư trong thời kỳ này.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đảng giao trọng trách cùng Ban Chấp hành Trung ương trong những năm đầu triển khai đường lối đổi mới của Đảng đã được Đại hội lần thứ VI xác định. Đồng chí thường nói: *Để đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống, vấn đề quan trọng nhất, là phải xác định được mô hình và chính sách cụ thể để tổ chức thực hiện.*

... Giải phóng mọi năng lực sản xuất xã hội là một tư tưởng lớn của thời kỳ đổi mới để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn¹ mà Đại hội VI đã xác định để đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhưng, đổi mới là một cuộc cách mạng, không thể làm theo cách cũ, cho nên phải vừa kiên định vừa sáng tạo, phải quyết đáp nhưng lại không có sẵn mô hình, “phải dò dẫm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm” như đồng chí thường nói. Bây giờ, các nhà viết sử thường nhắc tới Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về nông nghiệp ra

1. Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

ngày 05/4/1988 như một đòn bẩy quan trọng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp tiến lên, giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm và cũng hé mở tư duy quản lý đồi rừng, trang trại trong nông nghiệp. So với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm tới nhóm và người lao động năm 1981 thì Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988 là một bước phát triển mới trong quản lý nông nghiệp trên cơ sở tư duy mới, với việc xác định hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, thay đổi phương pháp quản lý các cơ sở kinh tế tập thể và quốc doanh và chính sách trao đổi vật tư, tiêu thụ nông sản..., nghĩa là không chỉ đổi mới, quản lý nội bộ kinh tế tập thể, mà phải đổi mới quản lý ở “bên ngoài” và “bên trên” hợp tác xã ở phạm vi tổng thể. Nhiều đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được giao trực tiếp chuẩn bị Nghị quyết. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh không những chỉ nghe báo cáo quá trình chuẩn bị mà còn trực tiếp đi khảo sát tình hình ở các địa phương. Vì là vấn đề rất mới, phải quyết đáp, nhưng lại phải rất thận trọng, cho nên trong đời làm báo của mình, tôi chứng kiến một nghị quyết của Bộ Chính trị được chuẩn bị kỹ càng và rất công phu. Tập thể Bộ Chính trị thảo luận nhiều lần, nghe ý kiến các đồng chí

lãnh đạo các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc và theo chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, dự thảo Nghị quyết đưa xuống các địa phương thảo luận, làm thủ trong chín tháng, và mời 611 đại biểu dự Đại hội Nông dân toàn quốc góp ý kiến vào văn bản trước khi Tổng Bí thư ký ban hành. Nghị quyết đã ban hành, được tổ chức thực hiện thí điểm và đại trà nhưng trong các chuyến đi công tác ở cơ sở, đồng chí Tổng Bí thư vẫn trực tiếp hỏi tỉ mỉ từng gia đình khi thực hiện Nghị quyết 10, tập trung vào mấy vấn đề: Phân chia cho xã viên có được 40% sản lượng hay không? Bộ máy ban quản lý giảm được bao nhiêu? Việc trao đổi vật tư, hàng hóa có gì trở ngại không? Các gia đình có công, gia đình neo đơn có khó khăn gì?... Đó là những vấn đề rất lớn trong Nghị quyết mà đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp khảo sát ở cơ sở để thấy hiệu quả thực sự và những điều còn vướng mắc của chính sách mới. Khi tôi về nghiên cứu tình hình, viết ba bài điều tra đăng trên báo *Nhân Dân* giới thiệu việc thực hiện Nghị quyết 10 ở huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú (lúc đó chưa tách tỉnh) nêu lên mô hình bán máy kéo, bán trâu mà chúng ta hay gọi là tư liệu sản xuất cho xã viên, khoán đầu trâu, thực hiện “ai giỏi việc gì làm việc đó”,

bắt đầu hình thành các trang trại nhỏ ngay ở vùng đồng bằng... Nghĩa là khi vào cuộc sống, ở cơ sở đã bắt đầu sáng tạo những hình thức mới cần kết luận, nhưng lại rất tế nhị. Ngày 22/5/1988, nghĩa là chỉ sau khi bài báo đăng từ tám đến mười ngày, đồng chí tổ chức chuyến đi về ngay nơi bài báo đã giới thiệu kinh nghiệm, đối thoại với xã viên ở hai xã Vạn Xuân và Tứ Trưng. Ngoài những vấn đề vẫn thường hỏi, đồng chí còn hỏi: “Bài báo viết có đúng không?”, “Bà con nông dân có ưng cách làm đó không?”... để kiểm tra sự chính xác của bài báo và thái độ của nông dân đối với vấn đề mới mà bài báo nêu.

Cùng với việc xác định mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, đồng chí đặc biệt quan tâm khảo sát tình hình sản xuất của kinh tế quốc doanh, cá thể, tư nhân để cho sản xuất “bung ra” như Nghị quyết đổi mới của Đại hội. Đến với cơ sở BEMEX ở Hà Nội sản xuất tấm lợp phoóc mica, do đồng chí Bạch Minh Sơn, một đảng viên là cán bộ khoa học trẻ làm Giám đốc, mới 42 tuổi đã xin “nghỉ mất sức”, huy động vốn của 50 bạn bè đều là cán bộ khoa học để mở rộng sản xuất với số vốn hai tỷ đồng là số tiền rất lớn lúc đó. Công ty đã thuê 40 công nhân, dự định phát triển sản xuất phải

thu hút 100 rồi 200 công nhân và nhiều lao động vệ tinh làm nguyên liệu. Đồng chí hỏi: “Công việc của anh có khó khăn gì không?”. Anh Sơn thẳng thắn trả lời: “Tư duy của Đảng, của Nhà nước rất thoáng, nhưng còn nhiều cơ quan bó lắm! Dân còn nhiều vốn nhưng chưa tin, cho nên còn bỏ ra nhỏ giọt, vì không biết Nhà nước có cho làm ăn lâu dài hay không?”. Đồng chí hỏi lại: “Đồng chí có thể nói cụ thể được không?”. Anh Sơn nói: “Vừa rồi chúng tôi bị bảy đoàn kiểm tra”. “Thế có kết luận gì không?” - đồng chí hỏi. Anh Sơn lại trả lời thẳng thắn: “Thưa đồng chí, kết luận không có gì thì cũng chậm của chúng tôi mất hai tháng, tính ra thua thiệt tới 50 triệu đồng, vì bây giờ làm ăn thì phải tính từng ngày. Chúng tôi nghĩ: Các đồng chí đó cũng có cái đúng vì có vấn đề nghi vấn thì phải thanh tra, kiểm tra, kết luận. Nhưng những người tố giác sai thì cũng phải xử tội; vì không chỉ là danh dự mà còn làm thiệt hại kinh tế. Thưa đồng chí, thời buổi này mà lục lợi sổ sách, lục hết bí mật kinh tế của các cơ sở thì có được phép không?...”. Qua các lần đối thoại, tôi thấy đồng chí rất băn khoăn. Sau đó, đồng chí trao đổi ý kiến với các đồng chí lãnh đạo thành phố lúc đó là các đồng chí Phạm Thế Duyệt, Trần Tấn, Trần Lưu Vy:

“Vốn trong dân còn nhiều lắm, ngay ở Hà Nội này cũng có tới hàng nghìn tỷ đồng. Bây giờ làm sao huy động được mọi năng lực, mọi nguồn vốn đưa vào sản xuất. Nhưng, trong lòng nhiều người còn nghi ngại, sợ ta “vỗ béo rồi làm thịt”. Cho nên cần nói để dân rõ là chính sách kinh tế nhiều thành phần là lâu dài, và phải khẳng định bằng lời nói, việc làm cho mọi người tin. Thành phố cần nghiên cứu xem cơ sở có gì vướng mắc thì tháo gỡ cho anh em..., làm sao cho các thành phần kinh tế “bung ra” mạnh hơn nữa. Kiểm tra, thanh tra tất nhiên phải làm, nhưng đừng làm cản trở sản xuất, đừng làm cho người ta nghi ngờ chính sách mới!...”. Và cứ nên để đồng chí Sơn ở trong Đảng nếu đồng chí đó tự nguyện. Những gợi ý ấy sau này đã trở thành Nghị quyết Đại hội Đảng, thành một số điểm trong *Luật doanh nghiệp* và Nghị định của Chính phủ ở các nhiệm kỳ của Đại hội VII, Đại hội VIII.

Như mọi người đều biết, trong thời kỳ đồng chí giữ trọng trách Tổng Bí thư, đồng chí rất quan tâm công tác xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, cán bộ phải sát dân, nghe dân như tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng. Đồng chí đã từng mở chuyên mục “Những việc cần làm ngay”

trên báo *Nhân Dân* một thời kỳ, nhấn mạnh lời nói đi đôi với việc làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trong đó có việc đấu tranh chống tham nhũng, đã để lại dấu ấn sâu sắc trong Đảng và trong xã hội. Theo các chuyến đi công tác của đồng chí, được nghe trực tiếp đồng chí nêu câu hỏi, phát biểu ý kiến với lãnh đạo địa phương và cơ sở, tôi càng cảm nhận sự quan tâm sâu sắc và những băn khoăn của đồng chí đối với các vấn đề có ý nghĩa cốt tử đó. Trong công tác lãnh đạo của Đảng, đồng chí thường nhấn mạnh: “Phải kiên định mục tiêu, lý tưởng nhưng phải năng động, vận dụng sáng tạo các chính sách của Trung ương với từng địa phương, cơ sở có những hoàn cảnh khác nhau”, “không chỉ lý luận về đổi mới mà phải chỉ ra cách làm cụ thể đối với từng lĩnh vực”, cần ra sức “khuyến khích mọi người làm giàu nhưng Đảng phải quan tâm tới những vùng, những người còn khó khăn, nghèo túng”. Làm việc với tỉnh Nghệ Tĩnh (lúc đó chưa tách tỉnh) nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Bác Hồ, 19/5/1990, đồng chí nhắc nhở: “Chúng ta kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Bác Hồ, nhưng Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Bác Hồ ưa giản dị và thiết thực cho nên nhớ Bác là nhớ

con đường Bác đã chỉ dẫn, nhớ ý chí kiên định cách mạng của Bác, nhớ lòng yêu nước thương dân của Bác. Muốn thế chúng ta phải làm cho Đảng trong sạch và vững mạnh như Bác Hồ đã từng xây dựng và mong muốn, làm cho Đảng ta gắn bó máu thịt với nhân dân, xây dựng nền tảng cho việc tiếp tục sự nghiệp đổi mới đi đến thành công”, “Phải phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, học và làm như lời Bác Hồ dạy: gần dân, nghe dân, cùng với dân bàn bạc và yêu cầu nhân dân kiểm tra; chống lại bệnh quan liêu mệnh lệnh, ức hiếp dân; chống nạn hối lộ, tham nhũng; không để cho một số người sa đọa, sống phè phỡn trong khi nhân dân đang đói khổ, làm cho dân mất lòng tin, oán thán”. Ở tỉnh Hà Nam Ninh (lúc đó chưa tách tỉnh), trong buổi làm việc với cán bộ chủ chốt của tỉnh, ngay từ tháng 6/1988, đồng chí nói: “Chúng ta đang đổi mới với những bước đi thích hợp. Trì trệ, bảo thủ, không chịu sửa đổi, hoặc muốn đi những bước đi nóng vội, không thích hợp, đều không bảo đảm đổi mới thắng lợi”, “lúc này công tác xây dựng Đảng phải bảo đảm sự nhất trí với phương hướng và bước đi của sự nghiệp đổi mới”. Đồng chí nhắc nhở: “Công tác xây dựng Đảng phải bảo đảm cho các tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên

gắn bó với nhân dân. Cán bộ cấp nào cũng phải dành thời gian xuống với dân. Họp để chỉ đạo là cần nhưng phải làm gọn để có thời gian xuống cơ sở. Xuống dân không phải là làm theo cách chiếu lệ hình thức mà phải trở thành chế độ. Xuống cơ sở phải vừa nghe dân nói vừa nói cho dân nghe; cùng với nhân dân bàn bạc công việc của đất nước, của địa phương. Nên đối thoại cởi mở, trả lời những câu hỏi của nhân dân. Việc gì chưa trả lời được phải hẹn ngày trả lời và giữ đúng lời hứa. Bí thư chi bộ phải gắn với sản xuất, không “xách túi đi dạo”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rất sớm là luôn luôn rèn luyện đội ngũ cán bộ chúng ta gắn bó với nhân dân, nhưng gần đây cán bộ xa dân, cán bộ đoàn thể cũng “hành chính hóa”. Trong lúc khó khăn càng cần sát với nhân dân, cùng nhân dân vượt qua khó khăn”.

... Còn nhiều kỷ niệm sâu sắc nữa mà tôi không thể ghi lại hết. Như đã viết ở trên, tôi chỉ ghi lại những gì mà tôi nghĩ là đồng chí Tổng Bí thư quan tâm, dặn dò cán bộ, đảng viên và đối với tôi cũng là những kỷ niệm và bài học sâu sắc cho công tác của mình. Cho nên những dòng chữ đặt trong “ngoặc kép” là những gì tôi ghi lại đã đăng công khai trên báo *Nhân Dân*, cơ quan Trung ương của Đảng,

bảo đảm sự chính xác những phát biểu ý kiến của đồng chí, thể hiện sự quan tâm, kể cả những băn khoăn của đồng chí Tổng Bí thư vào thời điểm lúc đó, khi triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Tư duy là một quá trình. Trong quá trình đổi mới, trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, những vấn đề mà đồng chí nêu lên lúc đó sau này còn được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị các khóa bổ sung hoàn chỉnh, có thêm nhiều nội dung mới nhưng bao giờ sự khởi đầu cũng có những giá trị riêng, quan trọng. Khởi động thành công trong những năm đầu còn có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ sự nghiệp đổi mới đất nước. Riêng tôi nghĩ, có những điều đồng chí nêu lên lúc đó còn có giá trị sâu sắc cho đến ngày nay, dù đã trải qua hàng chục năm, và chắc chắn không chỉ có giá trị đến lúc này.

Báo Nhân Dân, ngày 01/7/2005

BẤT BIẾN VÀ VẠN BIẾN

Trong cuộc đời, ai cũng phải ứng xử với những tình huống rất phong phú, đa dạng, có những tình huống không thể dự báo. Cho nên, bản lĩnh và nghệ thuật xử thế luôn luôn là một đề tài nghiên cứu của nhiều nhà xã hội học, mong rút ra những quy tắc chung để hướng con người xử lý đúng đắn các tình huống. Những người có hiểu biết về Khổng học đều nhớ một phương châm xử thế “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Đó là phương châm ứng xử không chỉ với các chính trị gia mà có thể với tất cả mọi người, không chỉ với những người theo đạo Khổng. Trong cuộc sống không phải cái gì muốn là được, trong từng lúc phải có những nhượng bộ, nhưng có những nguyên tắc, mục tiêu phải giữ trong bất kể tình thế nào để giữ vững bản chất của nó, đó là cái “bất biến”. Nhưng cái gì là “bất biến” phải giữ để mà ứng “vạn biến” thì mỗi thời một khác, mỗi người có những lý tưởng khác nhau thì có những nội dung khác. Đối với những người Việt Nam

đương đại thường nhớ tới năm 1946, năm đầu sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước trải qua rất nhiều cam go, phải đối phó với thù trong, giặc ngoài, có lúc ở vào tình thế nghìn cân treo sợi tóc. Trong lúc đó, Bác Hồ của chúng ta lại phải sang Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp để thương lượng, cố gắng duy trì hoà bình, nếu không được thì cố gắng kéo dài thời gian hoà bình được ngày nào hay ngày đó để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền non trẻ, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu gay go trước mắt, bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa mới giành được sau 80 năm bị Pháp đô hộ.

Rời đất nước ra đi vì nhiệm vụ không thể thoái thác, Bác Hồ tin tưởng những người ở nhà. Ngày 31/5/1946, trước khi lên đường đi xa dài ngày, tại sân bay Gia Lâm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nắm tay cụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhân sĩ trí thức yêu nước, nói: Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự nhờ Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ: Dĩ bất biến, ứng vạn biến. Bác dặn dò cụ quyền Chủ tịch nước và những đồng chí ở nhà: Lấy cái không biến đổi, sự vững vàng, kiên định của mình với những mục tiêu bất biến để ứng phó với muôn vàn biến động.

Cái bất biến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn lại là phải vững vàng, kiên định và khôn ngoan để giữ vững nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, ứng phó với các biến động, khi cương quyết, lúc mềm dẻo, nhưng dù mềm dẻo, linh hoạt tới đâu cũng không bao giờ được xa rời, buông lỏng cái “bất biến” như một nguyên tắc của dân tộc, coi như mệnh lệnh quốc dân đối với mỗi người yêu nước. Và quả nhiên, theo nguyên tắc của lời dặn dò đó, cụ Huỳnh Thúc Kháng và những đồng chí ở nhà đã giải quyết nhiều tình huống phức tạp thành công trong suốt một mùa hè, mùa thu của năm dân quốc đầu tiên, không phụ lòng tin của nhân dân và của Bác Hồ.

Thời nay, nghĩ lại những ngày tháng đó, thấy tầm nhìn của Bác Hồ và bản lĩnh vững vàng của người bạn, người đồng chí, học trò của Người đã cùng nhau đưa đất nước vượt qua bao thác ghềnh. Nhớ lại để khâm phục, cũng là để học tập. Và như trên đã nói, mỗi lớp người có trách nhiệm với lịch sử dân tộc vào thời gian mình sống và làm việc. Những người bạn già, bạn trẻ ôn lại lịch sử là vì hiện tại và để soi sáng cho công việc hiện tại, cho dù đã có hoà bình, thống nhất, nhưng lại có những phức tạp mới, không dám nói khó hơn nhưng chắc chắn

là không dễ dàng hơn các thời kỳ trước. Thử thách của thời kỳ mới không nhỏ. Có người đã nói: suốt ba mươi năm chiến tranh gian khổ, đầy hiểm nguy, nhưng chỉ bị hy sinh một vị tướng, nhưng ngày nay trong hoà bình, số vị tướng bị “hy sinh” lại nhiều hơn, còn những người có trách nhiệm tương đương các vị tướng trong quân đội thì lại nhiều hơn mấy lần! Vì những biến động và những cạm bẫy trong thời kỳ mới rất nhiều, trong khi đó con người phải năng động xử lý các tình huống phức tạp theo kiểu mới. Chính vì thế mà phải xác định nội dung “bất biến” trong thời kỳ mới để mà xử lý cái “vạn biến” kịp thời, đúng đắn. Vậy nội dung “bất biến” của những người cộng sản Việt Nam lúc này là gì? Phải chăng đó là:

- Với định hướng phát triển của đất nước là giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của Đảng ta vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất.

- Với một đội ngũ cán bộ, công chức hết lòng vì dân, gắn bó với dân, là công bộc của dân, thực hiện cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, không mắc vào và kiên quyết đấu tranh

với quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

- Với tấm lòng khoan dung, đại độ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, coi đó là động lực chủ yếu cho sự ổn định và phát triển đất nước.

Với đồng chí, bạn bè thì thẳng thắn, trung thực, thương yêu lẫn nhau, đoàn kết chân thành vì mục tiêu phấn đấu của dân tộc, vì nguyên tắc tổ chức của Đảng, luật pháp của Nhà nước để Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, chỉ có một mục tiêu hết lòng vì nước, vì dân...

Đó là những lời dặn dò, mong muốn của Bác Hồ; đó cũng là nguyên tắc một tác không đi, một ly không rời. Giữ cái “bất biến” đó khi phải xử lý cái “vạn biến” để đất nước phát triển phong phú nhưng vững vàng. Vững vàng về đường lối, về phẩm chất và năng lực cán bộ, làm nền tảng cho sự gắn bó với nhân dân, do đó có sức mạnh vô địch giữ vững độc lập, thống nhất, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu trong quá trình đổi mới, thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu văn hoá thế giới.

Thời nào cũng thế, bản lĩnh giữ vững cái “bất biến” thì sẽ tạo ra khả năng xử lý cái “vạn biến” đúng đắn và linh hoạt. Thời đổi mới lại càng phải như thế.

Báo Công an nhân dân, tháng 8/2005

SỨC MẠNH CỦA TA

Thấm thoát đã 60 năm kể từ Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) thành công, và Quốc khánh 02/9/1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thời gian lùi xa cho phép chúng ta có điều kiện nhìn lại lịch sử nước mình và lịch sử cách mạng của các nước trên thế giới.

Có thể nói, trong suốt một nghìn năm “Bắc thuộc” và hơn 80 năm “Tây thuộc”, đất nước chìm đắm trong đêm dài nô lệ, có nhiều cuộc khởi nghĩa vùng lên, nhiều cuộc thất bại đẫm máu nhưng cũng có cuộc thành công sáng chói. Cuộc khởi nghĩa nào cũng có vai trò to lớn, quyết định của nhân dân, nhưng các cuộc khởi nghĩa thành công trước đó cũng là để đưa một người lên làm vua, còn nhân dân vẫn quay trở lại làm “thần dân”. *Lần đầu tiên trong lịch sử, cuộc Cách mạng Tháng Tám đưa nhân dân lên làm chủ, thành lập nhà nước của nhân dân, nhân dân*

thoát khỏi thân phận “thần dân”, trở thành công dân. Bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân hình thành ngay từ thuở đó.

Nhìn ra thế giới, các cuộc khởi nghĩa nào cũng đầm máu; có lẽ cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam, chỉ trong nửa tháng đã cướp chính quyền trong cả nước, về cơ bản không đổ máu. Cuộc cách mạng nào cũng giết, hoặc bỏ tù người cầm đầu chế độ cũ, như cuộc Cách mạng Tư sản dân quyền Pháp năm 1789 và cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, nhưng cuộc Cách mạng Tháng Tám không giết vua Bảo Đại mà còn mời ông ta ra làm Cố vấn cho Chính phủ cho đến khi ông ta từ bỏ hàng ngũ nhân dân. *Tinh thần hoà hợp, khoan dung theo tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ngay từ đầu, từ trong bản chất của cách mạng Việt Nam.*

Phải chăng đó là những đặc điểm nổi bật, kế thừa truyền thống văn hoá của dân tộc trong cách mạng vĩ đại ở nước ta.

Trải qua 60 năm, cách mạng chuyển qua nhiều thời kỳ. Mỗi thời kỳ cách mạng có những nhiệm vụ riêng, gắn liền với sự nghiệp phát triển của dân tộc. Sức mạnh của toàn dân tộc - sức mạnh vô địch quyết định mọi thành công của cách mạng - lại được huy động

để giải quyết những nhiệm vụ lịch sử của từng thời kỳ.

Mới giành được độc lập, Nhà nước non trẻ và nhân dân ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược trong tám năm, và sau đó lại tiếp tục cuộc chiến đấu hơn 20 năm chống bọn xâm lược để bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc. “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là quyết tâm của cả dân tộc cho cuộc chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, tới ngày toàn thắng.

Sau ngày toàn thắng, giang sơn thu về một mối, đất nước một lần nữa không xảy ra “tắm máu” như một số bọn phản động đe dọa. Nhưng cùng với những khó khăn khách quan to lớn, đất nước chậm đổi mới đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, lại bị bao vây cấm vận, trong khi đó chủ nghĩa xã hội thế giới rơi vào thoái trào, đất nước ở thế “nghìn cân treo sợi tóc”. Chính từ trong khó khăn hiểm nguy, Đảng ta tổng kết sáng kiến của nhân dân, đề ra đường lối đổi mới trong 20 năm qua, đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế với nhịp độ phát triển khá nhanh liên tục, giữ vững an ninh quốc phòng, mở rộng quan hệ

quốc tế với vị thế trên thế giới ngày càng tăng, thật sự đã đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử.

Không phải chỉ ở ta, mà nước nào cũng lo phát triển kinh tế, quan tâm đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, xây dựng đất nước phồn vinh. Nhưng nước ta là nước đi chậm trong phát triển kinh tế thị trường so với thế giới, đồng thời kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một điều mới mẻ, không có mô hình trên thế giới, cho nên vừa làm vừa mò mẫm. Nhưng chúng ta cũng đã nhìn ra mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội là vấn đề hết sức quan trọng trong phát triển.

Thế rồi, vào khoảng năm 1995, nhiều nhà khoa học kinh tế trên thế giới giạt mình nhìn lại nền kinh tế thị trường. Họ nêu lên *Năm mô hình xấu* trong tăng trưởng kinh tế. Đó là:

- Tăng trưởng kinh tế dẫn tới giảm sút việc làm, tình trạng thất nghiệp tăng;
- Tăng trưởng kinh tế dẫn tới phân hoá giàu nghèo quá nhanh, gây mâu thuẫn xã hội;
- Tăng trưởng kinh tế dẫn tới coi nhẹ phát triển văn hoá, đời sống tinh thần của con người nghèo nàn, thậm chí bệnh hoạn, tệ nạn xã hội phát triển;

- Tăng trưởng kinh tế dẫn tới quyền làm chủ của nhân dân bị chà đạp, đè nén;

- Tăng trưởng kinh tế dẫn tới môi trường tự nhiên bị hủy hoại nhanh chóng.

Có nhà kinh tế học bi quan nói rằng: “Chưa thấy xuất hiện mô hình tốt”. Và từ đó, khái niệm phát triển tuy được đề cập từ lâu nhưng nay mới được công nhận; nghĩa là *mong muốn của mọi người là phát triển chứ không chỉ tăng trưởng*. Muốn phát triển phải tăng trưởng, nhưng không phải cứ tăng trưởng kinh tế thì xã hội phát triển. Khái niệm phát triển là sự kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hoá và xã hội.

Tiếp cận sự tổng kết của thế giới, chúng ta tự thấy mình cũng đã nhìn ra, tuy chưa có điều kiện để hiểu sâu sắc. Và chúng ta nhấn mạnh *phát triển kinh tế bền vững*. Phát triển kinh tế bền vững phải *gắn phát triển kinh tế với ba trụ cột*: gắn phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất với phát triển văn hoá, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần của xã hội; gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, giải quyết tình trạng thất nghiệp và đói nghèo; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ và làm phong phú môi trường tự nhiên.

Như trên đã nói, sức mạnh của toàn dân tộc là sức mạnh to lớn, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Nhưng làm sao huy động được sức mạnh toàn dân tộc trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để phát triển bền vững?

Trong nền kinh tế thị trường, con người năng động, sáng tạo hơn, nhưng thường chỉ quan tâm đến lợi ích vật chất, lợi ích của mình. Lợi ích là một nhân tố kích thích sự đua tranh, sáng tạo, nhưng mọi người làm giàu mà lòng đầy nhân ái, như có người nói: “Cạnh tranh mang khuôn mặt người” thì con người giàu có và hạnh phúc. Nhưng ai cũng thấy xã hội có ổn định mới có thể sản xuất kinh doanh ổn định; đời sống tinh thần xã hội phong phú, lành mạnh mới có thể hạnh phúc và môi trường tự nhiên của xã hội có trong lành thì mới có thể phát triển bền vững. Do đó, mỗi công dân cũng như mỗi nhà kinh doanh đều gắn bó sự thành đạt bền vững của mình với sự phát triển bền vững của xã hội. Đó là chân lý lớn để mọi người có thể tập trung sức mạnh của mình cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Ông cha ta có câu “nước nổi, bè nổi” là vậy!

Tạp chí Văn hoá Doanh nhân, tháng 8/2005

YÊU THƯƠNG VÀ TIN TƯỞNG

Tôi có vinh dự là phóng viên báo *Nhân Dân* được cơ quan cử đi cùng một số bạn đồng nghiệp ở một số tờ báo viết tường thuật ngày tiễn biệt Bác Hồ. Trong cuộc đời làm báo của mình, trong một số lần được đi công tác theo Bác Hồ, tình cờ tôi được tòa soạn cử đi viết tường thuật Tết trồng cây cuối cùng của Bác Hồ ở Vật Lại đầu năm Kỷ Dậu, tường thuật lần đi bầu cử cuối cùng của Người, tháng 4/1969 ở Nhà thuyền Hồ Tây, và lúc này là tường thuật Lễ tiễn biệt Người. Trời thoát nắng, thoát mưa. Trong sáu ngày túc trực ở Hội trường Ba Đình nơi quần linh cữu Người, chúng tôi đã chứng kiến biết bao tấm lòng của các tầng lớp nhân dân các dân tộc và bạn bè quốc tế đến viếng mà nhiều lần không cầm được nước mắt.

Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, nơi Bác đọc *Tuyên ngôn Độc lập* lại là nơi tổ chức tiễn đưa Bác. Hơn 10 vạn chiến sĩ, đồng bào và 34 đoàn đại biểu quốc tế đứng chật Quảng trường

vốn rất rộng này. Tại buổi lễ truy điệu Người ngày 09/9/1969, đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn đọc Lời điệu, rồi đọc *Di chúc* của Bác, là thời gian thật sự xúc động. Cả Quảng trường im lặng như nuốt từng lời. Khi đồng chí Bí thư xúc động đọc *Di chúc* đến đoạn: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”. Cả rừng người òa lên khóc nức nở. Dù phải quan sát, ghi chép để tường thuật nhưng hai hàng nước mắt của tôi cũng rùng rùng rơi xuống cuốn sổ tay, người run lấy bầy.

Kết thúc bản *Di chúc*, đồng chí Bí thư thứ nhất đọc: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng...”. Cả chục vạn người ở Quảng trường lại òa lên khóc. Việt Thảo, người bạn đồng nghiệp đứng cạnh, ôm choàng lấy tôi, chúng tôi cùng gục vào vai nhau để khóc, để chia sẻ nỗi đau mất mát chung quá to lớn này.

Tấm lòng của Bác với nhân dân, với Đảng toát lên trong bản *Di chúc* càng gây xúc động

vì được chứng thực bằng chính cuộc đời của Bác với dân, với nước, cho nên những lời dặn dò trong *Di chúc* là những lời dặn dò không chỉ từ tấm lòng một vị lãnh tụ với Đảng, với chiến sĩ, đồng bào, mà còn là lời dặn của người ông, người cha với người thân trong gia đình, cho nên nó không chỉ in sâu trong óc mà còn thấm đượm trong tim, hun đúc tinh thần quyết tâm và lòng tin mãnh liệt của con người.

Mười tám ngày sau khi từ biệt Bác, ngày 27/9, chúng tôi lại được đọc trên báo *Nhân Dân* bản dịch bài trả lời của Bác ngày 14/7 với nhà báo Cuba nổi tiếng Mácta Rôhát. Có lẽ đây là người phóng viên nước ngoài cuối cùng được gặp Bác để phỏng vấn. Nhớ lại thời gian trả lời phỏng vấn là khi Bác đã hoàn thành lần cuối bản *Di chúc*, cho nên đọc lại thấy phảng phất như những lời tâm sự, dặn dò của tinh thần *Di chúc*. Bài phỏng vấn ấy đăng bằng tiếng Tây Ban Nha ngày 29/7 và bằng tiếng Pháp ngày 03/8 trên báo *Granma* trước lúc Bác mất một tháng, có đầu đề *Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi*.

Cuộc gặp gỡ với người phóng viên nữ nổi tiếng mà Bác rất quý sau khi Người hoàn thành bản *Di chúc* lịch sử ba tháng trước đó. Cho nên tấm lòng thương yêu nhân dân của Bác

vẫn tiếp tục thấm đượm trong khi Bác trả lời phỏng vấn. Bác nói với chị Mácta Rôhát: “Đồng chí muốn biết tình cảm của tôi đối với miền Bắc và đối với miền Nam phải không? Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi” và “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”. Đã gần hai chục ngày Bác Hồ từ biệt chúng ta mà đọc lại trên báo *Nhân Dân* những câu nói của Bác, chúng tôi lại không cầm được nước mắt, vì thấy lòng yêu đất nước, yêu thương nhân dân của Bác bao la quá; không những chỉ yêu thương mà còn tin tưởng. Mácta Rôhát hỏi Bác về khả năng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, chiến thắng kẻ thù hung bạo, trong khi cuộc chiến đấu còn rất nhiều thử thách phải vượt qua, Bác Hồ đã trả lời chị: “Sức mạnh của nhân dân Việt Nam là ở chỗ nào? Sức mạnh, sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và ở sự ủng hộ của nhân dân thế giới”.

Báo *Nhân Dân*, ngày 01/9/2005

“CHIẾU CẦU HIỀN” THỜI CÁCH MẠNG

Tôi có thói quen vào thời khắc chuyển mùa của những năm đáng ghi nhớ, giở lại biên niên tiểu sử hoặc toàn tập Hồ Chí Minh để tìm xem vào tháng năm này những năm xưa Bác Hồ của chúng ta đã làm gì, nói gì và viết gì.

Vào ngày đầu mùa đông năm Ất Dậu - 2005, giở lại những trang ghi chép vào mùa đông năm 1946 - một mùa đông khắc nghiệt, vận nước “ngàn cân treo sợi tóc”, tình cờ giở tới trang in lại bài báo “Tìm người tài đức” đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 20/11/1946. Đó là bài báo Bác viết sau hơn bốn tháng đi Pháp trở về và trước 29 ngày khi viết “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”, mở đầu cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược và cũng là mở đầu thời kỳ chiến đấu gian khổ, hy sinh suốt 30 năm ròng cho tới chiến thắng mùa Xuân năm 1975, giành thắng lợi trọn vẹn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Không biết đã bao nhiêu lần tôi đọc bài báo này, có đoạn gần như thuộc lòng, nhưng vẫn dừng lại để suy nghĩ khi toàn Đảng và toàn dân đang thảo luận Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X nhấn mạnh “xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài”, tiếp nối tư tưởng của Đảng về bồi dưỡng, sử dụng nhân tài cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Với bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố công khai trên báo chí, một số nhà sử học gọi là “Chiếu cầu hiền thời kỳ cách mạng”. Bài báo có đoạn:

“Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài, có đức.

E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận.

Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết...”.

Bài đăng báo nhưng lại ký “Chủ tịch Chính phủ Việt Nam: Hồ Chí Minh” như một thư công. Thời kỳ mới, sẵn có báo chí là phương tiện truyền thông đại chúng, cho nên công bố

trên báo chí thì nhanh chóng và rộng rãi hơn việc niêm yết nơi công sở và sứ giả truyền loa của thuở trước. Cho nên, nhận xét của một số nhà sử học coi bài báo đó như “Chiếu cầu hiền thời cách mạng” có phần hợp lý.

Xưa nay triều đại nào cũng cần có người hiền tài giúp dân, giúp nước. Vua Lê Thánh Tông đã từng răn bảo Thái tử: “Dù là Thiên tử, con trời, đứng đầu trăm họ, có quyền uy tuyệt đối với thần dân, có quyền phong chức tước cho thần linh, các vị vua chúa các triều đại vẫn thấy rằng một mình không thể đảm đương được trọng trách, mà phải dựa vào dân, dựa vào nhân tài của đất nước”. Tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn lưu giữ chữ của Tiến sĩ Thân Nhân Trung khắc vào bia tiến sĩ số 1: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia; nguyên khí vững thì nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy”.

Ông cha ta có nhiều phương sách chọn hiền tài, trong đó “Chiếu cầu hiền” là một phương sách truyền thống.

Truyền thống cầu hiền được để lại có lẽ bắt đầu từ đời Hùng Vương thứ VI, sai sứ đi khắp nước cầu người hiền tài ra đánh giặc Ân xâm lược và Thánh Gióng vươn dậy thành người khổng lồ cưỡi ngựa sắt, nhổ tre đằng ngà đánh tan quân xâm lược. Rồi lịch sử chép

rằng, Lý Nhân Tông, Hồ Hán Thương xuống chiếu cầu người nói thẳng; Lý Cao Tông, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông xuống chiếu cầu người tài giỏi, đạo đức ra giúp nước.

Chiếu cầu hiền của Lê Lợi năm Kỷ Dậu 1429 đã viết: “Người tài ở đời vốn không ít, mà cầu hiền tài không chỉ có một đường, hoặc người nào có tài kinh luân mà bị khuất ở hàng quan nhỏ, không ai tiến cử, cùng người hào kiệt náu ở nơi đồng nội, lẫn trong hàng binh lính... Trẫm đâu biết được”, phán rằng: “Phàm các quan liêu đều phải hết chức vụ, tiến cử hiền tài. Còn như các kẻ sĩ quê lặn ở xóm làng cũng đừng lấy điều “đem ngọc bán rao” làm xấu hổ, mà để Trẫm phải than đời hiếm nhân tài”.

Nghĩa là các bậc minh quân đều mong những người có tài năng, đạo đức và thẳng thắn, trung thực ra giúp nước, bằng cả con đường tiến cử và tự tiến cử.

Người xưa đã nói: “Chỉ có người hiền mới cầu hiền”. Thành tâm “cầu hiền” là một trong những phẩm chất của “người hiền” ở vị trí lãnh đạo và quản lý, cho nên người đời sau đã khắc lên mộ một vị Tổng thống của một nước: “Đây là người tài dùng người tài”; đó là sự đánh giá rất cao về con người này ở cương vị lãnh đạo quốc gia.

“Người hiền” có thực tài thường rất tự trọng không bao giờ khúm núm xin xỏ, cho nên đọc các “Chiếu cầu hiền” của các vị minh quân có quyền uy “hét ra lửa” đều thấy một giọng khiêm tốn, lễ độ. Chiếu chỉ là các văn bản nhà vua công bố, ra lệnh, nhưng đọc một số “Chiếu cầu hiền” thì giọng văn là tha thiết, nhún nhường thể hiện sự tôn trọng người tài và mong được người tài ra giúp nước, giúp dân.

Chiếu khuyến dụ hào kiệt của Lê Thái Tổ viết: “Ta nhắc mình tỏ lòng thành thật khuyến các bậc hào kiệt đều nên cùng nhau gắng sức, cứu đỡ muôn dân, đừng có kín tiếng, giấu tài khiến thiên hạ phải hăm trong lâm than mãi mãi”.

Thư của người anh hùng Nguyễn Huệ lấy lòng chiến công mời La Sơn Phu Tử ra giúp nước: “Quả đức sinh ở chỗ hẻo lánh, học ở sự nghe trông... đạo trị dân đã để có nhiều điều làm cứng cõi, phiền nhiễu. Tuy là tội ở những người ấy, nhưng kỳ thật là giúp việc chữa ai, là tội quả đức chưa biết cầu hiền”.

Chúa Trịnh Khương chỉ dụ: “Ngày từng mong nghe lời trung thực, khuyến bảo ân cần, lo mở rộng kiến văn để mở mang đạo trị. Từ xưa không ai mượn nhân tài đời khác, điều đó chỉ mong vào đời nay...”.

Đọc những chuyện kể, những ghi chép lịch sử thấy “cầu hiền” là một truyền thống tốt đẹp của các bậc minh quân. Thái độ, lời lẽ, và có thể ở cả tấm lòng như thế, nhưng có phải vị nào cũng trước sau như một!

Trở lại thời điểm xuất hiện bài báo “Tìm người tài đức” có thể hiểu bố cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cấp, với quốc dân, đồng bào để thấy một quan điểm sáng rõ, một tấm lòng trung thực và những việc làm thiết thực trong phương sách “cầu hiền”, dùng người của Bác Hồ. Lúc đó, nhìn vào thành phần của Chính phủ lâm thời cũng như Chính phủ đầu tiên của nước nhà, những cán bộ cao cấp trong bộ máy nhà nước, đã thấy có mặt những nhân tài kiệt xuất của quốc gia. Trong chuyến đi Pháp hơn bốn tháng tiếp xúc với bà con người Việt Nam ở Pháp, một số trí thức lớn người Việt Nam ở nước ngoài đã theo lời kêu gọi của Bác Hồ về nước giúp sức... Thế mà Người vẫn thấy chưa đủ, vẫn phải tiếp tục “cầu hiền”.

Trong bài báo đó, cũng vẫn giọng khiêm tốn truyền thống, Người thừa nhận khuyết điểm vì “nghe không đến”, “thấy không khắp” để “đến nỗi bậc tài đức không thể xuất thân”. Nhưng điều quan trọng là không chỉ là lời nói,

mà trong việc làm, Người là tiêu biểu cho sự thành tâm, tin dùng các bậc hiền tài. Con người có “tài to, tài nhỏ”, có “chỗ hay, chỗ dở” như Người đã nói, cho nên “khéo” dùng thì sẽ quy tụ được mọi tài năng cho đất nước. Muốn thế cần có lòng bao dung. Nhớ lại phát biểu ngày 05/9/1954 của Bác Hồ với cán bộ, chiến sĩ trong những ngày chuẩn bị tiếp quản Thủ đô sau khi chiến thắng kết thúc với chiến dịch Điện Biên Phủ, dặn dò thái độ của cán bộ trong việc dùng người, đối với người “không kháng chiến, những người dinh tề”¹ cũng không khinh rẻ họ, mà phải giúp đỡ họ tiến bộ, để họ cùng làm việc, “phải dùng đúng năng lực của mọi người” vì “việc chung”.

Báo *Nhân Dân*, Xuân Bính Tuất, 2006

1. Chỉ những người từ vùng tự do trong kháng chiến, vì lý do nào đó, lại quay trở lại vùng địch tạm chiếm.

MÓN ĂN NGHÈO

Vào tuổi này, chúng tôi thường kết hợp các chuyến công tác để thăm hỏi bạn bè, đồng chí quen thân đã cùng nhau chiến đấu trong những ngày kháng chiến gian khổ. Phần nhiều các bạn đã nghỉ hưu, có người khá giả, con cái phượng trưởng, có người vẫn lận đận miếng cơm manh áo tới lúc gần đất xa trời. Gặp nhau là vui, ôm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, ngồi ôn lại chuyện cũ như không bao giờ hết, hỏi thăm bạn bè, đứa còn, đứa mất, mỗi người một cảnh.

Một ngày giáp Tết, tôi thăm anh bạn ở vùng Thư Trì (nay là huyện Vũ Thư), tỉnh Thái Bình, một vùng quê nghèo của một tỉnh nghèo trước đây, nơi tôi đã từng công tác, ăn cơm mòn đĩa, mòn bát nhà đồng bào trong những ngày kháng chiến. Ở đây có mắm cua là món nước chấm quen thuộc của địa phương mà chúng tôi thường được mời ăn. Cua đồng bắt về, cho vào vại để muối, chất ra nước chấm. Nhà nghèo, ăn xối thì mắm đục,

nhà giàu để lưu một, hai năm thì trong hơn. Mắm cua là của vùng nghèo, không được như mắm cáy, mắm tép của các vùng khác. Lúc đó, rau khoai lang luộc chấm với mắm cua đối với chúng tôi đã là món ăn tuyệt vời. Ngày nay hỏi ra thì cả làng không còn ai làm loại mắm đó; bây giờ nông dân ăn nước mắm, xì dầu, lại còn chọn loại nước mắm có thương hiệu nổi tiếng. Đời sống của nông dân đã khá lên, cho nên cái ăn, cái mặc bây giờ khác đi cũng là điều dễ hiểu. Khi thấy tôi hỏi thứ mắm đó để nhớ lại bữa cơm Tết nghèo trong thời kháng chiến gian khổ năm nào, anh bạn vỗ đùi nói: “Riêng tố thì vẫn có. Năm nào bà ấy cũng làm cho tố một vại. Hôm nay tố đãi cậu món đó, món ăn anh em mình vẫn ăn với nhau trong những ngày kháng chiến ở vùng quê này!”. Thế là anh xăm xắn đi hái ngọn rau khoai lang, phải ra ruộng khoai mà xin bà con, chứ chợ chỉ bán rau khoai cho lợn ăn, loại rau đó rất tạp, người ăn khó nuốt. Bữa cơm đó rất vui. Anh bạn nói: “Nghe nói rau khoai lang bây giờ là món đặc sản ở Hà Nội, một đĩa luộc cả chục ngàn đồng?”. Tôi gật đầu nói: “Bây giờ họ ăn rau khoai lang không là thứ ăn chính như chúng ta ngày xưa, mà là thứ điểm xuyết trong một mâm cao lương

mỹ vị, thịt cá đầy đủ ụ. Cho nên có tí chất, tí nồng cho đỡ đi cái mỡ màng, béo ngậy”. Bữa cơm ấy chúng tôi ăn rất ngon, ngon vì lạ miệng, vì nhớ lại thức ăn thuở xưa và còn vì vui chuyện cũ. Tôi cứ tấm tắc khen mãi vai mắm của chị vợ anh bạn muối, làm cho bà ấy rất phấn khởi, rồi nói: “Các ông bây giờ ngồi với nhau toàn nói chuyện khổ, chuyện nghèo, quanh đi quẩn lại chỉ mấy chuyện đó, bọn trẻ nghe nhiều rồi phát chán!”. Anh bạn tôi liếc mắt lườm vợ, như nhắc “không nên nói chuyện đó lúc này!”.

Khi chia tay, tôi ngỏ ý xin vợ chồng anh bạn một chai mắm cua mang về Hà Nội cho cả nhà ăn. Chị vợ càng phấn khởi, te tái đi tìm chai, tìm lọ, còn anh bạn thì xem ra ngập ngừng. Một lúc sau anh nói: “Nhà có đấy. Đáng gì! Nhưng cậu mang về Hà Nội cho gia đình ăn không khéo lại mất đi cái không khí vui vẻ hôm nay!”. Tôi tặc lưỡi nói: “Sao ông lại nghĩ thế!”.

Thế rồi tôi mang chai mắm cua về nhà như một của quý. Cả nhà tôi chưa ai biết thứ mắm này, nghe tôi kể đều rất vui. Con cái ra chợ mua mớ rau lang về chỉ ngắt lấy ngọn, còn luộc chân qua một nước cho đỡ mùi ngái, mùi nồng. Tôi trịnh trọng lấy chai mắm rót ra bát.

Mọi người thò đũa chấm nếm thử, không ai nói gì, không khen như mọi khi tôi đi công tác mua quà lạ về, cũng không một lời chê, chắc là không ai nỡ chê một thứ mà cha quý, cha trân trọng. Nhưng cả bữa ăn đó, chỉ có một mình tôi ăn rau lang chấm mắm cua, còn vợ tôi chỉ ăn đúng một gắp. Mấy đứa con thì không đứa nào nhúng đũa. Tôi mất hứng, nhưng ai lại phàn nàn các con chỉ vì một món ăn, vì mỗi người một miệng. Khi hỏi, chúng chỉ nói: “Con không quen ăn!”. Bữa ăn tưởng vui hóa ra không vui.

Thế rồi chai mắm đó chỉ dành cho tôi. Rau lang không phải lúc nào cũng có, cho nên nhiều bữa thay bằng rau muống. Nhưng đối với tôi, thú thật là chỉ một hai bữa đầu ăn thấy ngon miệng, ăn như một kỷ niệm, còn ăn đến bữa thứ ba lại không thấy ngon, lại đòi tương hoặc nước mắm để chấm rau. Thế thì cái miệng của tôi cũng đã khác rồi. Chợt an ủi: “cũng như khi kháng chiến, phải ăn rau tàu bay bữa này qua bữa khác. Còn bây giờ ai lại ăn rau tàu bay, thích ăn rau thì có cả chục thứ rau quen miệng. Điều đó đâu có phải là điều gì đáng xấu hổ. Người ta có thể chịu đựng và vượt qua khi gian khổ, đói nghèo, nhưng có ai lại có thể quen và

mãi mãi vui với gian khổ, đói nghèo. Đến mình còn như thế, nữa là đám trẻ”. Cứ nghĩ mãi chai mắm cua đặt dưới gốc cau ở cái vùng quê nghèo huyện Thư Trì là món ăn quen thuộc thời gian khổ của năm tháng kháng chiến, lại nghĩ tới và chấp nhận cái lý lẽ “mỗi thời một khác”, không lấy đó làm điều phải băn khoăn. Có chăng đừng có quá đà, ăn tiêu hoang phí.

Tạp chí *Sức khỏe và Đời sống*,
Bính Tuất, 2006

LẠC NGÕ

Hai tết nay tôi mới về quê ngoại. Vì ở quê còn rất ít người thân; họ đều theo con em lên ở tỉnh, thành phố. Vả lại công việc cũng rất bận, về quê lại đi trái đường công tác.

Nhưng về quê cũ mà như đi vào làng mới. Xe tắcxi vượt một đoạn khá xa, càng đi cảnh quan càng lạ. Phải đỗ xe để hỏi thăm nhà. Lại phải vòng một đoạn mới về lại ngõ nhà bà chị, bây giờ cũng đã nhường cho ông cậu họ xa, để lên tỉnh ở với con.

Biết rằng về quê mà lạc ngõ là một “tội lớn”, thế nào cũng phải dỏng tai lên nghe lời chê trách. Và quả nhiên, thế thật. Một lúc thì họ hàng xa gần kéo đến. Hỏi thăm dăm ba câu rồi bắt đầu nói bóng gió xa gần trách móc: “Lâu ngày chú không về quê, cho nên lạc cả đường, xóm làng người ta theo dõi biết cả!”. Ông cậu nói mĩa mai: “Hôm qua chim khách

đậu trên cành tre báo nhà có khách chờ mãi mới thấy xe qua ngõ không chắc có phải chú không. Quê ngoại mà, làm sao nhớ đường!”.

Đúng, đây là quê ngoại. Nhưng điều quan trọng không phải là nội hay ngoại, mà chính nơi đây tôi đã trú ngụ, nhờ bà con che chở trong thời gian kháng chiến ở địch hậu Thái Bình. Cho nên không chỉ có tình nghĩa gia đình... Tôi thật sự lúng túng, tìm cách chống chế. Nhưng chống chế mà làm gì, cốt nói thật là hơn.

Tôi nói: hai năm mới về thăm quê bây giờ khác xưa nhiều quá. Từ đường 10 rẽ vào, trước đây là đường đất cát pha, bây giờ là đường rải đá, rải nhựa, đã ngõ ngang ngay từ đường cái. Rồi vào xóm Miếu, cái Miếu thì lọt thỏm, mà trạm xá thì che cả mắt nhìn. Đường vào ngõ trước đây là hai bụi dâm bụt, bây giờ các bác làm nhà hai tầng; cái ngõ trước đây rộng, bây giờ hẹp lại... làm sao mà tôi nhận ra.

Nghe thế, mọi người cười xòa. Có cụ đồ lời: “Chú ấy nói cũng phải. Chú ấy lạc ngõ, vì làng xóm bây giờ khác xưa, chứ lỗi gì ở chú ấy. Thôi, uống bát nước cho ấm bụng rồi kể

chuyện Hà Nội giáp Tết cho nghe. Nói cái gì khác ấy vì nhà nào cũng có ti vi!”.

Thế là thoát cái tội “lạc ngõ” tưởng là rất khó mà gỡ ra, hóa ra lại rất vui.

Tạp chí *Văn hóa Doanh nhân*,

Bính Tuất, 2006

CÔNG NHÂN KHÔNG ĐƯỢC TỤT HẬU!

Xuất thân từ một gia đình công nhân; từng đảm đương nhiều trọng trách trong công tác Đảng: Tổng Biên tập báo *Nhân Dân*, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và nay giữ cương vị Trợ lý Tổng Bí thư, Nhà báo lão thành Hữu Thọ luôn tâm huyết với các vấn đề của giai cấp công nhân. Câu chuyện của ông với phóng viên báo *Lao động* về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân hiện nay trong nấc thang xã hội, có nhiều điều khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Thưa ông, một điều tra mới đây ở Trung Quốc cho thấy trong bậc thang giá trị xã hội, giai cấp công nhân nước này đã tụt xuống vị trí thứ 8/10 - chỉ đứng trên nông dân và người thất nghiệp. Ở nước ta dù chưa có xếp hạng, nhưng rõ ràng là vị thế của giai cấp công nhân đang trong tình trạng suy giảm đáng báo động?

- Quan điểm của Đảng ta với giai cấp công nhân rất rõ, Đảng ta coi khối liên minh của

giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc, giai cấp công nhân là một trong những lực lượng tiên phong trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhưng trong thực tế, người ta coi trọng giai cấp công nhân đến đâu thì cần phải đánh giá. Những bậc thang giá trị xã hội không phải chỉ xuất phát từ quan điểm của Đảng mà được. Bây giờ, người ta thường lấy quyền uy và giá trị đồng tiền để so sánh thì tôi có cảm giác giai cấp công nhân không còn giữ được bậc thang giá trị trong xã hội như trước đây, nghĩa là không còn được kính trọng như mong muốn của Đảng. Đây là điều tôi rất quan tâm, thậm chí lo lắng. Tôi đọc một số tài liệu của nước bạn tổng kết công cuộc cải cách, thì vấn đề vai trò của giai cấp công nhân trong thực tế cũng là nỗi lo lắng của họ. Tôi mong rằng chúng ta cũng nên có những điều tra khách quan để đánh giá đúng thực trạng giai cấp công nhân, bởi vì có những thực tế không giống mong muốn của chúng ta, mà chúng ta cứ lấy mong muốn để gò thực trạng vào thì sợ là chúng ta chỉ nhìn thấy màu hồng. Khi mà một hệ thống chính trị không có cơ sở xã hội từ những người lao động thì rất phức tạp.

Quan điểm nhất quán trước sau như một của Đảng ta: Xác định giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt, vậy vấn đề ở đây là phải làm sao để giai cấp công nhân có được vai trò đích thực mà Đảng ủy thác?

- Trong các văn kiện của Đảng và ngay trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội Đảng lần thứ X hiện nay đều chỉ đạo dành sự quan tâm đặc biệt cho việc bồi dưỡng giai cấp công nhân trên các mặt: Nâng cao giác ngộ chính trị và bản lĩnh chính trị; nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp theo hướng trí thức hoá công nhân; bảo đảm thực thi luật pháp liên quan đến đời sống của giai cấp công nhân; chăm lo bồi dưỡng người công nhân trở thành nhà lãnh đạo và nhà quản lý; bồi dưỡng giai cấp công nhân trở thành giai cấp công nhân hiện đại trong thời kỳ hội nhập quốc tế và tiếp cận nền kinh tế tri thức... Chỉ đạo của Đảng là như vậy, vấn đề là tổ chức thực hiện. Điều này phải được thấm nhuần trong từng doanh nghiệp, trong từng địa phương. Chúng ta phát triển kinh tế mà không nghĩ đến cơ sở xã hội của sự phát triển kinh tế bền vững, mà không xây dựng một nền tảng vững mạnh của khối đoàn kết toàn dân thì sẽ khó phát triển theo định hướng. Chúng ta phải đổi mới mà

trọng tâm là phát triển kinh tế. Khi kinh tế kém phát triển thì người lao động là người khổ đầu tiên. Nhưng khi kinh tế mở ra mà không quan tâm đến chính sách xã hội, không quan tâm đầy đủ tới việc xây dựng lực lượng chính trị thì sẽ khó phát triển bền vững. Tất nhiên, khi xã hội phát triển, nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững, đúng định hướng của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá bao gồm các nhà lãnh đạo, quản lý tài năng, các nhà khoa học, văn hoá sáng tạo, đội ngũ người lao động lành nghề, các doanh nhân thành đạt, hết lòng vì đất nước. Phải xây dựng, bồi dưỡng toàn bộ nguồn nhân lực đó, chứ không phải chỉ riêng giai cấp công nhân. Nhưng ở đây, ta đang nói về giai cấp công nhân. Công nhân phải được tri thức hóa thì mới làm tròn nhiệm vụ giai cấp tiên phong trong nền kinh tế tri thức.

Tìm hiểu ở một số doanh nghiệp, kể cả những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tôi thấy khi người chủ - người lãnh đạo quản lý nghĩ đến tương lai lâu dài thì họ lại rất quan tâm đến người công nhân, bởi vì đây chính là lực lượng làm ra của cải, thực hiện những hợp đồng của họ ký kết. Đó là những xí nghiệp biết nhìn xa trông rộng. Chỉ có những

người “bóc ngắn cắn dài” thì mới cắt xén những điều kiện của công nhân. Tôi cho rằng, chăm lo đến người công nhân là xu thế tất yếu ở các xí nghiệp làm ăn lớn của chúng ta.

Thưa ông, nhìn vào đội ngũ cán bộ tham gia cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp có thể thấy những người xuất thân từ giai cấp công nhân ngày càng ít. Điều gì khiến giai cấp công nhân bị tụt hậu như vậy?

- Tôi có cảm giác anh chị em công nhân lúc này ít được thông tin, ít được giáo dục về chính trị. Với mức lương bổng hiện nay, nhiều anh em phải làm thêm mới đủ sống cho nên không còn nhiều thời gian để sinh hoạt, học tập. Rồi nguồn thông tin lại không có (chủ yếu là nghe loa, làm gì có báo để đọc). Ngay việc sinh hoạt chính trị cho công nhân cũng khó có điều kiện. Khi là Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, chúng tôi từng nhận xét, trong thời kỳ đổi mới, công nhân là một trong những lớp người ít được thông tin và được giáo dục chính trị nhất. Đây là điều tôi hết sức lo lắng. Thế rồi việc thực hiện trí thức hoá giai cấp công nhân thì phải có chính sách đặc biệt như thế nào để bồi dưỡng anh chị em về chuyên môn, về văn hoá. Cứ cho là có số liệu cho thấy trình độ tri thức của anh em

mỗi năm một cao hơn, thì cũng đừng nên lấy đó làm phấn khởi vì chúng ta cần phải so sánh nó với yêu cầu của nền công nghiệp phát triển như vũ bão hiện nay. Tôi đã đi thăm một số khu công nhân và tôi đặc biệt quan tâm đến công nhân nữ. Đi một số nơi thấy chị em vui vẻ vì mới từ nông thôn nghèo khó ra, nay tiếp cận đời sống công nghiệp thì cũng đã có bước cải thiện, nhưng tương lai của những người nữ công nhân ấy như thế nào là điều tôi hết sức băn khoăn. Không ít chị em không có chồng hoặc không dám lấy chồng vì thu nhập không đủ nuôi con, không đủ cho con ăn học, trong lúc đó sức khỏe ngày một giảm sút, nhà cửa vẫn ở thuê...

Thấy hết, vạch ra hết tình trạng bất cập của giai cấp công nhân hiện nay, cũng có nghĩa là chúng ta đã tìm thấy hướng để củng cố địa vị của lực lượng nòng cốt này. Và đây là điều chúng ta có thể lạc quan, thưa ông?

- Về lực lượng giai cấp công nhân hiện nay, có thể thấy số lượng công nhân ngày càng đông đảo và chất lượng cũng được nâng cao. Đáng phấn khởi là có những ngành chúng ta đã theo kịp sự phát triển của thế giới hiện đại, ví dụ như xây dựng nhà cao tầng, đóng tàu trọng tải lớn, làm cầu - đường

hiện đại, lắp ráp điện tử. Rõ ràng đội ngũ công nhân của chúng ta đang trưởng thành. Đã xuất hiện những tấm gương, điển hình cho thấy giai cấp công nhân của ta có thể vươn lên làm chủ khoa học hiện đại, người nghèo có thể vươn lên đạt học vấn cao.

Tất nhiên, khi đi vào nền kinh tế thị trường thì chúng ta cũng phải chấp nhận có giàu, có nghèo. Sự chênh lệch về mức thu nhập do lao động, do quản lý thực ra là động lực kích thích phát triển của xã hội, nhưng chênh lệch giàu nghèo bao nhiêu là vừa, chứ nếu để nó dẫn ra quá rộng, quá nhanh thì sẽ ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội. Đây là một bài toán khó, không chỉ đối với chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta thực hiện tốt chỉ đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước thì chúng ta hoàn toàn có khả năng nâng cao chất lượng đội ngũ giai cấp công nhân, là điều kiện để nâng cao bậc thang giá trị của giai cấp công nhân trong xã hội.

Xin cảm ơn ông!

Báo *Lao động*, Xuân Bính Tuất, 2006

HƯỚNG TỚI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Mong muốn cải thiện đời sống của mình luôn luôn là ước vọng ngàn đời, và không có giới hạn của con người.

Chăm lo cho con người luôn luôn là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Trong *Di chúc* để lại cho muôn đời sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dặn lại: “Công việc đầu tiên là công việc của con người”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI cũng ghi rõ mục tiêu phát triển là vì con người, động lực phát triển là do con người.

Sự mong muốn và có kế hoạch không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn là cuộc phấn đấu hằng năm, 5 năm và dài hơn nữa. Nhưng cái mốc đặt ra để thực hiện bao giờ cũng có giới hạn của lịch sử do khả năng thực thi. Chẳng hạn, cái chuẩn nghèo do ta đặt ra cách đây 20 năm, thường gọi là “chuẩn quốc gia” là cái chuẩn “đói nghèo lương thực”, bây giờ phải nâng lên

cho phù hợp với chuẩn quốc tế khi nền kinh tế có khả năng nâng lên, do đó số hộ nghèo từ chỗ chỉ còn 7% đã tăng lên 28% tổng số hộ. Ta không những không buồn vì tỷ lệ đói nghèo tăng lên mà thấy mừng vì đã có điều kiện để nâng chuẩn đói nghèo lên bắt nhịp với chuẩn quốc tế.

Và, nếu tôi không lầm, khi sự đói nghèo lương thực về cơ bản được giải quyết, cuộc sống vật chất của nhân dân được nâng lên rõ rệt, thì từ hơn 5 năm nay, chúng ta nhấn mạnh *chất lượng cuộc sống*. Dự thảo Văn kiện trình Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng nêu mục tiêu phấn đấu nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

*

* *

Trong các mối quan hệ, có quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Số lượng và chất lượng đều quan trọng, nhưng về cơ bản và lâu dài, đều hướng tới chất lượng. Và chất lượng được đề cập trên các mặt. Chất lượng sản phẩm, chất lượng tăng trưởng kinh tế, chất lượng xã hội, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đời sống vật chất, chất lượng đời sống tinh thần...

Rồi cụ thể hơn, người ta nói tới chất lượng ăn, chất lượng ở, chất lượng đi lại, chất lượng học tập, chất lượng khám, chữa bệnh, v.v.. Nghĩa là lĩnh vực nào, vấn đề nào cũng đều rất quan tâm tới chất lượng, nhưng “chất lượng cuộc sống” có những nội dung gì?

Nâng cao chất lượng cuộc sống là vấn đề của toàn thế giới. Do đó đã có nhiều tác giả nghiên cứu, đề cập, đưa ra các nội dung và tiêu chí. Có tác giả nêu tám nội dung, có tác giả nêu 12 nội dung, có những nội dung được tách riêng ra hoặc nhập vào tùy theo sự nghiên cứu của từng tác giả. Nhưng nhìn chung, theo tôi, có thể quy thành những nội dung cơ bản sau đây:

- Đó là một xã hội vươn tới sự sung túc trong đời sống vật chất liên quan tới chất lượng dinh dưỡng bữa ăn ngày càng nâng cao và hợp lý, chất lượng nhà ở ngày càng tốt hơn với những tiện nghi đầy đủ hơn, ăn mặc lành lặn và sang trọng hơn...

- Đó là được sống trong môi trường hòa bình, an ninh xã hội, bảo đảm bình đẳng xã hội, nhất là cơ hội được học tập, chăm sóc y tế, bảo đảm cuộc sống khi già yếu... Và đặc biệt là có gia đình ấm no, hạnh phúc.

- Đó là xã hội mà mọi người sống trong môi trường tự do, dân chủ, kỷ cương, được đối xử bình đẳng trước pháp luật, được bình đẳng trong tiếp nhận thông tin, hưởng thụ văn hoá lành mạnh, đa dạng, sống trong sự hoà thuận với mọi người.

- Và người dân được sống trong môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện...

Tôi thử tập hợp những nội dung mà các tác giả đã đề cập và thấy có rất nhiều mặt, không chỉ có mặt kinh tế. Cũng thấy những yêu cầu về chất lượng là vô cùng, phải có bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, đồng thời từng bước thực hiện các nội dung toàn diện trong việc không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Khi nhấn mạnh chất lượng, nghĩa là về cơ bản trên một số mặt đã đạt được những số lượng cần thiết. Cũng như khi đã ăn đủ no mới có thể bàn tới chuyện ăn ngon, đủ dinh dưỡng hợp lý. Chất lượng cuộc sống mới là điều quan trọng, nhưng lại không bao giờ quên sự phát triển về số lượng, vì nước ta dù đã có những bước tiến quan trọng trong thời kỳ đổi mới thì vẫn là một nước nghèo, chậm phát triển.

Mùa xuân này phải hướng tới phát triển nhanh, bền vững và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tạp chí *Truyền hình*, Xuân Bính Tuất, 2006

KHI ĐỘNG VÀO “CÁI TỔ CON CHUỒN CHUỒN”

Tôi được nhân dân Phú Thọ bầu là đại biểu Quốc hội khoá IX và khoá X của tỉnh Vĩnh Phú (khi chưa tách tỉnh) và Phú Thọ (khi đã tách tỉnh). Vĩnh Phú và Phú Thọ đều không phải nơi sinh ra tôi, nhưng quê vợ ở xã Hiền Lương, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ. Đồng thời khi làm báo Đảng, tôi có điều kiện thâm nhập thực tế, sống với bà con của ba tỉnh trước đây là Phúc Yên, Vĩnh Yên và Phú Thọ để viết bài. Đặc biệt, đã trực tiếp gần bó với phong trào khoán sản phẩm đất lúa tới hộ ở Vĩnh Tường (Vĩnh Phú) năm 1966 thuở đồng chí Kim Ngọc là Bí thư Tỉnh ủy; nằm hàng tháng trời ở xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba (Phú Thọ) để nghiên cứu hợp tác hoá vùng chè theo chỉ thị của đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách nông nghiệp năm 1962. Rồi “ba lần theo Vĩnh Phú lên đồi” từ thuở khai phá đất đồi trồng sắn ở Đoan Hùng, tới thời kỳ mở

vùng đất đồi quy mô lớn ở Hy Cương, cho tới lúc giao đất giao rừng lập trang trại, vườn đồi của gia đình; tức là đã trải qua các thời kỳ tìm mô hình cho đất dốc trên đồi ở Phú Thọ. Phải kể lẻ dài dòng như vậy để thấy tuy Vĩnh Phú, Phú Thọ không phải là quê tôi nhưng cuộc đời hoạt động của tôi cũng đã gắn bó với vùng đất này cho nên cũng có chút hiểu biết, quen biết khá nhiều đồng chí cán bộ thuộc nhiều thế hệ ở đây. Đó cũng là thuận lợi khi là đại biểu cho nhân dân tỉnh trung du này.

Tuy ứng cử ở đây nhưng tôi thuộc diện cán bộ Trung ương giới thiệu về, khoá IX là Tổng biên tập báo *Nhân Dân*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam và khoá X là Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng. Là đại biểu được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu về và được nhân dân địa phương tín nhiệm bầu ra, hoạt động của chúng tôi có những đặc điểm khác với các đồng chí do địa phương giới thiệu và trúng cử. Là đại biểu do nhân dân địa phương bầu ra, tôi có trách nhiệm phải nắm vững và phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương về những vấn đề của địa phương và của đất nước, nhưng là đại biểu Quốc hội, thành viên của cơ quan dân cử có

quyền lực cao nhất để xây dựng pháp luật, hoạt động giám sát và quyết định các công việc lớn của đất nước, do đó phải vì lợi ích cả nước mà phát biểu. Nhiều trường hợp hoạt động rất thuận lợi vì lợi ích của địa phương thông thường thống nhất với lợi ích quốc gia, nhưng không phải mọi trường hợp đều như vậy, có khi chỉ là chuyện nhỏ nhưng cũng sinh rắc rối trong việc thực thi trách nhiệm của một đại biểu Quốc hội.

*

* *

Tôi vốn thoát ly gia đình hoạt động cách mạng chuyên nghiệp từ ngày Toàn quốc kháng chiến mới 14 tuổi, hoạt động qua nhiều công tác như thanh niên, quân đội, công tác Đảng và làm báo, luôn luôn gắn bó với cơ sở, với nhân dân. Nhưng cũng phải thú thật là từ khi giữ trách nhiệm như Phó ban rồi Trưởng ban Đảng ở Trung ương thì không có điều kiện ở lâu dưới cơ sở, sự hiểu biết thực tế có phần giảm sút, việc tiếp xúc với nhân dân lại có khoảng cách. Là đại biểu Quốc hội thì phải tiếp xúc với nhân dân theo quy định để lắng nghe ý kiến nhân dân và tiếp xúc với các chuyên gia về từng lĩnh vực để nghe ý kiến họ

về các dự án luật, do đó đã tạo điều kiện cho tôi hiểu biết thêm thực tiễn, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, không những để có thể làm tốt công việc đại biểu Quốc hội mà còn để làm tốt công tác do Đảng phân công ở báo *Nhân Dân* và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Cũng từ đó có nhiều kỷ niệm, mà trong dịp này tôi chỉ kể một kỷ niệm nhỏ.

Trong 10 năm tham gia Quốc hội, nhiều bạn đồng nghiệp cũng như một số bà con, cho tôi là một đại biểu có am hiểu thực tiễn và phát biểu thẳng thắn. Tôi xin thành thật cảm ơn những lời nhận xét tốt đẹp đó. Nhưng phải nói là mọi sự không dễ dàng, và cũng phải thú nhận là không phải mọi chuyện đều có thể nói thẳng, tuy rằng không ai làm gì được mình, vì ai có quyền và có khả năng “trù úm” đại biểu Quốc hội. Tôi chỉ xin kể một mẩu chuyện nhỏ, không phải để trách ai, mà là để chia sẻ kinh nghiệm và mong được thông cảm.

Còn nhớ, trong khoá X, không phải chỉ tôi mà nhiều đại biểu Quốc hội rất băn khoăn chuyện đầu tư dàn trải, phân tán, do đó kém hiệu quả và phát sinh nhiều tiêu cực. Nhiều lần, cơ quan có trách nhiệm bên Chính phủ giải trình là sự phân tán, dàn trải chủ yếu là ở các công trình thuộc nhóm B và C, theo

phân cấp là do chính quyền địa phương chịu trách nhiệm. Nghĩa là mọi tội lỗi gặt sang địa phương, cơ quan Trung ương không chịu trách nhiệm gì. Đúng là có trách nhiệm của địa phương khi trình các dự án, nhưng đổ tất cả cho địa phương thì không thỏa đáng. Thật ra, đầu tư là lĩnh vực tôi ít am hiểu, nhưng như trên tôi đã trình bày, do là đại biểu Quốc hội tôi có điều kiện gặp gỡ, trao đổi ý kiến khá kỹ với các cán bộ, chuyên gia ở địa phương Phú Thọ cũng như ở nhiều nơi khác, cho nên giúp tôi hiểu thực tế hơn. Do đó, tôi phát biểu không đồng tình với giải trình của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, nói rõ “không có B, C nào mà không có bàn tay của cơ quan Trung ương”, từ tư vấn, thậm chí được “thuê” làm hộ dự án để “người lập dự án” và “người duyệt” là một cho được dễ dàng thông qua. Tôi phát biểu và đưa ra dẫn chứng khá dài, đủ 15 phút theo quy định thời gian của một lần phát biểu. Ra nghỉ giải lao, nhiều vị đại biểu nói: “Ông chọc đúng cái tổ con chuồn chuồn”. Tôi thật sự phấn khởi khi nhờ đồng chí, đồng bào để hiểu đúng vấn đề và tranh luận trước diễn đàn Quốc hội.

Nhưng ngày vui chưa tầy gang. Một tháng sau, có dịp họp Đoàn đại biểu Quốc hội, mấy đồng chí lãnh đạo địa phương nói với tôi:

“Anh nói trên hội trường là rất đúng, nhưng gay quá!”.

- Gay là gay nỗi gì? Đúng thì sợ gì, mình còn chẳng sợ nữa là các cậu!

- Đúng là không ai dám làm gì anh, nhưng chết chúng tôi. Hôm qua xét duyệt kế hoạch, mấy chuyên viên bắt bẻ đủ điều, nói: “Đại biểu tỉnh các ông phát biểu phê phán chúng tôi, cho nên chúng tôi phải chặt chẽ!”. Thế là chết chúng tôi. Mong anh diu diu cho địa phương nhờ. Anh chọc vào kế hoạch, tài chính, ngân hàng là chúng tôi bị trả đũa ngay...

Nghe xong, tôi vừa bực mình, vừa “hối hận”. “Hối hận” vì mình là đại biểu Quốc hội địa phương, không làm lợi cho địa phương thì thôi, mà lại làm hại cho các đồng chí. Thực ra đó là suy nghĩ không đúng, nhưng dù thế nào thì những kỳ họp sau đó, tôi cũng không dám động đến cái “tổ con chuồn chuồn”, vì thông cảm với các địa phương.

Thực ra, có thể tôi hỏi người nói với tôi: “Ai nói với anh thế, họ ở bộ nào” để có địa chỉ tiếp tục đấu tranh. Nhưng tôi không làm, vì tôi lại sợ làm phiền các đồng chí ở địa phương hơn.

Mẩu chuyện trên đây cũng là một kỷ niệm nhỏ, rất nhỏ thôi, để thấy “nói thật, nói

thắng, ngay tại diễn đàn Quốc hội cũng không dễ”. Có thể nhiều vị đại biểu của khóa này không để xảy ra tình trạng đó, làm mất đi tính chiến đấu và sự ngay thẳng của một đại biểu Quốc hội, thì câu chuyện trên cũng coi như một lời tâm sự của một đại biểu Quốc hội của thời kỳ đổi mới, đã rất cởi mở nhưng cũng còn những ràng buộc, có khi chỉ là tâm lý, cho nên không dễ gì nói thẳng.

Thật ra, chung quanh vấn đề này không chỉ có những chuyện nêu trên, mà cũng chỉ kể ra một khía cạnh cụ thể để thấy ngay đại biểu Quốc hội mà nói thẳng cũng không dễ.

Ngày 06/01/2006

VĂN HÓA DOANH NHÂN

Vấn đề xây dựng và bồi dưỡng văn hóa doanh nhân trong hội nhập và phát triển kinh tế là vấn đề lớn, vì các doanh nhân có vị trí rất quan trọng đối với phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể tiếp cận vấn đề này trên những điều sau đây:

1. Lịch sử dân tộc đã chứng minh văn hoá có vị trí đặc biệt quan trọng, là động lực mạnh mẽ trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm tới phát triển văn hóa. Trong quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta ngày càng thấy vai trò quan trọng của văn hóa, coi phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên là những trụ cột để phát triển bền vững. Văn hóa không đứng tách riêng ra, cô lập với các lĩnh vực khác, mà phải “thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng,

từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” như Nghị quyết Trung ương đã chỉ rõ.

Kinh nghiệm của nước ta và thế giới đều thấy: kinh tế không thể phát triển lành mạnh và lâu bền nếu không dựa trên nền tảng văn hóa. Và văn hóa không phải là sản phẩm thụ động của kinh tế, là “cái đuôi” của kinh tế mà nó có sức mạnh tinh thần lớn lao, chủ động tác động thúc đẩy phát triển kinh tế.

Doanh nhân ngày càng có vị trí cao trong xã hội, đóng góp phần quan trọng cho phát triển. Do đó bàn đến văn hóa doanh nhân là để các doanh nhân có thể góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước bền vững, cũng như để bản thân các doanh nghiệp phát triển bền vững, mà doanh nhân nào cũng mong muốn.

2. Khi bàn đến văn hóa doanh nhân, có người nêu lên: hoạt động kinh doanh thì trước hết và trực tiếp là hướng tới cái *lợi*; còn văn hóa là hướng tới cái *đúng*, cái *tốt*, cái *đẹp*, thì làm

sao mà kết hợp hài hòa được? Thật ra, trong các mối quan hệ lại không đơn giản như vậy.

Đúng là hoạt động kinh doanh thì phải hướng tới lợi nhuận, nhưng không chỉ vì lợi nhuận, vì nếu chỉ vì lợi nhuận mà coi nhẹ các quan hệ khác thì chắc chắn sẽ không thể có cái “lợi” lâu dài.

Đúng là mục tiêu của văn hóa hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp; nhưng không thể bỏ qua lợi ích, vì chính Mác cũng đã từng nói đại ý là thoát ly lợi ích của từng người và từng tổ chức là hành động duy ý chí.

Chúng ta không nên vì một số hành vi sai lầm, phạm pháp của một số doanh nghiệp rồi vơ đũa cả nắm, mà cần thấy trong thực tế nhiều doanh nhân đã mở mang sản xuất, giải quyết công ăn việc làm cho xã hội, đóng góp vào thu nhập quốc dân ngày một cao, hoạt động từ thiện có hiệu quả... được mọi người kính trọng.

Tuy nhiên, trong thời buổi kinh tế thị trường, chúng ta không phủ nhận vai trò rất to lớn của *đồng tiền*. Nhớ lại những ngày đầu thực hiện kinh tế thị trường vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, mọi người đã từng nghe câu về về vai trò của đồng tiền: “*Tiền là tiên là Phật. Là sức bật của cuộc đời. Là tiếng*

cười của tuổi trẻ. Là sức khỏe của ông già. Là cái đà của danh vọng. Là cái lọng che thân. Là cán cân công lý... Ôi Tiên là hết ý". Tôi nhớ, có lần làm việc với một nhà báo phương Tây, nghe dịch lại câu về đó, ông ta thích thú, nói đùa: "Thì ra các bạn đã tổng kết vai trò của đồng tiền, có khi đầy đủ và sâu sắc hơn cả Sếchxpia và Bandắc". Thật ra, cho đến ngày nay, khi quan sát trên thực tế, không phải câu về đó đã hết ý nghĩa. Nghĩa là đồng tiền có khả năng xuyên tạc bản chất con người, làm méo mó các quan hệ xã hội. Đó là mặt trái của quan hệ tiền - hàng vốn là một tất yếu kinh tế của bước tiến văn minh. Tất nhiên, khi nhân dân tổng kết mặt trái của đồng tiền, thì cũng chỉ nói điều nó có khả năng làm được. Nhưng tôi không nghĩ sức mạnh đồng tiền là vô hạn. *Đồng tiền có thể làm được nhiều điều, nhưng chắc chắn không thể đem lại hạnh phúc và niềm vui của con người.* Mùa xuân Bính Tý, 1996, tôi đã viết bài "*Giàu có và hạnh phúc*", cho rằng nghèo thì rất khổ, nhưng giàu chưa chắc đã có hạnh phúc, mà có khi còn gặp bất hạnh. Mục tiêu ta vươn tới không chỉ là giàu có, mà là hạnh phúc. Vì hạnh phúc là cái gì khó nhìn thấy, sờ thấy nhưng thật sâu sắc trong cuộc sống con người,

nó nằm trong quan hệ giữa con người với con người và với xã hội như nhà văn nổi tiếng Tuốcgônép đã nhận xét về một nhân vật giàu có mà đau khổ của mình: “Anh ta có tất cả, trừ hạnh phúc”.

3. Văn hoá trong phạm vi mà chúng ta đề cập trong nghĩa tương đối hẹp là *đời sống tinh thần của con người, là nền tảng tinh thần xã hội, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với tự nhiên. Văn hoá biểu hiện những giá trị chứ không chỉ là hành vi. Nhưng cái giá trị lại thể hiện qua các hành vi.* Trên cơ sở đó, chúng ta thử tìm hiểu các nội dung của văn hoá doanh nhân trong các mối quan hệ, như:

Đối với đất nước, với xã hội thì tôn trọng luật pháp, không trốn thuế, buôn lậu, giành một phần lợi nhuận tham gia vào các chương trình xã hội;

Đối với bạn hàng thì luôn luôn trung thực, bảo đảm các cam kết, không ích kỷ hại nhân, dèm pha, lừa đảo;

Đối với khách hàng thì luôn luôn tôn trọng, bảo đảm chất lượng hàng hoá và dịch vụ, không kiếm lời bằng cách làm hàng giả, hàng nhái;

Đối với người lao động thì hợp tác, thực hiện đúng các chính sách lao động và thưởng những người có nhiều công sức làm nên lợi nhuận cao, v.v..

Đối với thiên nhiên thì có trách nhiệm bảo tồn và làm phong phú môi trường; không vì lợi nhuận mà hủy hoại môi trường thiên nhiên, v.v..

Nếu xử lý tốt các mối quan hệ nêu trên thì, theo tôi, mỗi doanh nhân vừa giàu có vừa có các quan hệ thân thiết với mọi người, là thành viên tích cực xã hội của quốc gia, do đó thỏa mãn đời sống vật chất lẫn tinh thần, trở thành người giàu có và hạnh phúc.

Khuyến khích mọi người làm giàu cho gia đình, tập thể và đất nước là hiệu triệu của Đảng Cộng sản Việt Nam đã ghi trong Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX). Nghĩa là không còn sự kỳ thị giàu có dẫn tới tâm lý sợ và ngại làm giàu, mở ra khả năng vươn lên làm giàu cho mọi người trong đó có các doanh nhân.

Kinh doanh là phải cạnh tranh. Tham gia cạnh tranh ai cũng muốn thắng và vươn tới để thắng và làm giàu. Tham gia cạnh tranh là phải chấp nhận sự thải loại các thành viên yếu kém trên thị trường. Nhưng quá trình cạnh tranh, làm giàu lại xuất hiện

nhiều vấn đề mới trong các mối quan hệ xã hội, cho nên lại phải có sự điều chỉnh, hình thành một số khái niệm như:

“Làm giàu, cạnh tranh hợp pháp, chính đáng” là làm giàu trên cơ sở nắm vững thông tin, đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, kinh doanh đúng pháp luật, quan tâm thích đáng đến lợi ích vật chất và tinh thần của người làm công, bồi dưỡng và phát huy sức sáng tạo của họ để tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng tốt, hình dáng đẹp và có giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường, giữ được chữ tín với người tiêu dùng và đủ sức cạnh tranh trên thị trường để thu lợi nhuận ngày càng cao.

Gần đây, trong việc làm giàu, một số học giả phương Tây còn nêu khái niệm *“làm giàu, cạnh tranh mang khuôn mặt người”* là một đặc tính cơ bản của con người trong cạnh tranh, trong việc làm giàu là hợp tác, giúp đỡ nhau, khác với loài thú là tranh ăn, cấu xé, thậm chí tiêu diệt nhau.

4. Văn hoá vừa là động lực, vừa là mục tiêu của phát triển. Trong lịch sử, *“văn hoá Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”* như Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã nêu rõ.

Mỗi thời kỳ lịch sử có nhiệm vụ lịch sử của nó.

Trong thời kỳ phát triển, hội nhập, văn hoá doanh nhân không chỉ là những hành vi quản lý chủ yếu nhằm làm tăng lợi nhuận cho các ông chủ, mà chủ yếu phải góp phần tạo nên tâm hồn, khí phách và bản lĩnh của lớp doanh nhân Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước nhanh chóng, bền vững, cũng như có vị trí xứng đáng trong hội nhập quốc tế.

Cuộc chạy đua trên thương trường quốc tế trong quá trình hội nhập rất gay gắt, lại ở thế xuất phát muộn, cho nên càng gay gắt. Nhưng chúng ta tin ở lớp doanh nhân Việt Nam, cũng như tin ở nội lực Việt Nam trong cuộc đua tranh này.

Tâm hồn, khí phách và bản lĩnh của doanh nhân Việt Nam, do văn hoá doanh nhân hoà chung trong dòng chảy mạnh mẽ của văn hoá dân tộc Việt Nam, trong cạnh tranh quốc tế phải tạo nên thế đứng xứng đáng trên thương trường quốc tế về từng mặt hàng, từng doanh nghiệp và cuối cùng là cả nền kinh tế. Do đó, vấn đề văn hoá doanh nhân trong quá trình phát triển lại có quan hệ chặt chẽ với quá trình hội nhập.

Tâm hồn của doanh nhân Việt Nam luôn hướng về sự phồn vinh và vị thế của đất nước trong quá trình kinh doanh làm giàu cho mình.

Khí phách và bản lĩnh của doanh nhân Việt Nam là không chịu lùi bước trước khó khăn, không chịu số phận thấp kém do xuất phát muộn, để vươn lên nhanh chóng, sánh vai cùng bè bạn năm châu, làm rạng rỡ thương hiệu của mình và thương hiệu Việt Nam.

Đó là mong ước của mọi người, và tôi nghĩ cũng là mong muốn của mỗi doanh nhân Việt Nam.

Tạp chí Văn hoá Doanh nhân, tháng 3/2006

MẤY ẤN TƯỢNG NHỎ MÀ SÂU SẮC

Thế hệ chúng tôi so với lão đồng chí Phạm Văn Xô (thường được gọi là Hai Xô), vừa là bậc con cháu, sinh sau hơn 20 năm, cũng là lớp đảng viên cộng sản hậu sinh, vào Đảng sau 20 năm. Nhưng tôi biết tiếng bác Hai Xô khi chưa gặp mặt bác.

Chuyện đồng chí là đảng viên vào Đảng từ ngày thành lập Đảng, vì đồng chí dự Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (năm 1935) còn sống cho đến lúc chúng tôi nghe đến tên tuổi đồng chí đã gọi sự hâm mộ muốn gặp mặt, nhưng lúc đó chưa thống nhất đất nước, mà đồng chí lại hoạt động ở miền Nam phải giữ bí mật, cho nên không thể gặp. Đến khi được ghi lại Hồi ký của đồng chí Lê Văn Lương về *“Những ngày cuối cùng của Bác Hồ”*, theo đồng chí Lê Văn Lương kể thì đồng chí Hai Xô là người Bác Hồ nắm tay, gặp cuối cùng, trước khi Người hôn mê, càng làm cho tôi thấy có dịp nào gặp bác Hai Xô để hỏi chuyện vào những ngày đó.

Nhưng không phải dự định nào cũng có thể thực hiện được. Sau ngày thống nhất đất nước, vào Nam công tác nhiều lần, nhưng ít có dịp gặp bác. Một hôm nghe mấy đồng chí kháo chuyện bác Hai Xô trả lại căn nhà rộng thênh thang để đến ở một căn nhà khiêm tốn hơn. Các đồng chí đó “trầm trồ” là phải, vì chuyện trả nhà rộng trong lúc “tác đất” không phải là “tác vàng” mà là “mấy cây vàng”, là chuyện lạ. Cũng phải nói là không phải lần đầu tiên tôi biết chuyện tương tự như thế. Có lẽ lần đầu tiên là chuyện ở Hà Nội, một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, sau khi mất, gia đình đã trả lại một biệt thự lớn cho quân đội, để đến ở một căn hộ chung cư khiêm tốn hơn; nhưng lúc đó là thời chiến tranh, chuyện đó cũng là tấm gương, nhưng trong lúc có biết bao nhiêu tấm gương hy sinh khác lớn lao trong xã hội, cho nên cũng cho là chuyện không có gì đặc biệt. Lần thứ hai, sau hoà bình, thống nhất, lại nghe và thấy một đồng chí Bí thư Tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long cũng tự nguyện trả lại Nhà nước ngôi biệt thự, sau khi nghỉ công tác. Chuyện này đã có nhà văn viết trên báo và tôi cũng tìm hiểu và xác nhận là đúng như thế. Nhưng chuyện bác Hai Xô trả nhà, mà nghe nói là

khu đất rất rộng, rất đẹp đã gọi trí tò mò của tôi về một đồng chí có công lớn, và vào thời điểm “đất ỏ” có giá lớn, cho nên phải nhờ một đồng chí chở đến xem tận nơi. Thì ra đó là khu đất rộng hàng nghìn mét vuông ở khu cư xá Thanh Đa, mà đồng chí trả lại cho Nhà nước, bây giờ mở rộng thành khu du lịch của thành phố, để xin đổi về ở một căn hộ khiêm tốn. Ngắm khu đất đẹp mà đồng chí trả lại, tôi càng quý phẩm chất của bác Hai. Nhưng đến lúc này vẫn là “thâm thương, thâm phục” thôi chứ chưa được giáp mặt đồng chí.

Còn nhớ, sau đó năm 1998 khi Trung ương cử tôi và một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng vào một tổ công tác do đồng chí Sáu Phong, Ủy viên Bộ Chính trị, làm Tổ trưởng đi khảo sát tình hình ở Nam Bộ để chuẩn bị cho Bộ Chính trị xây dựng Dự thảo Văn kiện trình Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng”. Sau các buổi gặp chung một số đồng chí lão thành cách mạng để nghe ý kiến, đồng chí Sáu Phong phân công tôi trực tiếp nghe thêm hai đồng chí lão thành cách mạng, đã từng là Ủy viên Trung ương khoá III, khoá IV, trong đó có

đồng chí Hai Xô. Thật sự, lúc đó mới là cuộc tiếp xúc lần đầu với đồng chí.

Thú thật, khi chuẩn bị gặp riêng từng đồng chí, tôi chuẩn bị nghe những lời nóng nảy, to tiếng, thậm chí mắng mỏ, cũng xuất phát từ tấm lòng của các đồng chí đã hoạt động lâu năm trong Đảng trước những bức xúc về sự tha hoá của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Nhưng gặp đồng chí Hai Xô thì thấy đồng chí lại có thái độ rất điềm tĩnh. Đồng chí cũng nói ý kiến của mình, nhưng không nói nhiều, vì sức yếu. Tôi còn nhớ, đồng chí nói: “Kể nhiều làm gì. Những chuyện cụ thể về việc này việc nọ, người này người nọ thì chúng tôi cũng chỉ nghe lại rồi phản ánh với Trung ương chứ còn đúng sai như thế nào thì phải kiểm tra, xác định. Nhưng xem ra Bộ Chính trị biết cả. Chỉ đề nghị đồng chí về báo cáo với Bộ Chính trị là tình hình phức tạp lắm, cho nên biết rồi thì kiên quyết sửa là được”. Nói xong, đồng chí ngồi yên một lúc lâu không nói gì. Rồi chợt nói trong giọng xúc động: “Kinh nghiệm công tác của tôi thấy lòng dân không yên đâu! Không ít cán bộ bây giờ không theo gương Bác Hồ đâu! Gấp đấy!”...

Đúng là buổi đó, không có một lời nói to, một giọng gay gắt như các buổi tôi gặp xin

ý kiến một vài đồng chí khác. Nhưng sao để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi, mà sau đó về báo cáo lại, tôi phải nói rất dài, tả cảm xúc của mình, vì không thể chỉ tường thuật lại mấy câu như thế được. Tôi hiểu: Khi phải nói “lòng dân không yên đâu”, “có không ít cán bộ không theo gương Bác Hồ đâu!” là bác Hai Xô đau lắm, nỗi đau lớn lao của một đồng chí suốt đời vì Đảng, vì dân. Nhưng vẫn tin rằng Đảng ta có thể sửa được, nên sửa ngay, sửa quyết liệt.

Đó là những mẫu chuyện nhỏ nhưng lại có ấn tượng sâu sắc của tôi về đồng chí Phạm Văn Xô kính mến của chúng ta.

Tháng 5/2006

NHỚ MỘT CHUYẾN RA ĐẢO

A nh bạn đồng nghiệp vừa có một đợt công tác ở đảo Bạch Long Vĩ về đã kể với tôi nhiều chuyện, rất say sưa, về những con đường mới, những cơ sở sản xuất mới mọc lên, những đôi vợ chồng trẻ trong phong trào tình nguyện đã sống với nhau ở những ngôi nhà mới xây, có vườn rau, có đàn gà, đàn lợn của cuộc sống gia đình có dấu hiệu sinh sống lâu dài trên đảo. Đặc biệt là cơ sở lọc nước biển thành nước ngọt, xóa đi cái tên “Vô Thủy” xa xưa của một hòn đảo không có nguồn nước ngọt. Thực ra, tôi cũng đã đọc báo, xem ảnh, xem phim tài liệu về cuộc sống trên đảo xa, nhưng nghe những người ra tận nơi về kể lại với nhiều mẫu chuyện sinh động thấy rất thú vị. Đối với tôi, nó càng thú vị, vì gọi nhớ chuyến ra đảo năm 1973, cách đây ba chục năm. Lúc đó đảo rộng 3 kilômét vuông này chỉ có bộ đội đóng quân. Không phải, tôi còn thấy bốn bạn trẻ công tác ở Trạm khí tượng đặt trên đồi cao như cái mu rùa ở giữa đảo, mà đến lúc

đó tôi mới biết mặt. Nhớ lại, mỗi lần ở đất liền đến Văn phòng Nha Khí tượng ở phố Đặng Thái Thân hồi hộp theo dõi các chuyên gia phán đoán đường di chuyển của bão; khi bão vào biển Đông, anh Nguyễn Xiển vẫn cố chờ tín hiệu “giao hội” của các chàng thanh niên ở Trạm đảo Bạch Long Vĩ để xác định hướng đi của bão vào đất liền báo cho đồng bào. Nhưng đối với tôi, kỷ niệm về chuyến đi Bạch Long Vĩ năm đó không chỉ có thế.

*

* *

Năm ấy, tôi và Lê Hưng là phóng viên báo *Nhân Dân*, có chuyến đi đầu tiên ra đảo xa theo đoàn của một số cơ quan Chính phủ ra nghiên cứu đề án phát triển Bạch Long Vĩ. Chúng tôi đi trên chiếc tiều thủy đình số 630 của quân đội. Đoàn gồm: đồng chí Lê Tự, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ là nhân vật chính; đồng chí Nguyễn Bá Phát, lúc đó là Tư lệnh trưởng Hải quân, chuẩn bị chuyển sang công tác lãnh đạo Bộ Thủy sản, đồng chí Đặng Kinh, Tư lệnh trưởng Quân khu III, và một số cán bộ dân sự, quân sự.

Đây là lần đầu tiên tôi ra đảo xa này, cách bờ 130 kilômét; có lẽ nhiều cán bộ đi trong

chuyến đó cũng mới lạ, hồi hộp như tôi. Trời cuối thu rất đẹp, cũng là qua mùa bão gió ở miền Bắc. Tàu ra khỏi cửa biển Hải Phòng thì sóng êm, biển lặng. Ra khơi chừng 40 - 50 hải lý thì sóng biển đã dữ dội, biển rộng sóng lừng mà con tàu lại nhỏ; có lúc lại yêu cầu đẩy nhanh tốc độ như để thử sức con tàu. Con tàu vẫn rẽ sóng tiến ra đảo. Nhiều người không quen đã thấy nôn nao. Nhìn lại thấy chỉ có đồng chí hải đồ và người cầm lái là tỉnh táo, còn đều lơ đãng, ngất ngư. Có đồng chí nhắm mắt cố ngủ cho quên sự vật vã ngoài biển khơi. Tôi cũng thế. Có cái gì trong ruột đều nôn thốc, nôn tháo ra hết. Tôi là người vốn gầy gò, lại là nhà báo được mời đi biển, cho nên được các anh rất thương. Nhưng muốn cho ăn, cho uống cũng không được, vì ăn uống càng nhiều thì càng nôn dữ, do đó càng mệt. Tư lệnh Nguyễn Bá Phát đến bên tôi vỗ vai nói chuyện vui để có thể mãi vui câu chuyện mà quên đi cái nôn nao trước sóng biển. Anh nói với những người mới đi biển lần đầu: “Mình phổ biến một kinh nghiệm cho các cậu: Đi biển thì mắt phải nhìn ra xa, chớ nhìn xuống chân mình mà chóng mặt rồi nôn ra hết!”. Nghe anh nói thế, tôi chợt nhận ra điều gì mới mẻ. Học theo cách của anh, nhìn xa thì

thấy “biển yên”, còn nhìn xuống chân thì chỉ thấy biển “sục sôi” rất dễ chóng mặt. Đó là kinh nghiệm mà người đi biển truyền lại, nhưng tôi lại chợt nghĩ và liên hệ tới kinh nghiệm của con người đi trên đường đời, vào những năm đó. Nhìn xa về tương lai để yên tâm mà đi, còn nhìn xuống chân thì sóng cuộn cuộn, đôi khi thấy bối rối. Cho đến bây giờ, tình hình đã khác xa so với cách đây 30 năm nhưng tôi vẫn nhớ lời khuyên của anh Bá Phát đối với người đi biển, để vững dạ mà đi trên đường đời!

*

* *

Tàu cũng đã cập đảo. Lúc đó, chưa có bến bãi đàng hoàng như anh bạn đồng nghiệp đã mô tả. Tàu phải neo cách bờ hàng trăm mét. Anh em bộ đội trên đảo đưa thuyền ra chuyển mọi người vào bờ. Bước chân lên bờ, đứng vững trên đất thì bao nhiêu mệt nhọc, quay cuồng dường như mất hẳn. Mừng quá vì được gặp anh em trên đảo. Anh em trên đảo cũng phấn khởi vì được đón chúng tôi. Lại được thông báo có mấy cán bộ cấp to ra đảo, quân sự có, dân sự có để khảo sát tình hình. Tôi vốn tính nhanh nhẩu, chạy lên trước

chụp mấy bức ảnh, rồi nói với một chiến sĩ trẻ: “Có Tư lệnh quân chủng Hải quân, Tư lệnh Quân khu, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ra thăm anh em”. Tôi muốn phô để anh em mừng, chứng tỏ là có nhiều cấp to quan tâm tới anh em, ra thăm anh em. Cậu chiến sĩ trẻ đó hỏi tôi: “Có văn công ra không? Có mang báo ra không?”. Nghe hỏi thế, tôi chợt giật mình, nhưng phải nói thật: “Tàu chật, văn công chưa ra được chuyến này”. Cậu chiến sĩ trẻ đó cũng chẳng nề gì tôi, cũng chẳng nề gì cấp to có mặt, nói luôn: “Thế thì chán quá! Sao không để cho mấy cô văn công ra có phải hay hơn không!”.

Tôi hơi cụt hứng. Đúng là chúng tôi cũng nhớ tới anh em, có mang rau xanh, cái chất mà anh em rất thiếu, nhưng lại quên phất cái khoản văn công, sách báo, là những món ăn tinh thần mà anh em đang thèm. Lúc đó, chưa có vô tuyến truyền hình. Đài phát thanh ở đảo xa thì bắt ọ ẹ bản tin trong nước. Cho nên anh em thèm hát, thèm tin, thèm bóng dáng người con gái. Đúng là chúng tôi chưa hiểu hết nhu cầu tinh thần của những người trẻ tuổi xa đất liền, sống ngoài đảo xa. Bữa cơm anh em chiến sĩ trên đảo đãi chúng tôi rất sang, một cái sang đặc biệt hiếm có, có thể

cho tới nay cũng chưa bao giờ được ăn uống như thế. Sống ở Hà Nội, những bà nội trợ nói chỉ cần 10 con bào ngư là đã có một bữa cỗ sang trọng, nhưng hôm đó anh em lặn xuống biển, bắt lên từ kẽ đá san hô dưới đáy biển để mời chúng tôi cả một rổ sê bào ngư tươi nguyên, còn được giải thích là loại “cửu khổng” (9 lỗ trên vỏ) của những con bào ngư sống 9 năm. Ăn ngon thế, lạ thế mà vẫn thấy buồn vì không hiểu được anh em cho nên không đáp ứng được yêu cầu của anh em, dù chỉ rất nhỏ, rất dễ đáp ứng. Tôi nói chuyện đó với Tư lệnh Nguyễn Bá Phát, anh Phát nghe thế cũng rất buồn, nói với chúng tôi: “Chúng ta tuần nào cũng được xem văn công, ngày nào cũng được xem báo, cho nên dễ xa rời nguyện vọng của anh em, những người chiến sĩ bình thường” sống thiếu thốn mọi thứ. Cái ông dạy tôi bài học “nhìn xa, nhìn gần” về kinh nghiệm đi biển, nói một câu có tính triết lý cuộc đời, bây giờ lại nhận ra một thiếu sót cũng có tính triết lý của một người chỉ huy, khi ở địa vị cao đã mất đi sự thông cảm với người dân, người chiến sĩ.

Bây giờ, những chuyến đi thăm đảo khác lắm rồi. Dù cho có quà bánh, thì cũng không ai dám quên văn công, sách báo cho các chiến sĩ.

Lại còn tìm cách lấp chỏ để thu hình. Nhưng biết đâu vẫn quên một thứ gì đó, mà yêu cầu của người ở xa, ở cấp dưới mong muốn mà ta không đáp ứng để đem lại niềm vui cho họ. Nói như cố Tư lệnh Hải quân Nguyễn Bá Phát là “xa rồi nguyện vọng của con người bình thường”!

MỤC LỤC

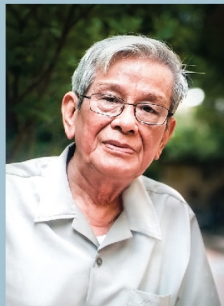
	<i>Trang</i>
- <i>Lời nhà xuất bản</i>	5
- Cái duyên	7
- Một chút, một chút	10
- Hoa và cân?	14
- Miếu tiến sĩ	16
- Con người của công chúng.....	19
- Người mẹ và đứa con	22
- Chuyện nhà.....	27
- Từ “áo dài”.....	33
- Dựng tượng	37
- Mỗi người một cảnh	40
- Nhịp sống tốc độ và tệ nạn đua xe	44
- Sống sâu sắc, say sưa	47
- Lá phiếu ủy quyền	49
- Nhớ bác.....	52
- “Trên tiên”	60
- Khi lớp trẻ giỏi	63
- Phá ngang	67
- Tiêu dùng và xã hội tiêu dùng	69
- Xâm lăng văn hóa là gì.....	72

- Các thầy tôi.....	76
- Đánh thức lương tâm.....	79
- “Ước chúa hay nghe”.....	81
- Nghĩ về mọi người.....	85
- Nông thôn hóa đô thị (!).....	88
- Bữa cơm gia đình.....	91
- Điều khó hiểu.....	93
- “Thử” và “vui” chết người.....	96
- Nỗi đau.....	99
- Nên người.....	102
- Bức ảnh đăng báo.....	105
- Bản lĩnh người trẻ.....	108
- Hạnh phúc và sự hy sinh.....	110
- Cậu ấm, cô chiêu ngày nay.....	113
- Cây quất ngày Tết.....	116
- Mùa xuân và con người.....	121
- Chiến trường xưa và lớp trẻ hôm nay.....	130
- Lời chúc của hai bà mẹ.....	133
- Pho tượng phật “xuất khẩu”.....	135
- Cây táo đãi bạn.....	137
- Học chủ nghĩa Mác - Lênin.....	141
- “Nói thì phải làm”.....	146
- Tâm sự một trí thức.....	151
- Đầu năm bàn chữ dân.....	156
- Công việc đầu tiên và trước hết.....	161
- “Những việc cần làm ngay”.....	167
- Mùa xuân nghĩ về lớp trẻ.....	179

- Tiếng gà gáy	183
- Anh Linh với cơ sở	187
- Bất biến và vạn biến.....	198
- Sức mạnh của ta	204
- Yêu thương và tin tưởng.....	210
- “Chiếu cầu hiền” thời cách mạng.....	214
- Món ăn nghèo.....	221
- Lạc ngõ	226
- Công nhân không được tụt hậu!.....	229
- Hướng tới chất lượng cuộc sống	236
- Khi động vào “cái tổ con chuồn chuồn”	241
- Văn hoá doanh nhân	248
- Máy ấn tượng nhỏ mà sâu sắc.....	257
- Nhớ một chuyến ra đảo	262

Tên khai sinh: NGUYỄN HỮU THỌ

- Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
- Nguyên Tổng Biên tập Báo Nhân Dân
- Nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
- Nguyên Trợ lý Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
- Nguyên Chủ nhiệm kiêm nhiệm Khoa Báo chí, Học viện Báo chí và Tuyên truyền



Bút danh: Hữu Thọ, Nhân Nghĩa, Nhân Chính

**CÁC TÁC PHẨM CỦA NHÀ BÁO HỮU THỌ
VỀ CHỦ ĐỀ CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC XÃ HỘI:**

- CHẠY... (Tiểu phẩm báo chí), Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, 2012
- Ô, DÙ, “LÒNG”, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, 2012
- CHUYỆN NHÀ, CHUYỆN NƯỚC, Nxb. Chính trị quốc gia, 2007, 2012
- GHẾ (Tiểu phẩm báo chí), Nxb. Chính trị quốc gia, 2009, 2012
- XIẾC (Tiểu phẩm báo chí), Nxb. Chính trị quốc gia, 2011
- NẾ VÀ NẾ (Tiểu phẩm báo chí), Nxb. Chính trị quốc gia, 2013
- QUÉT CẦU THANG (Tiểu phẩm báo chí), Nxb. Chính trị quốc gia, 2015